



CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ: Tổ 2 - khu 1, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, QN



HỒ SƠ NĂNG LỰC

CONGTYGMC.HL@GMAIL.COM



02033 849 928



PHẦN I

GIỚI THIỆU

CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

GIỚI THIỆU

CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

I. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Lịch sử hình thành và tổ chức:

Công ty cổ phần GEO Hạ Long (trước là Công ty cổ phần GMC Hạ Long) được thành lập năm 2016. Công ty cổ phần GEO Hạ Long là một trong những công ty phát triển trong lĩnh vực Tư vấn khảo sát, trở thành thương hiệu quen thuộc và là đối tác tin cậy của nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam.

Năm 2016: Thành lập Công ty cổ phần GMC Hạ Long

Từ tháng 1/2024: Chuyển thành Công ty cổ phần GEO Hạ Long

1/Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần GEO Hạ Long

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần GEO Hạ Long

Tên viết tắt: iGEO HA LONG

2/Địa chỉ: Trụ sở chính:

Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh.

Số điện thoại: 02033.849.928

Số Fax: 02033.844.711

Email: vinhgmc@gmail.com

3/ Đại diện theo pháp luật

Ông: **Vũ Ngọc Vinh**

Chức danh: **Giám đốc**

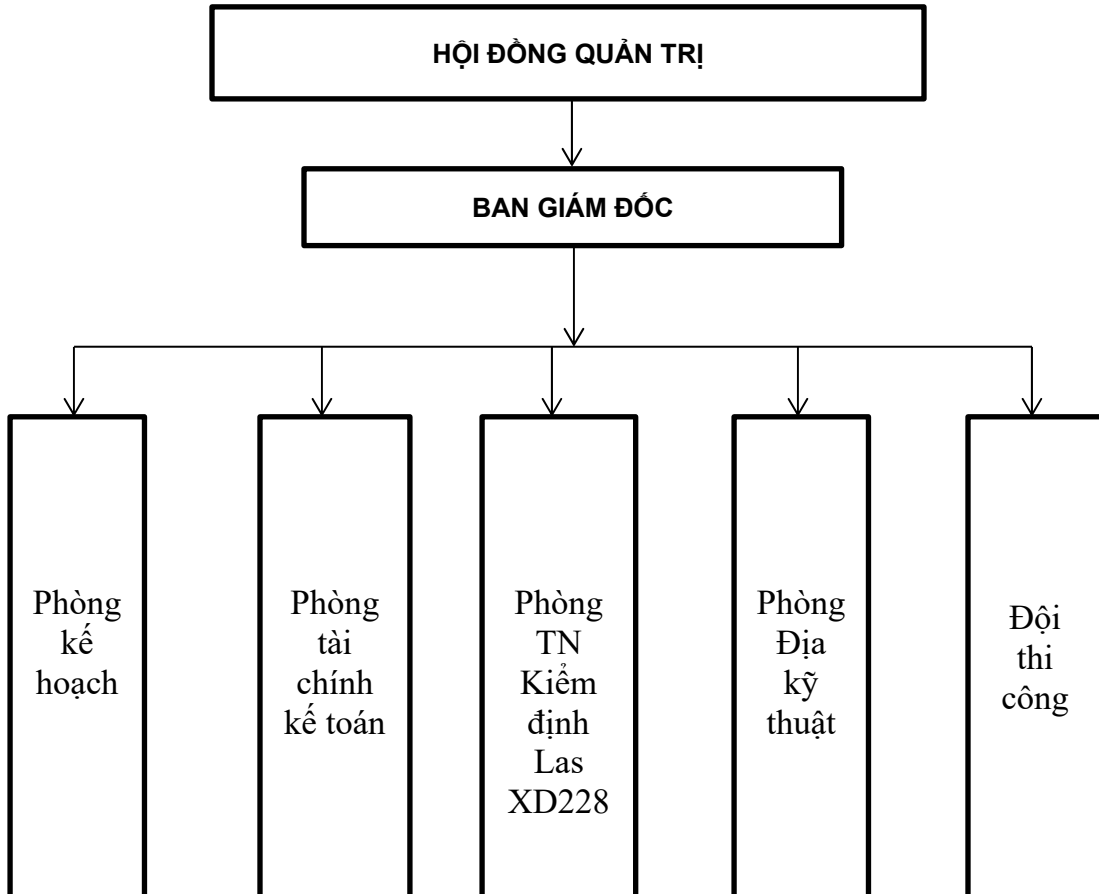
4/ Vốn điều lệ

1.000.000.000 VNĐ (Một tỷ đồng)

5/Tài khoản

Tài khoản số: 206704070036688 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh Quảng Ninh (HDBank);

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC
CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG



Với hơn **10 năm** kinh nghiệm trong công tác khảo sát, quản lý và giám sát các dự án xây dựng, đặc biệt là lĩnh vực kiểm định chất lượng công trình xây dựng. Bằng sự ham học hỏi, tích lũy kinh nghiệm cũng như thường xuyên đầu tư thiết bị máy móc, phần mềm chuyên dụng thông qua các dự án lớn mà công ty cổ phần GEO Hạ Long đã tham gia.

Quan hệ hợp tác kinh doanh :

Chúng tôi đã và đang hợp tác với các nhà đầu tư, các hãng Tư vấn trong nước và quốc tế để xúc tiến và triển khai hỗ trợ kỹ thuật, các dự án đầu tư hạ tầng, các dự án đầu tư trực tiếp trong nước và quốc tế về các lĩnh vực Xây dựng, cầu đường, cảng biển, khu đô thị, khu công nghiệp, hạ tầng, thủy điện. Liên danh, liên kết với các Cty Tư vấn trong nước như Viện KHCN Bộ GTVT, TEDI, Viện Quy hoạch Bộ XD, trường Đại học Mở Địa Chất...

Các sản phẩm của GEO Hạ Long luôn nhận được sự đánh giá cao của các Nhà đầu tư, khách hàng, các tổ chức trong nước và quốc tế như: ADB, JBIC, WB, các Ban Quản lý dự án của Bộ GTVT, Tập đoàn Vinashin, Tập đoàn SUN GROUP, các Ban quản lý dự án tại địa phương: Hải Phòng, Quảng Ninh,.

Triết lý kinh doanh của chúng tôi:

Gia tăng lợi ích - Kết nối thành công, quyết tâm xây dựng một tổ chức iGEO HA LONG kiểu mới. Để có những đội ngũ chuyên nghiệp trong Thí nghiệm, kiểm định, tư vấn, xây lắp, tinh thông trong Phát triển đầu tư và là đối tác Hoàn hảo đối với các nhà Đầu tư.

Chúng tôi cam kết và tin tưởng rằng: iGEO HA LONG sẽ làm tốt nhất vai trò và trách nhiệm của mình, huy động và sử dụng nguồn nhân lực có trình độ cao, cung cấp nguồn lực cũng như quản lý tốt nhất cho những dự án mà chúng tôi sẽ thực hiện trong tương lai.

II. KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU

iGEO HẠ LONG có kinh nghiệm và chuyên nghiệp về Kiểm định thí nghiệm, Tư vấn quản lý và giám sát, khảo sát xây dựng, Tư vấn Hỗ trợ kỹ thuật hạ tầng các dự án đầu tư trong nước và quốc tế:

- ↳ Khảo sát địa hình, thủy văn các công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông, xây dựng, cảng, khu công nghiệp, khu đô thị, khu hành chính công...;
- ↳ Khảo sát địa chất và thiết kế xử lý nền đất yếu công trình;
- ↳ Thiết kế công trình hạ tầng giao thông, xây dựng, cảng, khu công nghiệp, khu đô thị các bước: Lập báo cáo đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công, lập dự toán, tổng dự toán, tính toán phân tích các phương án kinh tế - tài chính;
- ↳ Thí nghiệm địa chất công trình, đã được Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải ký quyết định cấp dấu LAS-XD 228;

Danh sách một số gói thầu tiêu biểu, đảm bảo tiến độ và chất lượng do nhà thầu iGEO HA LONG đã thực hiện:

Số TT	Tên dự án	Thời gian	Chủ Đầu tư	Hình thức thực hiện	Giá trị hợp đồng thực hiện
I	<u>Khảo sát:</u>				
1	Đường giao thông liên xã Hồng Thái Đông – Hồng Thái Tây	2016-2017	Ban QLDA công trình thị xã Đông Triều	Khảo sát địa chất	119 triệu VNĐ
2	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 341 từ khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái đến khu kinh tế cửa Bắc Phong Sinh huyện Hải Hà – Giai đoạn 1	2016	Ban QLDA công trình thành phố Móng Cái	Khảo sát địa chất	1,1 tỷ VNĐ
3	Dự án Xây dựng cầu thông thủy tại km6+650 đường tỉnh lộ 335.	2017-2018	Ban QLDA công trình thành phố Móng Cái	Khảo sát địa chất	428 triệu VNĐ
4	Dự án: Đường từ khu tái định cư xã Vạn Yên đến khu công viên phức hợp phía Đông đảo Cái Bàu, huyện Vân Đồn	2017-2018	Công ty Cổ phần tư vấn giao thông Quảng Ninh	Khảo sát địa chất	348 triệu VNĐ

Số TT	Tên dự án	Thời gian	Chủ Đầu tư	Hình thức thực hiện	Giá trị hợp đồng thực hiện
5	Nâng cấp đường và xây dựng cầu từ xã Nguyễn Huệ, thị xã Đông Triều tỉnh Quảng Ninh sang xã Văn Đức, Chí Linh, Hải Dương	2017-2018	Ban quản lý dự án công trình thị xã Đông Triều	Khảo sát địa chất	362 triệu VNĐ
6	Đường nối Quốc lộ 4B-18C trên địa bàn xã Yên Than, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.	2017-2018	Ban quản lý các dự án công trình giao thông	Khảo sát địa chất	476 triệu VNĐ
7	Đường cao tốc Hạ Long – Vân Đồn và cải tạo nâng cấp Quốc lộ 18 đoạn Hạ Long – Mông Dương theo hình thức hợp đồng BOT	2017-2018	Công ty Cổ phần BOT Biên Cương	Khảo sát địa chất	1,4 tỷ VNĐ
8	Đường nối tỉnh lộ 331B với tỉnh lộ 338, thị xã Quảng Yên	2018	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Quảng Yên	Khảo sát địa hình, địa chất	481 triệu VNĐ

Số TT	Tên dự án	Thời gian	Chủ Đầu tư	Hình thức thực hiện	Giá trị hợp đồng thực hiện
9	Mở rộng tuyến đường bao biển Núi Bài Thơ (Đường Trần Quốc Nghiễn) đoạn từ Vincom đến đường rẽ ra cảng Bến Đoan, thành phố Hạ Long.	2018	Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long	Khảo sát địa chất	5 tỷ VNĐ
10	Đường từ nút giao Chợ Rộc đến nút giao Phong Hải, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh – Giai đoạn 1 bước BVTC	2019	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Quảng Yên	Khảo sát địa chất	3.8 tỷ VNĐ
11	Đường nối từ Đường cao tốc Hạ Long – Hải Phòng (tại Km6+700) đến đường tỉnh 338 – Giai đoạn 1 bước BVTC	2020	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ninh	Khảo sát địa chất	1.8 tỷ VNĐ

Số TT	Tên dự án	Thời gian	Chủ Đầu tư	Hình thức thực hiện	Giá trị hợp đồng thực hiện
12	Đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long- Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ nút giao Đầm Nhà Mạc đến đường tỉnh 338 (giai đoạn 1) bước BVTC.	2020	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ninh	Khảo sát địa chất	7.3 tỷ VNĐ
13	Đường nối Khu công nghiệp Cái Lân qua Khu công nghiệp Việt Hưng đến đường cao tốc Hạ Long Vân Đồn bước BVTC.	2020	BQL đầu tư xây dựng các công trình giao thông QN	Khảo sát địa chất	2.6 tỷ VNĐ
14	Đường nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng (tại Km6+700) đến đường tỉnh 338- Giai đoạn 1 (Phần Nút Giao) bước BVTC	2020	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ninh	Khảo sát địa chất	4.9 tỷ VNĐ
15	Đường nối Quốc lộ 279 đến tỉnh lộ 342, thành phố Hạ Long bước lập BC NCKT	2020	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long	Khảo sát địa hình, địa chất	500 triệu VNĐ

Số TT	Tên dự án	Thời gian	Chủ Đầu tư	Hình thức thực hiện	Giá trị hợp đồng thực hiện
16	Đường nối Quốc lộ 279 đến tỉnh lộ 342, thành phố Hạ Long phục vụ lập quy hoạch tổng mặt bằng.	2020	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long	Khảo sát địa hình	450 triệu VNĐ
17	Đường ven biển liên kết khu kinh tế Vân Đồn với khu kinh tế cửa khẩu Móng Cái, đoạn từ Cầu Voi, xã Vạn Ninh đến tỉnh lộ 335 (Giai đoạn I) bước BVTC	2021	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Móng Cái	Khảo sát địa chất	865 triệu VNĐ
18	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên tỉnh Hà Nội – Hưng Yên kéo dài, đoạn qua địa phận tỉnh Hưng Yên bước Dự án	2021	Ban quản lý dự án đầu tư công trình giao thông-xây dựng	Khảo sát địa chất	1.1 tỷ VNĐ

Số TT	Tên dự án	Thời gian	Chủ Đầu tư	Hình thức thực hiện	Giá trị hợp đồng thực hiện
19	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên tỉnh Hà Nội – Hưng Yên kéo dài, đoạn qua địa phận tỉnh Hưng Yên bước BVTC	2021	Ban quản lý dự án đầu tư công trình giao thông-xây dựng	Khảo sát địa chất	3.6 tỷ VNĐ
20	Tuyến đường Yên Tử kéo dài đoạn từ Quốc lộ 18A đến Quốc lộ 10 và đường 10 làn xe, thành phố Uông Bí bước BVTC	2022	Ban quản lý dự án đầu tư xây thành phố Uông Bí	Khảo sát địa chất	160 triệu VNĐ
21	Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long bước Dự án	2022	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long	Khảo sát địa chất	1 tỷ VNĐ

Số TT	Tên dự án	Thời gian	Chủ Đầu tư	Hình thức thực hiện	Giá trị hợp đồng thực hiện
22	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 327, đoạn từ nút giao công tỉnh đến đường trục chính trung tâm thị xã Đông Triều bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi	2023	Ban QLDA các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh	Khảo sát địa chất	523 triệu VNĐ
23	Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long bước BVTC	2023	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long	Khảo sát địa chất	2.9 tỷ VNĐ
24	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp các công trình của trường THPT Uông Bí bước BVTC	2023	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Uông Bí	Khảo sát địa chất	150 triệu VNĐ

Số TT	Tên dự án	Thời gian	Chủ Đầu tư	Hình thức thực hiện	Giá trị hợp đồng thực hiện
25	Đầu tư xây dựng đường tỉnh 327, đoạn từ nút giao công tỉnh đến đường trục chính trung tâm thị xã Đông Triều	2024	Ban QLDA các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh	Khảo sát địa chất	1.5 tỷ VNĐ
II	<u>Thí nghiệm kiểm định:</u>				
26	Đường nối từ đường cao tốc Hạ Long- Hải Phòng với khu công nghiệp Nam Tiền Phong, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	2016	BQLDA đường nối thành phố Hạ Long với cầu Bạch Đằng	Thí nghiệm kiểm định	Hợp đồng theo giá trị xây lắp
27	Tu bổ, nâng cấp tuyến đê Hồng Phong, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	2019-2020	Ban quản lý dự án ĐTXD thị xã Đông Triều	Thí nghiệm kiểm định	Hợp đồng theo giá trị xây lắp
28	Đường nối đường tỉnh 331B với đường tỉnh 338, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	2019-2020	BQL DAĐT xây dựng thị xã Quảng Yên	Thí nghiệm kiểm định	Hợp đồng theo giá trị xây lắp

Số TT	Tên dự án	Thời gian	Chủ Đầu tư	Hình thức thực hiện	Giá trị hợp đồng thực hiện
29	Dự án: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý chất thải rắn Khe Giang, xã Thượng Yên Công, thành phố Uông Bí.	2018-2019	Ban QLDA ĐTXD thành phố Uông Bí	Thí nghiệm kiểm định	Hợp đồng theo giá trị xây lắp
30	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ Cảng hàng không Quảng Ninh đến khu phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp Vân Đồn, khu kinh tế Vân Đồn. Quảng Ninh.	2017-2018	Ban QLDA các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh	Thí nghiệm kiểm định	Hợp đồng theo giá trị xây lắp
31	Mở rộng Quốc lộ 18 từ nút giao đường cao tốc Hạ Long – Vân Đồn đến đường Hoàng Quốc Việt	2017-2018	BQL dự án công trình thành phố Hạ Long	Thí nghiệm kiểm định	Hợp đồng theo giá trị xây lắp
32	Đầu tư xây dựng Cầu Triều và đường dẫn nối QL18 (thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh) với Đường tỉnh 389 (huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương).	2019-2020	Ban quản lý dự án ĐTXD thị xã Đông Triều	Thí nghiệm kiểm định	Hợp đồng theo giá trị xây lắp

Số TT	Tên dự án	Thời gian	Chủ Đầu tư	Hình thức thực hiện	Giá trị hợp đồng thực hiện
33	Đường nối khu công nghiệp Cái Lân qua khu công nghiệp Việt Hưng đến đường cao tốc Hạ Long – Vân Đồn.	2020	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông	Thí nghiệm kiểm định	Hợp đồng theo giá trị xây lắp
34	Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Húc Động - Đồng Văn; Cao Ba Lanh kết nối đến quốc lộ 18C, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh	2022	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Bình Liêu	Thí nghiệm kiểm định	Hợp đồng theo giá trị xây lắp
35	Xây dựng đường gom hai bên đường cao tốc, đoạn từ cảng hàng không quốc tế Vân Đồn đến nút giao Bình Dân, huyện Vân Đồn	2022	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh	Thí nghiệm kiểm định	Hợp đồng theo giá trị xây lắp
36

III. NĂNG LỰC NHÂN SỰ CỦA NHÀ THẦU

Tổng số nhân viên iGEO HA LONG hiện tại là 36 người, trong đó có các kỹ sư kiểm định – thí nghiệm, kỹ sư địa chất công trình, kỹ sư địa hình, thủy văn, cầu đường, xây dựng, kiến trúc sư, nhà kinh tế, đội ngũ cán bộ chuyên môn có hơn 10 năm kinh nghiệm chiếm gần một nửa tổng số cán bộ nhân viên. Những kỹ sư và chuyên gia này phối hợp làm việc chặt chẽ để cung cấp cho Chủ đầu tư những dịch vụ chuyên môn và đa ngành dưới sự chỉ đạo của những giám đốc dự án giàu kinh nghiệm và có năng lực.

Số lượng kỹ sư và chuyên gia trong từng lĩnh vực chuyên môn thuộc các bộ phận tư vấn cùng các kỹ sư tư vấn và các kỹ sư xây dựng chất lượng cao đã được đăng ký hành nghề với cơ quan nhà nước.

Với đội ngũ các chuyên gia, kỹ sư giàu kinh nghiệm, bộ máy quản lý năng động trong một tổ chức chuyên nghiệp. iGEO HA LONG đã đạt được những thành công đáng kể và sự đánh giá cao của các Nhà đầu tư, các đối tác trong và ngoài nước.

Bộ máy tổ chức và các đơn vị trực thuộc, liên kết

1. Thông kê CBCNV trong Công ty:

Tổng số CBCNV trong Công ty:	36 Người.
Trong đó:	
Kỹ sư, cử nhân:	17 Người.
Kỹ thuật viên:	10 Người.
Công nhân kỹ thuật:	4 Người.
Công nhân khác:	5 Người.

TT	Ngành nghề	Số người
1	Kỹ sư xây dựng	3
2	Kỹ sư trắc địa	2
3	Kỹ sư địa chất công trình	10
4	Cử nhân tài chính – kinh tế	2
5	Thí nghiệm viên	10
6	Công nhân	7
7	Lái xe, bảo vệ	2
	Tổng	36

2. Cơ cấu bộ máy tổ chức:

2.1. Ban Giám đốc:

Giám đốc Công ty:

Ông **Vũ Ngọc Vinh**; Kỹ sư địa chất thủy văn

Điện thoại DD: 0912659144

Phó giám đốc Công ty:

Ông **Nguyễn Trung Trục**; Kỹ sư địa chất công trình

2.2. Các bộ phận phòng ban chức năng.

Phòng Tài chính – Kế toán:

Trưởng phòng: Bà **Phạm Thị Mai Hương**; Cử nhân kế toán

Phòng Địa kỹ thuật – Khảo sát :

Trưởng phòng: Ông **Nguyễn Khắc Quyết**; Kỹ sư địa chất công trình

Phòng Thí nghiệm Kiểm định Chất lượng công trình Las XD228 :

Trưởng phòng: Ông **Nguyễn Trung Dũng**; Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng;

Quản lý phòng thí nghiệm

3. Các Công ty liên kết trong nhóm Hafico và các đối tác khác:

Công ty CP Phát triển Đầu tư Hafico – Group.

Công ty CP Tư vấn - Đầu tư Thái Bình Dương.

Công ty CP Tư vấn Miền Bắc.

Công ty CP Xây dựng và Tư vấn giao thông Quảng Ninh.

Trung tâm nghiên cứu Địa kỹ thuật – trường đại học Mỏ - Địa chất.

Tổng Công ty Tư vấn thiết kế Giao thông Vận tải (TEDI).

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển GMC.

IV. PHƯƠNG TIỆN LÀM VIỆC CỦA NHÀ THẦU:

Trong lĩnh vực hoạt động của mình, iGEO HA LONG có đầy đủ năng lực thiết bị về khoan thăm dò địa chất, khảo sát địa hình, khảo sát nền mặt đường, đo sâu, máy siêu âm, máy kéo nén thép, phòng LAS-XD 228 về thí nghiệm, hệ thống máy tính, các công nghệ tính toán cầu, đường, công trình xây dựng, nền đất yếu,... để phục vụ cho công tác khảo sát địa hình, địa chất, khảo sát nền đất yếu phục vụ công tác thiết kế xử lý, các thiết bị phục vụ khảo sát điều tra thủy văn và các phòng thí nghiệm, phòng kiểm định chất lượng.... Các máy móc thiết bị phục vụ thi công xây lắp. Nguồn gốc xuất xứ chủ yếu của thiết bị từ các quốc gia Nga, Trung Quốc, Đức, Thụy sĩ, Hà Lan, Nhật, Anh Quốc và Mỹ.

4.1. Danh sách các thiết bị chủ yếu Nhà thầu sử dụng khảo sát và thí nghiệm

STT	Tên thiết bị	Mã ký hiệu và năm sản xuất	Tình trạng sử dụng	Chủ sở hữu và vị trí hiện tại
1	Máy toàn đạc điện tử với bộ ghi số hiện trường	NIKON DTM - 521. NIKON DTM - 352	Tốt	iGEO HA LONG
2	Máy thử độ bền, kéo, nén, uốn	WE-1000B	Tốt	iGEO HA LONG
3	Máy thử độ bền nén	TYA-2000	Tốt	iGEO HA LONG
4	Máy thủy chuẩn	NIKON - AC 2S	Tốt	iGEO HA LONG
5	Máy GPS	HUACE	Tốt	iGEO HA LONG
6	Cân đĩa điện tử	GCA	Tốt	iGEO HA LONG

7	Máy nén tam liên	WG	Tốt	iGEO HA LONG
8	Cần đo võng Benkelman	BB-94	Tốt	iGEO HA LONG
9	Máy cắt đất	ZJ	Tốt	iGEO HA LONG
10	Máy khoan (Đồng bộ)	ZIP 150, YГb 150 (Nga) XY-100, XJ-1A (Trung Quốc) XY – 44A (Trung Quốc) XY-2B GK180KĐ (Trung Quốc) XY-1A (Trung Quốc)	Tốt	iGEO HA LONG
11	Phòng thí nghiệm	LAS-XD 228	Tốt	iGEO HA LONG
12	Máy ảnh tích hợp quay CAMERA	SONY	Tốt	iGEO HA LONG
13	Máy Photo	TOSHIBA	Tốt	iGEO HA LONG
14	Máy tính để bàn	Đông Nam Á	Tốt	iGEO HA LONG
15	Máy in (A4; A3; A0)	HP 1220; HP 1150; HP5100; HP500; Canon	Tốt	iGEO HA LONG
16	Các thiết bị phụ trợ: máy bơm nước,	Tốt	iGEO HA LONG

4.2. Danh sách các phần mềm chủ yếu Nhà thầu sử dụng khảo sát

STT	Tên phần mềm	Mã ký hiệu phiên bản và năm sản xuất	Tình trạng sử dụng	Tình trạng bản quyền phần mềm
1	Phần mềm lập hồ sơ, xử lý số liệu địa chất	2018	Tốt	Có bản quyền
2	Chương trình biên tập bản đồ địa hình	2018	Tốt	Có bản quyền
3	Phần mềm dự toán	2020	Tốt	Có bản quyền
4	Và các phần mềm khác....

V. NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU

Tóm tắt các số liệu về tài chính trong năm tài chính gần đây

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng tài sản	21.599.608.710	28.065.494.228	23.277.915.029
2	Tổng nợ phải trả	20.517.613.044	26.923.456.486	22.081.198.543
3	Nợ ngắn hạn	359.019.178	359.019.178	0
4	Doanh thu	7.548.335.656	19.288.920.673	13.554.902.375
5	Lợi nhuận trước thuế	27.422.677	45.223.551	95.000.000
6	Lợi nhuận sau thuế	21.938.142	36.178.841	78.850.000

VI. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

Trong lĩnh vực hoạt động của mình, công ty Cổ phần GEO Hạ Long luôn hoàn thiện và phát triển, thực sự cầu thị, nắm bắt, tiếp cận công nghệ thông tin mới, tư duy mới và cách làm mới.

Với bề dày kinh nghiệm và năng lực sẵn có. Chúng tôi mong muốn được hợp tác chặt chẽ và mang lại lợi ích thiết thực cho khách hàng, các nhà đầu tư và cho toàn xã hội.

PHẦN II

GIỚI THIỆU NĂNG LỰC CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 5701802064

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 04 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 23 tháng 01 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GEO HALONG JOINT STOCK
COMPANY

Tên công ty viết tắt: iGEO HA LONG

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 2, khu 1, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 02033849928

Fax:

Email: vinhgmc@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 10.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: VŨ NGỌC VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 16/02/1976 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035076008552

Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: Tổ 8, khu 3, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng
Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 8, khu 3, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng
Ninh, Việt Nam

Ngày: 12-05-2025

PHÓ CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG GIẾNG ĐÁY



Phạm Xuân Trường

TRƯỞNG PHÒNG



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Hùng

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 5701802064

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 04 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 06 tháng 05 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GMC HẠ LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GMC HALONG JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GMC - HL

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tổ 2, khu 1, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 02033849928

Fax:

Email: vinhgmc@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 1.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 10.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: VŨ NGỌC VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Sinh ngày: 16/02/1976 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035076008552

Ngày cấp: 11/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú: *Tổ 8, khu 3, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Tổ 8, khu 3, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Hà Văn Chiền

SỞ XÂY DỰNG
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HAP-00047635

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1321/QĐ-SXD ngày 30/10/2020)

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN GMC HẠ LONG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: 5701802064.

Ngày cấp: 01/04/2016. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh.

Tên người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Ngọc Vinh Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 2, khu 1, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Số điện thoại: 0333849928 Số fax: 0333849928

E-mail: vinhgmc@gmail.com Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Khảo sát xây dựng hạng II.
2. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình đường bộ hạng III.

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 30/10/2030.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 16-11-2020

Số chứng thực: 14885-101 quyền số SCT/BS

Hải Phòng, ngày 30 tháng 10 năm 2020

KT. GIÁM ĐỐC

PHÒNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoàng Linh



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đào Xuân Hải

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN SAO

Số: 217 /GCN-BXD

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2022

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty cổ phần GMC Hạ Long và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 13/7/2022.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty cổ phần GMC Hạ Long.

Mã số thuế: 5701802064.

Địa chỉ: Tổ 2, Khu 1, Phường Bãi Cháy, Thành Phố Hạ Long, Quảng Ninh.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Địa kỹ thuật

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Tổ 2, Khu 1, Phường Bãi Cháy, Thành Phố Hạ Long, Quảng Ninh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 228

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp, thay thế Giấy chứng nhận số 09/GCN-BGTVT ngày 11/8/2017.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần GMC Hạ Long;
- Sở XD Quảng Ninh;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

Số chứng thực: 4.2.6.3-001

2025

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG

VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Thuý

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 228
 (Kèm theo Giấy chứng nhận số: 217 /GCN-BXD, ngày 25 tháng 7 năm 2022
 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG		
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:03
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:11
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG		
4	Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 3105:93
5	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:93
6	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:93
7	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93
8	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93
9	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
10	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
11	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:93
12	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:93
13	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:93
14	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:93
15	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:93
16	Xác định cường độ kéo khi bừa của bê tông	TCVN 3120:93
17	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:93
18	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:12
VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẪM (SỎI), CẤP PHỐI		
19	Thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06
20	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
21	Xác định khối lượng riêng; KL thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
22	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hỏng	TCVN 7572-6:06
23	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
24	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
25	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
26	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06
27	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
28	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12:06
29	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06

Đạt

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
30	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:06
31	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06
32	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06
33	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419-91
34	Xác định góc nghỉ, góc dốc tự nhiên của cát	AASHTO T191-87; ASTM D1883; AASHTO T139
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
35	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12
36	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12
37	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12
38	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14
39	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:12
40	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12
41	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; TCVN 12790:20; 22TCN 333:06; AASHTO T99, T180; ASTM D1557, D698
42	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:12
43	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)- Trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:06; TCVN 12792:20; ASTM D1883; AASHTO T193
44	Xác định các chỉ tiêu của đất trên máy nén 3 trục (UU, CU, CD)	TCVN 8868:11; ASTM D2850
45	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-06
KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG		
46	Thử kéo	TCVN 197-1:14; ISO 6892-1; TCVN 1651:08; ASTM A370
47	Thử uốn	TCVN 1651:08; TCVN 198:08; ISO 7438; ASTM A370
48	Thử uốn thép gai	TCVN 6287:97
49	Kiểm tra chất lượng mối hàn-Thử uốn	TCVN 5401:10
50	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:10
51	Thử nghiệm bu lông, đai ốc, vít: Kích thước hình học, thử kéo, lực xiết	TCVN 1916:95; TCVN 4795:89; TCVN 4796:89; JIS B1186; ASTM A370
BÊ TÔNG NHỰA		
52	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marsialli	TCVN 8860-1:11; AASHTO-T245
53	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:11
54	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
55	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
56	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:11
57	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
58	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
59	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:11
60	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
61	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
62	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
63	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
NHỰA BITUM		
64	Xác định độ kim lún, kim lún PI của nhựa theo Phụ lục II (TT27/2014/TT-BGTVT)	TCVN 7495:05
65	Xác định độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:05
66	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:05
67	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:05; TCVN 8818-2:11
68	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:05; AASHTO-T47
69	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloetylen	TCVN 7500:05
70	Xác định khối lượng riêng ở 25oC (tỷ trọng)	TCVN 7501:05
71	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:05
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
72	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:20; 22TCN 02:71; TCVN 8729:12; AASHTO T204; BS 1377-9
73	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:12; 22TCN 346:06; ASTM D1556; AASHTO T191; BS 1377-9
74	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11
75	XĐ môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:11
76	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11
77	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:11
78	Cọc-PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:12
79	Đất gia cố xi măng: Xác định cường độ kéo khi ép chẻ, modul đàn hồi, cường độ kháng nén, kháng uốn	TCVN 9403:12; TCVN 8862:11
80	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:12; ASTM D2586
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG		
81	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03
82	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03
83	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03
84	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:03
85	Xác định Khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN3121-10:03
86	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN3121-11:03
87	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN3121-18:03
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY		
88	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09

Đạt

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
89	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09
90	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09
91	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09
92	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09
93	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09
GẠCH BÊ TÔNG		
94	Gạch Bê tông: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ rỗng, độ mài mòn, độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:16
95	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN	
96	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6476:11
THÍ NGHIỆM BỘT KHOÁNG		
97	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, KL riêng, KL thể tích, KL-TT và độ rỗng dư, hệ số hao nước, hàm lượng chất hoà tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa	22TCN 58:84; ASTM D5329
PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG		
98	Xác định hàm lượng muối hòa tan và lượng cặn không tan	TCVN 4506:12; AASHTO T26
99	Xác định độ PH	TCVN6492:11; ASTM D1293; ISO 10523
100	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:96; ASTM D512; ISO9297
101	Xác định hàm lượng Sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:96; ASTM D516
102	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4565:88; TCVN 6186-96; ISO 8467
VẬT LIỆU BENTONITE		
103	Thí nghiệm Bentonite, Polymer: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, tính ổn định, lượng tách nước	TCVN 11893:17; ASTM D4972; ASTM D4380, D4381; API-RP-13P

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001107 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): **Cân đo Benkelman**

Kiểu (Type): BB-94 Số (Serial N°): 1056

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): **VIỆT NAM**

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): **TCVN 8867 : 2001 ; AASHTO T256**

Tỷ lệ truyền 2/1

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEOHAT LONG**

Địa chỉ (Address): **Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**

Phương pháp thực hiện (In accordance with): **M.07** Ngày: 15 tháng 7 năm 2025

Cân đo Benkelman – Quy trình hiệu chuẩn (Methods and means of calibration)

Chuẩn được sử dụng (Standards used): **M.TB3.11 – Căn mẫu cấp 1**

Độ không đảm bảo đo $0,2 \times 10^{-2}$

- Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): **28°C**
- Tỷ lệ truyền 2/1

Kết quả (Results): - Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of) : **$U = 1,6 \times 10^{-2}$**

- Hệ số phủ k = 2 với mức tin cậy P = 95%

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



Giám đốc
(Director)



Nguyễn Thị

GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.

2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001106 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Kích thủy lực**

Kiểu (Type): kích tay Số (Serial №): H467 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (0 + 320) kN
 Đồng hồ áp: (0 + 60) MPa; Vạch chia: 2 MPa/vạch

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCDL 01-2024

Phương tiện đo-lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)
Loadcell DS60	TB02.1

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 2782881 SCT/BS
 Liên kết chuẩn Hiệu lực đến
 Ngày: (Traceable to) năm (Due date)
 VMI 3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
 (See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)


 TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



Giám đốc
(Director)

CÔNG CHỨNG VIỆT NAM

Nguyễn Công Chính
GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
 2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



HÀNG CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Cồn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (No): HC001106

Trang (Page): 2/2



	Giá trị chỉ thị trên đồng hồ (Mpa)	Lực đo được (kn)
	0	0
2	10	23,4
3	16	40,3
4	22	57,2
5	28	74,1
6	34	91,0
7	40	108,9
8	46	124,8
9	52	141,7

- Nhiệt độ hiệu chuẩn $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$
- Kết quả hiệu chuẩn với độ không đảm bảo đo: 1,7% với $k=2$, $P=95\%$

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

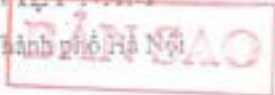


VIỆT NAM
Hàng Lỗi Chuẩn

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001109 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Tủ sấy

Kiểu (Type): 101-2A Số (Serial №): 33288 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range): (0 + 300)°C

Độ phân giải (Resolution): 1°C

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): DLVN 138 – 2004

Tủ Sấy – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)
525A/Fluke/USA	M.TB1.25

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 2783001 SCT/BS

Ngày Liên kết chuẩn năm Hiệu lực đến

(Traceable to) (Due date)
VMI 5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results):

Nhiệt độ chuẩn (Standard Value)/°C	50.0	100.0	150.0	200.0	250.0
Nhiệt độ chỉ thị (Indicated alue)/°C	50	101	151	199	251
Số hiệu chỉnh (Corrected Value)/°C	+0.0	+1.0	+1.0	-1.0	+1.0

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc
(Director)



CÔNG CHỨNG VIỆN

Nguyễn Thị Nhung

GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001108 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Tủ sấy

Kiểu (Type): 101-1 Số (Serial №): 2359 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range): (0 + 300)°C

Độ phân giải (Resolution): 1°C

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): ĐLVN 138 – 2004

Tủ Sấy Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards) Mã nhận dạng (ID)
525A/Fluke/USA M.TB1.25

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: Liên kết chuẩn SCT/BS
(Traced to)
Ngày tháng năm
VMI 5/2026

Hiệu lực đến (Due date)
5/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results):

Nhiệt độ chuẩn (Standard Value)/°C	50.0	100.0	150.0	200.0	250.0
Nhiệt độ chỉ thị (Indicated alue)/°C	50	101	151	199	251
Số hiệu chỉnh (Corrected Value)/°C	+0.0	+1.0	+1.0	-1.0	+1.0

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



CÔNG CHỨNG VIỆN
Nguyễn Thị Phương

GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Một thức mẫu về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



Hàng chuẩn & đo lường Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Address: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Cón, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 - Email: doluongvn283@gmail.com

BẢNG SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001103 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Cân kỹ thuật**

Kiểu (Type): ALC -15A Số (Serial №): 58820101017 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Mức cân lớn nhất: $M_{max} = 15\text{kg}$
Giá trị độ chia nhỏ nhất: $d = 0,5\text{g}$

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 17-2024

Cân kỹ thuật - Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Ngày... tháng... năm... (Traceable to)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Bộ cân chuẩn F2	TB01-10	15 tháng 1 năm 2025	VMI	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^{\circ}\text{C}$ + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh

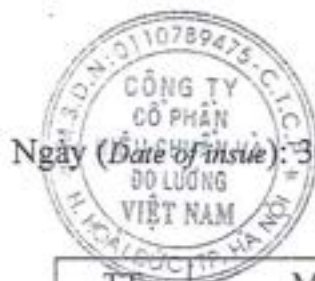
Giám đốc
(Director)

CÔNG CHỨNG VIỆT NAM
Ngô Văn Thịnh
GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001103

Trang (Page): 2/2

TT	Mức cân (g)	Số chỉ của cân (g)	Sai số (g)
1	0,0	0000,0	0,0
2	1 000,0	999,5	0,5
3	2 000,0	2 000,0	0,0
4	5 000,0	5 000,0	0,0
5	10 000,0	9 999,5	0,5
6	15 000,0	15 000,0	0,0

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001105 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Cân kỹ thuật**

Kiểu (Type): ALC -15A Số (Serial №): 170615127 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Mức cân lớn nhất: $M_{max} = 15\text{kg}$
Giá trị độ chia nhỏ nhất: $d = 0,5\text{g}$

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 17-2024

Cân kỹ thuật – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Bộ cân chuẩn F2	TB01-10	Liên kết chuẩn Số chứng thực: 278 Ngày... 15 tháng... 7 năm... 2025 SCT/BS	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$ + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



Giám đốc
(Director)



CÔNG CHỨNG VIỆT NAM
Nguyễn Thị Thu Trang
GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



Hàng Cân & Đo Lường Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001105

Trang (Page): 2/2

TT	Mức cân (g)	Số chỉ của cân (g)	Sai số (g)
1	0,0	0000,0	0,0
2	1 000,0	999,5	0,5
3	2 000,0	2 000,5	0,5
4	5 000,0	5 000,0	0,0
5	10 000,0	10 000,0	0,0
6	15 000,0	15 000,0	0,0

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001104 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Cân kỹ thuật**

Kiểu (Type): GS-ALC6 Số (Serial №): 3021522005 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Nhật Bản

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):
Mức cân lớn nhất: $M_{max} = 6\text{kg}$
Giá trị độ chia nhỏ nhất: $d = 0,2\text{g}$

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 17-2024

Cân kỹ thuật – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Bộ cân chuẩn F2	TB01-10	Số chứng thực: 278 Mã số: VN103 SCT/BS	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$ + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



CÔNG CHỨNG
Nguyễn Thị Hương



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



VIỆT NAM
HÀ NỘI

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001104

Trang (Page): 2/2

STT	Mức cân (g)	Số chỉ của cân (g)	Sai số (g)
1	0	0,00	0,0
2	500,00	500,0	0,0
3	1 000,00	1 000,0	0,0
4	3 000,00	3 000,1	0,1
5	4 000,00	4 000,0	0,0
6	5 000,00	5 000,1	0,1

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

16/06/2025



VIỆT NAM
 HỒ CHÍ MINH

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001110 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy ly tâm chiết nhựa

Kiểu (Type): B012 Số (Serial №): 004 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Matest

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Tốc độ quay: (0 ÷ 3000)rpm

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 26-2024

Máy ly tâm chiết nhựa – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Thiết bị đo tốc độ vòng quay, PCE-DT65	TB01.4	YM 7-001 SCT/BS	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
 (See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
 (Head of Calibration Department)


 TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
 Ngô Văn Thịnh



Giám đốc
 (Director)



GIÁM ĐỐC
 Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Côn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội.

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (No): HC001110

Trang (Page): 2/2

Tốc độ chuẩn (Standard Value)/rpm	1500	2000	2500	3000
Tốc độ chỉ thị (Indicated value) /rpm	1497	1995	2496	2994
Số hiệu chỉnh (Corrected Value)/rpm	+3	+5	+4	+6

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of): $U=10$

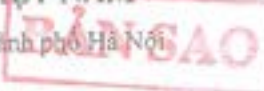
(Độ không đảm bảo đo được tính với $k=2$, mức tin cậy 95%)

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001111 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Thiết bị đo giãn dài nhựa

Kiểu (Type): T118 Số (Serial №): 346

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): n/a

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Tiêu chuẩn TCVN 7496:2005

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 27-2024

Thiết bị đo giãn dài nhựa – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Đồng hồ bấm giây	TB01.5	VMI	3/2026
Thước cặp điện tử	TB01.1		
Cân chuẩn	TB01.3		



CÔNG CHỨNG VIỆN

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



Giám đốc
(Director)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



Hàng Chuẩn & Đo Lường Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Address: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Cón, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025

Số (No): HC001111

Trang (Page): 2/2



Tốc độ kéo	Chiều dày khuôn	Khoảng cách giữa 2 đỉnh khuôn	Chiều rộng nhỏ nhất của khuôn	Sai lệch phép đo chiều dài
mm/ph	mm	mm	mm	%
50±1	10±0,01	70±0,5	10±0,1	≤ 1

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of): $U = 10$

(Độ không đảm bảo đo được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%)

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001098 Trang (Page): 1/1

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực máy cắt đất

Kiểu (Type): EDJ-1 Số (Serial №): K5073

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo (Range): (0 + 1200) N

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (In accordance with): ĐLVN 108 – 2002

Phương tiện đo lực – quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used): V03.TB1-03 lực kế chuẩn

Độ không đảm bảo đo: 2,4.10⁻²

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 2798 Quyển số: SCT/BS
Ngày: 15 tháng 7 năm 2025

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



Giám đốc
(Director)



Nguyễn Văn Thịnh

GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Một thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Cồn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001098

Trang (Page): 2/2



	Lực đo (N)	Giá trị chỉ thị TB (Vạch x 0,01mm)
Phạm vi đo (0 + 1200) N		
1	0	0,0
2	200	35,3
3	400	71,5
4	600	106,2
5	800	142,1
6	1000	180,1
7	1200	216,2

Phương trình hiệu chuẩn: $F(x) = -0.0000003x^2 + 0.0045x + 0.0034$

Trong đó: $F(x)$: Lực đo được (N)

X: Chỉ thị trên đồng hồ áp (Vạch)

Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(28 \pm 2)^\circ\text{C}$

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of): $U = 1,0 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%)

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001099 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Máy nén đất tam liên**

Kiểu (Type): WG Số/ (Serial N°): 03

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):

Tiết diện dao vòng: 30cm²: Tỷ lệ chuyển lực: 1/12

Tiết diện dao vòng: 50cm²: Tỷ lệ chuyển lực: 1/10

Cơ sở sử dụng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

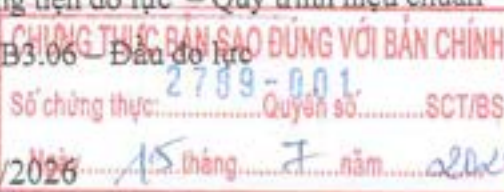
Phương pháp thực hiện (In accordance with): ĐLVN 108:2002

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

HN.TB3.06 – Dẫn đo lực

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025



Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn

(Head of Calibration Department)



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Ngô Văn Chinh

Giám đốc

(Director)




GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001099

Trang (Page): 2/2



Cấp tải (kPa)	Lực nén (N)	Lực đo được theo từng dàn N		
		Dàn số 1	Dàn số 2	Dàn số 3
Tiết diện dao vòng 30cm²				
12,5	37,5	37,6	37,6	37,3
25,0	75,5	75,4	73,9	74,8
50,0	150,0	149,6	149,1	148,9
100,0	300,0	300,5	303,1	298,4
200,0	600,0	605,2	595,4	594,1
300,0	900,0	898,4	905,5	894,6
400,0	1 200,0	1 209,3	1 198,2	1 189,7
Tiết diện dao vòng 50cm²				
25,0	125,0	129,2	125,4	125,5
50,0	250,0	250,4	249,7	251,4
100,0	500,0	499,5	498,4	500,3
200,0	1 000,0	997,3	995,4	998,7
500,0	2 000,0	2 011,5	2 011,4	2 013,2
800,0	2 800,0	2 810,5	2 811,8	2 805,0

- * Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^{\circ}\text{C}$
- * Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of): $U = 1.02\%$
- * Hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (Số): HC001101 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực cho máy nén Marshall

Kiểu (Type): Cơ Số (Serial No): E3397 Số nhận dạng (ID): n/a

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo lực: (0 ÷ 30)kN

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 01-2024

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	VMI	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C



Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



Giám đốc
(Director)



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (No): HC001101

Trang (Page): 2/2



	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị TB (Vạch x 0,01mm)
Phạm vi đo (0 ÷ 30)kN		
1	0	100
2	5	117
3	10	138
4	15	158
5	20	176
7	30	213

$$F(x) = 0,000006x^2 + 0,2608x - 26,014$$

F(x): - Lực nén, x: Số (Vạch = 0,01mm) chỉ trên đồng hồ

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (No): HC001100 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy nén đất tam liên

Kiểu (Type): WG Số (Serial No): 11

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification):

Tiết diện dao vòng: 30cm²: Tỷ lệ chuyển lực: 1/12

Tiết diện dao vòng: 50cm²: Tỷ lệ chuyển lực: 1/10

Cơ sở sử dụng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp thực hiện (In accordance with): ĐLVN 108:2002

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

HN.TB3.06 – Đầu đo lực

CHUNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 2786-001

Quyển số: SCT/BS

Ngày: 15 tháng 07 năm 2025

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau

(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn

(Head of Calibration Department)



TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Ngô Văn Kinh

Giám đốc

(Director)



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & ĐL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001100

Trang (Page): 2/2



Cấp tải (kPa)	Lực nén (N)	Lực đo được theo từng dàn N		
		Dàn số 1	Dàn số 2	Dàn số 3
Tiết diện dao vòng 30cm²				
12,5	37,5	37,6	37,6	37,3
25,0	75,5	75,4	73,9	74,8
50,0	150,0	149,6	149,0	148,9
100,0	300,0	300,5	303,1	298,4
200,0	600,0	605,2	595,4	594,1
300,0	900,0	898,4	905,9	894,6
400,0	1 200,0	1 209,3	1 198,2	1 189,7
Tiết diện dao vòng 50cm²				
25,0	125,0	129,2	125,4	125,5
50,0	250,0	250,4	249,7	251,4
100,0	500,0	499,5	498,4	500,3
200,0	1 000,0	997,8	995,4	998,7
500,0	2 000,0	2 011,5	2 011,4	2 013,2
800,0	2 800,0	2 810,5	2 811,8	2 805,0

* Nhiệt độ hiệu chuẩn (Calibration temperature): $(24 \pm 2)^\circ\text{C}$

* Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of): $U = 1.02\%$

* Hệ số phủ k = 2, mức tin cậy 95%

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---



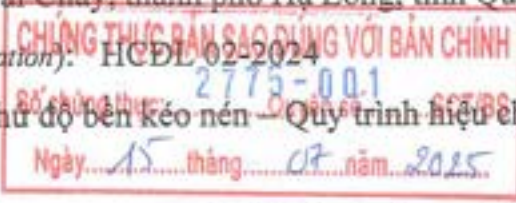
GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001096 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): **Máy thử độ bền nén**
 Kiểu (Type): TYA-2000 Số (Serial №): 160503 Số nhận dạng (ID):
 Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc
 Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (0 + 2000)kN
 Độ phân giải: 0,01kN

Khách hàng (Customer): **CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG**
 Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCDL 02-2024
 Máy thử độ bền kéo nén – Quy trình hiệu chuẩn
 Ngày... 15... tháng... 07... năm... 2025



Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	VMI	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):
 + Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025
 Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
 (See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn (Head of Calibration Department)
NGÔ SỬU

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh

Giám đốc (Director)
ĐỖ ĐĂNG CHUNG



1. Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
 2. Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



Hàng Hiệu Chuẩn và Đo Lường Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Address: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Cón, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001096

Trang (Page): 2/2

TT	Giá trị chỉ thị thiết bị (kN)	Giá trị chỉ thị chuẩn (kN)	Số hiệu chính (kN)
1	0	0,0	0,0
2	300	301,1	1,1
3	500	502,2	2,2
4	800	803,5	3,5
5	1000	996,3	3,7
6	1200	1193,4	6,6
7	1500	1492,3	7,7
8	1800	1788,2	11,8

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of): $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$

(Độ không đảm bảo đo được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%)

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001097 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Vòng đo lực máy nén CBR

Kiểu (Type): cơ Số (Serial №): A9164 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (0 ÷ 50)kN

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HCĐL 01-2024

Phương tiện đo lực – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Số chứng thực (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	Liên kết chuẩn SCT 27745001 Ngày 15 tháng 07 năm 2025 VMI	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Khánh

Giám đốc
(Director)

GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



hệ thống đo lường
Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Add: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Cón, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)



Ngày (Date of issue): 30/06/2025

Số (No): HC001097

Trang (Page): 2/2

TT	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị TB (Vạch x 0,01mm)
Phạm vi đo (0 + 50) kN		
1	0	100,0
2	5	123,0
3	10	147,8
4	15	171,0
5	20	195,9
6	30	244,0
7	40	292,1
8	50	341,1

$$F(x) = -0.00001 x^2 + 0.2135 x - 21.159$$

F(x) : - Lực nén.

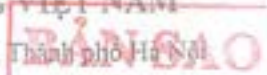
X: - Số (Vạch = 0.01 mm) chỉ trên đồng hồ

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (CERTIFICATE OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (№): HC001102 Trang (Page): 1/2

Tên phương tiện đo (Object): Máy thử độ bền nén 100KN

Kiểu (Type): n/a Số (Serial №): 090218 Số nhận dạng (ID):

Cơ sở sản xuất (Manufacturer): Trung Quốc

Đặc trưng kỹ thuật (Technical Specification): Phạm vi đo: (0 + 100)kN
Độ phân giải: 0,01kN

Khách hàng (Customer): CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

Địa chỉ (Address): Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of calibration): HGDL 02-2024 2776-001
Số chứng thực: 2776-001 Quyển số: SCT/BS

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Chuẩn (Standards)	Mã nhận dạng (ID)	Liên kết chuẩn (Traceable to)	Hiệu lực đến (Due date)
Loadcell DS60	TB02.1	VMI	3/2026

Môi trường hiệu chuẩn (Environment):

+ Nhiệt độ (Temperature): (28 ± 2)°C + Độ ẩm (Humidity): 55%RH

Ngày hiệu chuẩn (Date of Calibration): 30/06/2025

Ngày hiệu chuẩn tới (Recalibration recommended): 30/06/2026

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau
(See the results of the calibration on the next page)

Trưởng phòng hiệu chuẩn
(Head of Calibration Department)

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
Ngô Văn Thịnh



CÔNG CHỨNG VIỆN
Nguyễn Thị Thanh

Giám đốc
(Director)



GIÁM ĐỐC
Đỗ Đăng Chung

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



VIỆT NAM & ISO 9000
HIỆU CHUẨN

CÔNG TY CỔ PHẦN HIỆU CHUẨN VÀ ĐO LƯỜNG VIỆT NAM

Address: Số nhà 31, ngõ 41 đường Liên Kết, Xã Văn Cồn, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Tel: 0858 361 999 – Email: doluongvn283@gmail.com

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (RESULTS OF CALIBRATION)

Ngày (Date of issue): 30/06/2025 Số (No): HC001102

Trang (Page): 2/2



TT	Lực đo (kN)	Giá trị chỉ thị TB (kN)
1	0	00,00
2	10	10,01
3	20	20,05
4	30	30,05
5	40	40,06
6	50	50,12
7	60	60,15
8	70	70,24
9	80	80,35

Với độ không đảm bảo đo (With the uncertainty of): $U = 1,8 \cdot 10^{-2}$
(Độ không đảm bảo đo được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95%)

Ghi chú (Notes):

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, đảm bảo an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong hoạt động công vụ khác.
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
- Kết quả thử nghiệm của phương tiện đo này không dùng để đăng ký phê duyệt mẫu phương tiện đo.

---Hết (End)---

- Kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với thiết bị đã được hiệu chuẩn trên đây. Không được trích sao một phần giấy chứng nhận này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của HC & DL Việt Nam.
- Mọi thắc mắc về giấy chứng nhận hiệu chuẩn, khách hàng liên hệ theo số điện thoại 0858 361 999.



CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 3775-001 Quyền số: SCT/BS
Ngày 10 tháng 09 năm 2025



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Phương
NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Số Chứng chỉ: QNI - 00003632
(Ban hành theo Quyết định số 431/QĐ-SXD ngày 29/8/2025 của Sở Xây dựng)



Họ và tên: Vũ Ngọc Vinh
Ngày tháng năm sinh: 16/02/1976
Số CC/CCCD/HC: 035076008552
Cấp ngày: 11/08/2021
Tại: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch: Việt Nam
Cơ sở đào tạo: Trường ĐH Mỏ - Địa chất
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất thủy văn

HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa chất công trình	1	Từ 29/8/2025 đến 28/8/2035

Quảng Ninh, ngày 29 tháng 8 năm 2025

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Hữu Phúc



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường Đại học Mở Hà Nội, Hiệu trưởng trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHINH QUY
ngành Địa chất Thủy Văn
hạng Trung bình khá năm tốt nghiệp 1999
và công nhận danh hiệu

cho *Đỗ Sỹ An*

sinh ngày 16-02-1976 tại Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 1999

Đỗ Sỹ An

Chữ ký của người được cấp bằng

CHỖ TRỤC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 31-03-2021

Số chứng thực: 3.3.9.3.044016

SCT/BS



Số hiệu bằng

B 174347

Số vào sổ

29-66

Hiệu trưởng ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Khoa trưởng

PGC.TS. *Trần Ngọc*



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đào Xuân Thái

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Số Chứng chỉ: QNI - 00151906
(Ban hành theo Quyết định số 433/QĐ-SXD
ngày 24/9/2025 của Sở Xây dựng)



Họ và tên: Hà Duy Anh
Ngày tháng năm sinh: 19/08/1989
Số CCCCD/HC: 034089013114
Cấp ngày: 20/04/2021
Tại: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
Quốc tịch: Việt Nam
Cơ sở đào tạo: Trường ĐH Mo - Địa chất
Tinh độ chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật địa chất



**NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP
HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG SAO**

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa chất công trình	1	Từ 24/9/2025 đến 23/9/2035

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 9 năm 2025

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG CHỨNG VIÊN
Ngô Thị Sửu
**CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF

HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

has conferred
THE DEGREE OF ENGINEER

IN GEOLOGICAL ENGINEERING

Upon: **Mr Ha Duy Anh**

Date of birth: **19 August 1989**

Year of graduation: **2015**

Degree classification: **Ordinary**

Mode of study: **Full-time**

Hanoi, 01st October 2015



Reg. No: **K6-0290**

CÔNG CHUNG VIÊN
Nguyễn Thị Minh Chương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

cấp

BẰNG KỸ SƯ

KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT

Ông Hà Duy Anh

19/8/1989

2015

Trung bình

Chính quy

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: **376278**

Số vào sổ cấp bằng: **K6-0290**

PGTS Lê Hải An

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: **22-04-2025** Cho:
Số chứng thực: **4621 Quyển 1 Ngày sinh: 19/8/1989**

THÔNG TIN CÁ NHÂN



.....
Chữ ký của người được cấp
chứng chỉ

Họ và tên: Nguyễn Khắc Quyết

Ngày tháng năm sinh: 25/02/1989

Số CMTND (hoặc hộ chiếu) 125364310 cấp ngày

19/05/2017 Tại CA Bắc Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Cơ sở đào tạo: Đại học Mỏ - Địa chất

Hệ đào tạo: Chính quy

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kỹ thuật Địa chất

DẤU SẠO

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng

TT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa chất công trình	II	Từ 12/09/2022 đến 12/09/2027



Hà Nội, ngày 12 tháng 09 năm 2022

CÔNG CHỨNG VI
T/M HIỆP HỘI CÁC NHÀ THẦU
XÂY DỰNG VIỆT NAM
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hương



NGUYỄN QUỐC HIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ

- Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan
- Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề
- Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này
- Xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HNT-00151904

(Ban hành theo Quyết định số 35/2022/QĐ-VACE ngày 12/09/2022)

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF

HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

IN GEOLOGICAL ENGINEERING

Upon: **Mr Nguyen Khac Quyet**

Date of birth: **25 February 1989**

Year of graduation: **2015**

Degree classification: **Good**

Mode of study: **Full-time**

Hanoi, 01st October 2015

HỘI ĐỒNG THỰC HÀNH SAO ĐỪNG VIOL BAN CHỈ

Ngày: **04-06-2018**

Số chứng thực: **7770-01-SCTE**



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đỗ Lê Duy

Reg. No: **K6-0310**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

cấp

BẰNG KỸ SƯ

KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT

Cho: **Ông Nguyễn Khắc Quyết**

Ngày sinh: **25/02/1989**

Năm tốt nghiệp: **2015**

Xếp loại tốt nghiệp: **Khá**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2015



Số hiệu: **376261**

Số vào sổ cấp bằng: **K6-0310**

PGTS Lê Hải An

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE RECTOR OF

HANOI UNIVERSITY OF MINING AND GEOLOGY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

IN GEOLOGICAL ENGINEERING

Upon: **Mr Mai Danh Khuynh**

Date of birth: **28 September 1988**

Year of graduation: **2015**

Degree classification: **Average good**

Mode of study: **Full-time**

Hanoi, 01st October 2015



Số hiệu: **376268**

Số vào sổ cấp bằng: **K6-0302**

Reg. No: **K6-0302**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

cấp

BẰNG KỸ SƯ

KỸ THUẬT ĐỊA CHẤT

Ông Mai Danh Khuynh

Cho:

Ngày sinh:

Năm tốt nghiệp:

Xếp loại tốt nghiệp:

Hình thức đào tạo:

28/9/1988

2015

Trung bình khá

Chính quy

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2015



Phạm Thị Phương Thủy

POST Lê Hải An

BẢN SAO

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 26617 Quyển số: D SCTIBS
Ngày 1.7.10h 2023 năm.....

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

cấp

BẰNG KỸ SƯ

KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Ông NGUYỄN TRUNG DŨNG

Chợ: Ngày sinh: ngày 06 tháng 07 năm 1980

Năm tốt nghiệp: 2015

Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Hải Phòng, ngày 02 tháng 02 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lương Công Nhớ

Số hiệu: **323605**

Số vào sổ cấp bằng: 5235

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

OF VIETNAM MARITIME UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

CIVIL ENGINEERING

Majoring in Civil and Industrial Engineering

Mr NGUYEN TRUNG DUNG

Upon: Date of birth: 06 July 1980

Year of graduation: 2015

Degree classification: Ordinary

Mode of study: Part-time

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 15-11-2022
Số chứng thực: 16416-01
quyển 10.....SCTIBS

Hai Phong, 02 February 2015



CÔNG CHỨNG VIÊN

Đào Tuấn Thái

Reg. No:



VIỆN CƠ KHÍ NĂNG LƯỢNG VÀ MỎ - VINACOMIN
(VINACOMIN- INSTITUTE OF ENERGY AND MINING MECHANICAL ENGINEERING)

CHỨNG CHỈ

Certificate of Achievement

Chứng nhận

This is to certify that

Ông Nguyễn Trung Dũng

Đã tham dự khóa đào tạo

Has attended training course

NGHIỆP VỤ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG PTN THEO ISO/IEC 17025:2017
Quality Management in the Laboratory against ISO/IEC 17025:2017

Số giấy chứng nhận/ Certification No.:

IEMM 0103.02A-ĐT

Ngày cấp/ Issued date:

15/03/2022

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 10-06-2024

Số chứng thực: 5173-Quyết định BCT/ĐC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Thu Hiền



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Minh Chương

Địa chỉ/ Address: 565 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: +84-24-3552 5553; Fax: +84-24-3854 3154
Email: tvicontrol@gmail.com

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: **000425771** /LDTBXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào sổ số: *20.555*
Ngày: *19* tháng *4* năm *2024*

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trưởng: *Kỹ thuật và Nghiệp vụ*
Giáo trình văn Hải 1

Cấp cho: *NGUYỄN TRUNG DŨNG*

Sinh ngày: *06/7/1980*

Nguyên quán: *Đuyên Hải... Hà Nam*

Nghề đào tạo: *Chuyên viên văn thư*

Từ ngày *12/102* đến ngày *13/12/2014*

Đạt trình độ thợ bậc: *3/4*

Tốt nghiệp hạng: *Trung bình*

Theo quyết định số: *11/DT*

Ngày *19* tháng *4* năm *2024*

ngày *19* tháng *4* năm *2024*



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: **01-06-2020**
Số chứng thực: **6798** - quyền số: **01** SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đào Xuân Thái

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: **000949087**

Số hiệu:

ILDTBXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

Vào sổ số:.....19.740.....

Ngày ..05... tháng 04... năm 2008.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

Trường:..... Cao đẳng nghề Giao thông.....
..... Vận tải Trung ương I.....

Cấp cho:..... LƯƠNG VĂN CƯỜNG.....

Sinh ngày:..... 06/03/1988.....

Nguyên quán:..... Tiên Lãng - Hải Phòng.....

Nghề đào tạo:..... *Thí nghiệm oát liệu K/D/ĐB*.....

Từ ngày 10/06... đến ngày 1/03/08.....

Đạt trình độ thợ bậc:..... 3/7.....

Tốt nghiệp hạng:..... Trung bình khá.....

Theo quyết định số:..... 04/ĐT.....

Ngày 05.. tháng 04... năm ..2008

Hà Nội, ngày 5.. tháng 4.. năm 2008



Đào Văn Đường

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 11-08-2020

Số chứng thực: 1.0.0.9.1. quyết số SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đào Xuân Thái

BẰNG NGHỀ

Số hiệu: **000767648** ILĐT BXH - DN



Chữ ký của người được cấp bằng

HIỆU TRƯỞNG

Trưởng: *Trần Văn Trường*
Trần Văn Trường

Cấp cho: **PHẠM HẢI YẾN**

Sinh ngày: **21.8.1986**

Nguyên quán: **Hà Long, Quảng Ninh**

Nghề đào tạo: **Chín mươi lăm (15) tiếng**

Từ ngày **19.10.2007** đến ngày **1.3.2007**

Đạt trình độ thợ bậc: **3/7**

Tốt nghiệp hạng: **Trung bình khá**

Theo quyết định số: **09/DT**

Ngày **19** tháng **3** năm **2007**

ngày **19** tháng **3** năm **2007**

Vào sổ số: **19219**
Ngày **19** tháng **3** năm **2007**

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CH

Ngày: **04-06-2010**

Số chứng thực: **7775-01** quyền số **01** SCT/E



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đỗ Lê Duy

PHẦN III

MỘT SỐ HỢP ĐỒNG KINH TẾ CÔNG TY CỔ PHẦN GEO HẠ LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

Số: 223/2023/HĐTV

Về việc thực hiện gói thầu số 05 Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất bước thiết kế BVTC, thiết kế BVTC - Dự toán dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên

GIỮA

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN TIÊN YÊN

VÀ

LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MIỀN BẮC - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI HUNG QUẢNG NINH - CÔNG TY CỔ PHẦN GMC HẠ LONG

Tháng 12 năm 2023

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2021

HỢP ĐỒNG THÍ NGHIỆM

Số: 2102/2021/HĐTN/ĐHC-GMC

V/v: Thí nghiệm kiểm tra vật liệu và chất lượng công trình

**GÓI THẦU SỐ 12: THI CÔNG XÂY DỰNG PHẦN ĐƯỜNG CAO TỐC,
CẦU ĐÀI VAN, CẦU ĐÀI XUYỀN 1, CẦU CẠN KM83+200, CẦU TIÊN YÊN 1,
CẦU TIÊN YÊN 2 VÀ CÁC HỆ THỐNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG (BAO GỒM
CÔNG TÁC KHẢO SÁT, THIẾT KẾ BVTC VAD ĐẢM BẢO GIAO THÔNG
THỦY CẦU TIÊN YÊN 1)**

I. CÁC CĂN CỨ ĐỀ KÝ HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 4

- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

- Luật xây dựng 2014 số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Căn cứ vào chức năng và nhiệm vụ, năng lực và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày 21 tháng 02 năm 2021, tại Văn phòng Công ty cổ phần xây dựng Đại Hùng Cát, chúng tôi gồm:

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

1. Bên giao thầu (Gọi tắt là bên A) :

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐẠI HÙNG CÁT

Đại diện : Ông Hoàng Đức Sơn Chức vụ: Chủ tịch HĐQT;
Địa chỉ : Số 3A, ngách 168/67, ngõ 168, đường Kim Giang, phường Đại Kim,
quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
VPGD : Căn hộ 544, Chung cư VP6, Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, HN
Mã số thuế : 0106 923 488
Tài khoản : 3689 3698 901
Tại : Ngân hàng TMCP Tiên Phong – CN Tây Hà Nội

2. Bên nhận thầu (Gọi tắt là bên B):

CÔNG TY CỔ PHẦN GMC HẠ LONG

Đại diện : Ông Vũ Ngọc Vinh Chức vụ: **Giám đốc**;
Địa chỉ : Tổ 2, khu 1, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh.
Mã số thuế : 5701802064
Tài khoản : 206704070036688
Tại : Ngân hàng HDBank – Chi nhánh Quảng Ninh

III. CÁC ĐIỀU KHOẢN CỦA HỢP ĐỒNG

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng tư vấn với các điều khoản sau:

Điều 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

- Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận thực hiện công việc thí nghiệm kiểm tra chất lượng vật liệu xây dựng, chất lượng công trình cầu Đài Van thuộc Gói thầu số 12: Thi công xây dựng phần đường cao tốc, cầu Đài Van, cầu Đài Xuyên 1, cầu cạn Km 83+200, cầu Tiên Yên 1, cầu Tiên Yên 2 và hệ thống điện chiếu sáng (bao gồm công tác khảo sát, thiết kế BVTC và đảm bảo giao thông thủy cầu Tiên Yên 1) theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt.

Điều 2. CHẤT LƯỢNG VÀ CÁC YÊU CẦU KỸ THUẬT

- Theo đúng các tiêu chuẩn của dự án, quy định hiện hành của Nhà nước về thi công và nghiệm thu.
- Theo đúng yêu cầu của Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công đã được phê duyệt;
- Tuân thủ chặt chẽ các yêu cầu kỹ thuật của dự án đã được Chủ đầu tư phê duyệt, chấp thuận.

Điều 3. THỜI GIAN THỰC HIỆN

- Thời gian thực hiện: từ khi bắt đầu dự án đến khi kết thúc bàn giao.

Điều 4. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

- Giá trị hợp đồng được tính như sau:

TT	Hạng mục thí nghiệm	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Thí nghiệm VLXD, cầu kiện, chất lượng công trình = 0.60% Giá trị xây lắp	t.bộ	85.878.000.000	0.60%	515.268.000
Tổng cộng:					515.268.000
<i>Bằng chữ: Năm trăm mười lăm triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng chẵn.</i>					

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT 10%;
- Đơn giá thí nghiệm vật liệu xây dựng, cấu kiện, chất lượng công trình không bao gồm cái chi tiêu thí nghiệm của các hạng mục: các thí nghiệm cọc khoan nhồi (siêu âm, khoan mùn, nén tĩnh, thử động PDA); vật tư đặc chủng: neo, cáp dự ứng lực, gối cầu, khe co giãn, lớp phòng nước, lớp đệm đàn hồi; vải địa kỹ thuật; an toàn giao thông; mố nhô; cầu tạm phục vụ thi công; hạng mục đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, đường thủy; lán trại; trạm biến áp;
- Giá trị hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:
 - + Điều chỉnh khối lượng công việc;
 - + Trường hợp bất khả kháng: Các bên tham gia hợp đồng thương thảo để xác định giá trị hợp đồng điều chỉnh phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 5. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Tạm ứng

- Sau khi hợp đồng được ký kết bên A tạm ứng cho bên B 50% giá trị hợp đồng.

2. Thanh toán

- Khi thi công xong công trình, hồ sơ kết quả thí nghiệm được Chủ đầu tư chấp thuận nghiệm thu thanh toán, bên A sẽ thanh toán giá trị còn lại cho Bên B sau khi hai bên thanh quyết toán hợp đồng và bên B xuất đầy đủ hoá đơn VAT cho bên A.

3. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng

4. Phương thức thanh toán: chuyển khoản

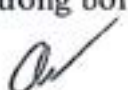
- 5. Thời gian thanh toán:** Bên A thanh toán cho bên B không quá 07 ngày kể từ ngày bên B cung cấp đầy đủ hồ sơ nghiệm thu thanh toán.

6. Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Đơn đề nghị thanh toán
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc
- Bảng tính giá trị nghiệm thu
- Hóa đơn giá trị gia tăng VAT

Điều 6. BẤT KHẢ KHÁNG

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính chất khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như: động đất, lũ lụt, hoả hoạn...
- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:



- + Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- + Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.
- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 7. TẠM DỪNG, HUỖ BỎ HỢP ĐỒNG

a) Tạm dừng hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Do lỗi của Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu gây ra.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Các trường hợp khác do hai bên thoả thuận.
- Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi bên kia gây ra nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tự ý tạm dừng gây thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường cho bên thiệt hại. Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

b) Huỷ bỏ hợp đồng:

- Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.
- Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ, nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường.
- Khi hợp đồng huỷ bỏ, thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị huỷ bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền.

Điều 8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN

Bên A:

- Cung cấp các tài liệu có liên quan đến công tác thí nghiệm kiểm định theo yêu cầu của bên B.
- Thông báo tiến độ thực hiện công tác thí nghiệm, nghiệm thu cho bên B.
- Cử cán bộ phối hợp với bên B để giải quyết các vấn đề vướng mắc nếu có trên công trường trong quá trình thi công.
- Thanh toán đầy đủ kinh phí cho bên B trong quá trình thí nghiệm.

Bên B:


- Chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và Bên giao thầu về sự chính xác của kết quả thí nghiệm.
- Bố trí tại phòng thí nghiệm hiện trường nhân sự tối thiểu, các thiết bị tối thiểu đáp ứng yêu cầu tiến độ của dự án, yêu cầu của Tư vấn giám sát và Chủ đầu tư.
- Tổ chức thi công đảm bảo đáp ứng tiến độ, chất lượng và an toàn theo sự chỉ đạo về quản lý công trường.
- Do yêu cầu tiến độ bên B bố trí ít nhất 03 cán bộ thí nghiệm thường trực (hoặc nhiều hơn theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát) tại công trường để tiến hành các công việc thí nghiệm.
- Nộp cho bên A đủ số bộ hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm chính thức cho từng đợt nghiệm thu thanh toán theo yêu cầu của Chủ đầu tư (dự kiến là 07 bộ) đảm bảo đúng pháp lý theo quy định.

Điều 9. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã ghi trong hợp đồng này.
- Trường hợp tranh chấp hai bên không giải quyết được thì phán quyết của Toà án Kinh tế là phán quyết cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện.
- Hợp đồng này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng./.

ĐẠI DIỆN BÊN A


CHỦ TỊCH HĐQT
Hoàng Đức Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC
Ngọc Vinh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 28-09-2021
Số chứng thực.....11489-01.....quyển số.....SCT/BS


CÔNG CHỨNG VIÊN
Đào Xuân Hải



HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số : 08A/2020/HĐTN/CAU75-HGMC

V/v: Cung cấp phòng thí nghiệm hiện trường và thực hiện các hạng mục thí nghiệm (Phần việc do Công ty CP Xây dựng Cầu 75 đảm nhận trong liên danh) của Gói thầu số 03: Thi công xây dựng công trình, trạm thu phí và cung cấp, lắp đặt thiết bị (trừ đường gom hai bên tuyến) - Dự án: Đường nối khu công nghiệp Cái Lân qua Khu công nghiệp Việt Hưng đến đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn
Địa điểm: phường Việt Hưng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

I. Các căn cứ để ký kết hợp đồng:

- Căn cứ Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2006;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội khóa XIII, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của chính phủ về quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình;
- Căn cứ giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 09/GCN-BGTVT;
- Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc số 15/2020/HĐNT/C75-LD ngày 12/3/2020 giữa Công ty CP xây dựng cầu 75 và Liên danh Công ty CP GMC Hạ Long và Công ty TNHH 1TV kiểm định xây dựng về việc cung cấp phòng thí nghiệm hiện trường và thực hiện các hạng mục thí nghiệm của gói thầu số 03;
- Căn cứ hợp đồng kinh tế số 08/2020/HĐ-XL ký ngày 28 tháng 03 năm 2020 giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh và Công ty cổ phần Xây dựng Cầu 75 - Công ty TNHH Mạnh Cường - Tổng công ty xây dựng Trường Sơn - Công ty cổ phần xây dựng và đầu tư 122 Vĩnh Thịnh - Công ty cổ phần xây dựng số 1 Quảng Ninh - Công ty Cổ phần tư vấn xây lắp đầu tư An Phú Quảng Ninh (gọi tắt là Liên danh 75 - MC - TS - 122VT - XDI- AP) về việc thi công Gói thầu số 03: Thi công xây dựng công trình, trạm thu phí và cung cấp, lắp đặt thiết bị (trừ đường gom hai bên tuyến) - Dự án: Đường nối khu công nghiệp Cái Lân qua Khu công nghiệp Việt Hưng đến đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên;

Hôm nay, ngày 30 tháng 3 năm 2020, tại văn phòng Công ty CP xây dựng cầu 75, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

II. Các bên ký hợp đồng:

1. BÊN GIAO (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Đại diện: Ông Phùng Văn Tinh

Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ :

Số 6 - Ngõ 83 - Ngọc Hồi - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: 0243.6871558

Fax: 0243.6871352

Tài khoản : 117 0000 118 14

Mở tại: tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An - Hà Nội

Mã số thuế: 2900324829

2. BÊN NHẬN (BÊN B): CÔNG TY CỔ PHẦN GMC HẠ LONG

Đại diện: Ông Vũ Ngọc Vinh Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0203.3849 928

Tài khoản số: 206704070036688

Mở tại: Ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh, chi nhánh Quảng Ninh (HDBank).

Mã số thuế: 5701802064

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng kinh tế với những điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc:

- Bên A giao cho Bên B thực hiện toàn bộ công việc thí nghiệm vật liệu, kiểm tra chất lượng công trình cho tất cả các hạng mục liên quan theo tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án và yêu cầu của Chủ đầu tư (nếu có) **Phần việc do Công ty CP Xây dựng cầu 75 đảm nhận trong liên danh của gói thầu số 03: Thi công xây dựng công trình, trạm thu phí và cung cấp, lắp đặt thiết bị (trừ đường gom hai bên tuyến) - Dự án: Đường nối khu công nghiệp Cái Lân qua Khu công nghiệp Việt Hưng đến đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn.**

- Phạm vi công việc nêu trên không bao gồm công tác thí nghiệm siêu âm kiểm tra chất lượng bê tông cọc khoan nhồi, khoan mùn kiểm tra chất lượng mũi cọc, thử tải cọc khoan nhồi (PDA, nén tĩnh); các loại vật tư đặc chủng: neo, cáp dự ứng lực, khe co giãn, gối cầu, thanh bar, ...

- Bên B thực hiện theo công tác thí nghiệm và kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và yêu cầu của Chủ đầu tư (nếu có) và đúng với tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước phù hợp với quyết định công nhận các phép thử của Phòng thí nghiệm LAS-XD 228 của Bộ Xây Dựng.

- Đối với các công việc thí nghiệm thuộc dự án mà Phòng thí nghiệm LAS-XD 228 không thực hiện được thì bên B phải có trách nhiệm thuê các đơn vị khác thực hiện và chi phí này do bên B chịu trách nhiệm.

- Mỗi bộ chứng chỉ thí nghiệm phải cung cấp 08 bộ (hoặc theo yêu cầu của dự án) ký, đóng dấu đỏ.

- Công tác thí nghiệm và giao nhận kết quả được thực hiện tại Văn phòng hiện trường của bên B.

Điều 2: Thời gian, tiến độ thực hiện:

2.1. Thời gian thực hiện:

- Thời gian bắt đầu: Sau khi hợp đồng được ký kết bên B sẽ huy động phòng thí nghiệm, nhân lực và thiết bị đến hiện trường để thực hiện công việc tại điều 1.

- Tiến độ thực hiện: kể từ ngày chủ đầu tư phát lệnh khởi công đến khi hoàn thành công trình đưa vào khai thác sử dụng.

2.2. Hồ sơ tài liệu giao cho Bên A:

- Hồ sơ hoàn thành bàn giao gồm: 08 bộ (hoặc theo yêu cầu của dự án) kết quả thí nghiệm.

- Bên B hoàn thành công việc và giao nộp báo cáo kết quả thí nghiệm cho bên A

theo đúng thời gian yêu cầu.

- Thời gian kết thúc: Sau khi bàn giao tài liệu cuối cùng cho bên A.

Điều 3 : Giá trị hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng được tính bằng $0,4\% \times$ Giá trị hợp đồng xây lắp được Chủ đầu tư thanh quyết toán cho bên A.

- Giá trị hợp đồng tạm tính theo giá trị xây lắp (được tính chi phí thí nghiệm) gói thầu (làm tròn) là: $107.386.924.000 \times 0,4\% = 429.548.000$ đồng (Bốn trăm hai mươi chín triệu, năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng./.).

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT 10% và toàn bộ các chi phí để bên B thực hiện công việc của mình theo Hợp đồng.

- Đơn giá thí nghiệm vật liệu xây dựng (VLXD), cấu kiện, chất lượng công trình không bao gồm các chi tiêu thí nghiệm của các hạng mục: các thí nghiệm cọc khoan nhồi (siêu âm, khoan mùn, nền tĩnh, thử động PDA); vật tư đặc chủng: neo, cáp dự ứng lực, gối cầu, khe co giãn, lớp phòng nước, lớp đệm đàn hồi; vải địa kỹ thuật; an toàn giao thông; mố nhô; cầu tạm phục vụ thi công; hạng mục đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, đường thủy; lán trại; trạm biến áp.

- Giá trị trên là tạm tính, giá trị thanh toán cuối cùng là giá trị xây lắp của bên A được Chủ đầu tư chấp thuận nghiệm thu thanh quyết toán.

Điều 4: Tạm ứng và thanh toán hợp đồng:

4.1. Tạm ứng

- Sau khi hợp đồng được ký kết, bên A sẽ tạm ứng cho bên B tương ứng với tỷ lệ tạm ứng bên A nhận được từ Chủ đầu tư, tối thiểu là 10% giá trị hợp đồng tùy theo kế hoạch tạm ứng của Chủ đầu tư tương ứng số tiền là 43.000.000 đồng (Bốn mươi ba triệu đồng chẵn./.) sau khi Bên A nhận được hồ sơ tạm ứng từ Bên B. Hồ sơ tạm ứng bao gồm:

+ Đề nghị tạm ứng;

+ Bảo lãnh tạm ứng bằng bằng máy móc, thiết bị và phòng thí nghiệm của Bên B tập kết tại công trường (có biên bản xác nhận của hai bên về việc bảo lãnh bằng máy móc, thiết bị và phòng thí nghiệm). Trường hợp Bên B bảo lãnh bằng máy móc, thiết bị và phòng thí nghiệm tại công trường, nếu Bên B không thực hiện công việc theo hợp đồng hoặc vi phạm nghĩa vụ tại bất kỳ thời điểm nào khi thực hiện công việc, Bên A có quyền thu hồi một phần hoặc toàn bộ số tiền tạm ứng thông qua tài sản bảo lãnh của Bên B. Trường hợp này, Bên B có nghĩa vụ phải cung cấp cho Bên A toàn bộ giấy tờ pháp lý có liên quan đến tài sản bảo lãnh nêu trên và Bên A có toàn quyền định đoạt đối với tài sản bảo lãnh của Bên B, Bên B không được khiếu nại gì thêm.

+ Biên bản nghiệm thu phòng thí nghiệm tại hiện trường được Chủ đầu tư và Tư vấn giám sát chấp thuận.

+ Biên bản xác nhận việc huy động nhân lực, tập kết máy móc, thiết bị tại công trường A-B.

- Vốn tạm ứng được thu hồi qua các lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, mức thu hồi từng lần theo tỷ lệ đã tạm ứng và đảm bảo thu hồi hết khi giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng (giá trị thu hồi tạm ứng = tỷ lệ tạm ứng \times 1/0,8).

4.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

Bên B bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A 5% giá trị hợp đồng tương ứng số tiền là 21.500.000 đồng (Hai mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng) hoặc bằng máy

móc, thiết bị và phòng thí nghiệm tại của bên B tại hiện trường, có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng đến khi bên B hoàn thành công việc theo hợp đồng.

Nếu Bên B không thực hiện công việc theo hợp đồng hoặc vi phạm nghĩa vụ tại bất kỳ thời điểm nào khi thực hiện công việc, Bên A có quyền thu hồi một phần hoặc toàn bộ số tiền tạm ứng thông qua toàn bộ tài sản bảo lãnh của Bên B. Trường hợp này, Bên B có nghĩa vụ phải cung cấp cho Bên A toàn bộ giấy tờ pháp lý có liên quan đến tài sản bảo lãnh nêu trên và Bên A có toàn quyền định đoạt đối với tài sản bảo lãnh của Bên B, Bên B không được khiếu nại gì thêm.

4.3. Thanh toán

*** Thanh toán theo đợt**

- Trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên A nhận được tiền thanh toán của Chủ đầu tư, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B theo khối lượng xây lắp hoàn thành với đơn giá chi phí thí nghiệm đã ký kết sau khi trừ đi tiền tạm ứng và các khoản tạm giữ khác từ Chủ đầu tư (nếu có).

*** Thanh toán cuối cùng**

- Khi Bên B hoàn thành toàn bộ công việc theo hợp đồng, hồ sơ kết quả thí nghiệm được Chủ đầu tư chấp thuận thì bên A sẽ thanh toán đến 100% giá trị còn lại cho Bên B sau khi bên B nộp hồ sơ thanh toán hợp lệ được bên A chấp thuận và xuất đầy đủ hoá đơn VAT cho bên A.

4.4. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

4.5. Phương thức thanh toán: chuyển khoản.

4.6. Thời gian thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B không quá 15 ngày kể từ ngày bên A nhận được thanh toán từ Chủ đầu tư. Trong trường hợp quá thời hạn trên thì kể từ ngày thứ 16, bên A phải chi trả lãi suất bằng lãi suất tiền vay theo ngân hàng của bên B tại thời điểm ngày quá hạn. Số tiền lãi suất này sẽ được cộng vào đợt thanh toán tiếp theo.

4.7. Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- Đơn đề nghị thanh toán.
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc (có phụ lục khối lượng kèm theo).
- Bảng tính giá trị KLHT được nghiệm thu.
- Hóa đơn giá trị gia tăng VAT hợp lệ xuất cho Bên A.

Điều 5: Bất khả kháng

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính chất khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như: động đất, lũ lụt, hoả hoạn...

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 6: Tạm dừng và chấm dứt hợp đồng

6.1. Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Bên A:

- Tạm ngừng hợp đồng bởi Bên A:

+ Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo tạm ngừng công việc của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể.

- Chấm dứt hợp đồng bởi Bên A: Bên A có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 07 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến Bên nhận thầu. Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

+ Bên B không tuân thủ các điều kiện của Hợp đồng, bỏ dở công việc hoặc không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng.

+ Không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 3 [Tiến độ thực hiện hợp đồng].

+ Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự đồng ý của Bên A.

+ Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

+ Sau khi chấm dứt Hợp đồng, Bên A có thể thuê các Nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc. Bên A và các nhà thầu này khi đó có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào của Bên B thực hiện theo Hợp đồng đã có.

6.2. Tạm ngừng và chấm dứt hợp đồng bởi Bên B:

- Tạm ngừng hợp đồng bởi Bên B: Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng này quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, bên B có quyền đơn phương tạm ngừng hợp đồng, bên A phải chịu mọi tổn thất liên quan.

- Chấm dứt hợp đồng bởi Bên B: Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là 07 ngày trong các trường hợp sau đây:

+ Bên A không thanh toán cho Bên B theo Hợp đồng sau 25 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ và sau khi Bên A nhận được tiền thanh toán từ Chủ đầu tư.

+ Bên B bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được uỷ thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

6.3. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng:

- Việc thanh toán thực hiện theo đơn giá hợp đồng đã ký kết tại Điều 4 cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực.

Điều 7: Trách nhiệm của các bên

7.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Bên A sẽ cung cấp cho Bên B các thông tin, tài liệu liên quan đến dự án mà Bên A có được trong khoảng thời gian sớm nhất theo đề nghị của Bên B.

- Bên A sẽ cùng hợp tác với Bên B và tạo điều kiện đến mức tối đa trong khả năng của mình cho Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- Có quyền tạm dừng hoặc chấm dứt Hợp đồng với bên B mà không phải thực hiện bất kỳ trách nhiệm bồi thường hay nghĩa vụ pháp lý nào khác trong trường hợp bên B vi phạm thoả thuận của hợp đồng mà trong vòng 10 ngày không có phương án khắc phục (trừ trường hợp do nguyên nhân của sự kiện bất khả kháng gây ra).

- Cử cán bộ có đủ thẩm quyền giám sát và giải quyết những vướng mắc trong suốt quá trình thực hiện của bên B.
- Bên A sẽ cùng bàn bạc và đi tới thống nhất trước khi quyết định các vấn đề quan trọng liên quan đến phạm vi công việc của Bên B.
- Bên A thanh toán đầy đủ cho bên B theo Điều 5 của Hợp đồng.
- Có kế hoạch thực hiện và thông báo tiến độ thực hiện công tác thí nghiệm, nghiệm thu cho bên B.

7.2: Trách nhiệm của Bên B:

- Chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư, Tư vấn giám sát và Bên giao thầu về sự chính xác của kết quả thí nghiệm.
- Bố trí tại phòng thí nghiệm hiện trường nhân sự đáp ứng yêu cầu tiến độ của dự án.
- Tổ chức thi công đảm bảo đáp ứng tiến độ, chất lượng và an toàn theo sự chỉ đạo về quản lý công trường.
- Lắp đặt phòng thí nghiệm hiện trường, tổ chức máy móc thiết bị thí nghiệm và nhân lực để tiến hành công tác thí nghiệm, các thiết bị phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và đầy đủ chứng chỉ kiểm định được tư vấn giám sát chấp thuận.
- Trước khi tiến hành thực hiện công tác kiểm tra thí nghiệm, Bên B đệ trình máy móc, nhân sự cho bên A để bên A trình tư vấn giám sát chấp thuận. Bên B phải đảm bảo đưa đúng, đủ các nhân sự và máy móc để hoàn thành các công việc của hợp đồng theo danh sách kèm theo, nhân sự phải mua bảo hiểm tai nạn.
- Trình đầy đủ các chứng chỉ hành nghề của nhân sự và chứng chỉ kiểm định thiết bị (còn có hiệu lực) trước khi tiến hành thi công.
- Bên B có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo... theo yêu cầu của Bên A và Chủ đầu tư; chịu trách nhiệm về tính trung thực của số liệu, chất lượng hồ sơ; và có nghĩa vụ bảo vệ hồ sơ trước cơ quan xét duyệt và sửa chữa bổ sung khi có yêu cầu.
- Bên B phải cam kết rằng, khi có yêu cầu của Bên A cũng như yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên B sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm do Bên B hay Chủ đầu tư ấn định (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày hoàn thành và bàn giao công trình.
- Bên B tự chịu trách nhiệm về nơi ăn ở, phương tiện đi lại, trang thiết bị bảo hộ lao động, mua bảo hiểm theo yêu cầu của dự án cho cán bộ kỹ thuật và công nhân tham gia dự án. Chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn lao động cho công tác kiểm định tại hiện trường.
- Bên B phải chịu trách nhiệm trước Bên A và pháp luật về mọi hoạt động do nhân lực của mình thực hiện.
- Trong quá trình thực hiện công việc, trường hợp xảy ra thiệt hại do lỗi của bên B gây ra cho bên A hoặc bên thứ ba thì bên B phải có trách nhiệm bồi thường và thực hiện các nghĩa vụ pháp lý khác theo quy định của pháp luật.
- Bàn giao kết quả thí nghiệm từng đợt đúng thời gian cho bên A. Trường hợp bên A đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng mà bên B thực hiện công việc (bao gồm cả việc báo cáo thí nghiệm) chậm tiến độ theo yêu cầu thì ngoài khoản phạt quy định tại Khoản 9.1 Điều 9 của hợp đồng này, với bất kỳ sự chậm trễ trong quá trình báo cáo kết quả thí nghiệm của bên B dẫn đến việc bên A bị Chủ đầu tư nhắc nhở hoặc phạt vi phạm, bên B phải chịu trách nhiệm thanh toán cho bên A khoản tiền phạt mà Chủ đầu tư đã áp dụng thu trước của bên A tương ứng với công việc mà bên B

Duc

thực hiện. Khoản tiền này sẽ được bên A khấu trừ trực tiếp vào giá trị thanh toán cho bên B.

- Nộp cho bên A đủ số bộ hồ sơ báo cáo kết quả thí nghiệm chính thức cho từng đợt nghiệm thu thanh toán theo yêu cầu của Chủ đầu tư và của bên A (dự kiến là 08 bộ) đảm bảo đúng pháp lý theo quy định để bên A trình ký TVGS, Chủ đầu tư.

Điều 8: Xử lý vi phạm

- Trong trường hợp bên B thực hiện công tác thí nghiệm, kiểm tra bị chậm tiến độ theo yêu cầu (bao gồm cả việc chậm bàn giao kết quả thí nghiệm) thì bên B phải chịu phạt với số tiền bằng 1% giá trị phần việc bị chậm/1 ngày chậm nhưng thời gian chậm trễ không quá 10 ngày. Nếu xét thấy sự chậm trễ này có thể ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện hợp đồng của bên A với Chủ đầu tư thì bên A có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng với bên B để lựa chọn đơn vị khác để thay thế. Bên B sẽ không được thanh toán giá trị phần công việc đã thực hiện nhưng chưa hoàn tất thủ tục thanh toán.

- Trong trường hợp kết quả thí nghiệm, kiểm tra không đạt yêu cầu, nếu bên A có cơ sở để nghi ngờ về kết quả thí nghiệm do bên B thực hiện, bên A có quyền chỉ định một bên thứ ba có chức năng thí nghiệm, kiểm định xây dựng theo quy định của pháp luật để làm thí nghiệm, kiểm tra đối chứng. Nếu kết quả kiểm chứng cho thấy có sự khác biệt nhau thì bên B phải hoàn trả cho bên A toàn bộ số tiền thí nghiệm đối với phần việc có sự sai sót này và hoàn thiện lại hồ sơ thí nghiệm để trình lại Chủ đầu tư, TVGS chấp thuận. Nếu bên B không thực hiện, bên B sẽ không được thanh toán giá trị phần công việc đã thực hiện nhưng chưa hoàn tất thủ tục thanh toán.

Điều 9: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã ghi trong hợp đồng này.

- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng, các bên phải có trách nhiệm thương lượng giải quyết. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua Tòa án thành phố Hà Nội để xử lý tranh chấp theo các quy định của pháp luật. Quyết định của Tòa án thành phố Hà Nội là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên. Án phí do bên thua kiện chịu.

- Các Bên đồng ý tuân thủ nguyên tắc bảo mật thông tin và không một Bên nào có quyền tiết lộ nội dung của Hợp đồng này hoặc chuyển cho bên thứ ba mà không được sự đồng ý bằng văn bản của bên kia. Bên vi phạm hoàn toàn chịu trách nhiệm đền bù các thiệt hại cho bên kia.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng và mặc nhiên được thanh lý sau khi các bên hoàn thành nghĩa vụ của hợp đồng mà không phát sinh tranh chấp, khiếu kiện.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản để thực hiện.

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

Ngày: 28-09-2021

Số chứng thực: 11488-701 quyền số: 5701802064

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GẦU 75 CÔNG TY CỔ PHẦN GMC

THÀNH PHỐ HÀ NỘI TP. HÀ LONG - T. QUẢNG NINH

GIÁM ĐỐC
Phùng Văn Bình Vũ Ngọc Vinh

GIÁM ĐỐC
HÙNG QUANG

CÔNG CHỨNG VIÊN
Trang Đào Xuân Hải

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số 22/2017/HĐTN/OLP-GMC

Dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường từ Cảng hàng không Quảng Ninh đến khu phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp Vân Đồn, khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh

Địa điểm: Huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

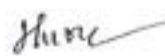
I. Các căn cứ để ký kết hợp đồng:

- Căn cứ Luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14/6/2005 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2006;
- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội khoá XIII, nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của chính phủ về quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình;
- Căn cứ giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 09/GCN-BGTVT;
- Căn cứ Hợp đồng số 04/2017/HĐ-XL ngày 20 tháng 09 năm 2017 gói thầu Thi công xây dựng công trình Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Cảng hàng không Quảng Ninh đến khu phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp Vân Đồn, Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh giữa Ban Quản lý các dự án công trình giao thông và Công ty TNHH Olympia.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên;

Hôm nay, ngày 6 tháng 10 năm 2017, tại văn phòng Công ty TNHH Olympia, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

II. Các bên ký hợp đồng:**1. Đại diện bên giao thầu (Bên A) : Công ty TNHH OLYMPIA**

Người Đại diện: (Bà) **NGÔ THỊ THANH SƯƠNG** Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ: Thôn An Sơn – Xã Hoà Ninh – Huyện Hoà Vang - Thành Phố Đà Nẵng - VN
Tài khoản: 2001201116270 ngân hàng NN&PTNT CN Hải Châu
Mã số thuế: 0401367446
Điện thoại: 02363.890990 Fax: 02363.917669



2. Đại diện bên nhận thầu (Bên B) : Công ty CP GMC Hạ Long

Đại diện là: Ông VŨ NGỌC VINH

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh.

Điện thoại: 02033.849.928

Fax: 02033.849.928

Mã số thuế: 5701802064

Tài khoản: 206704070036688 tại HDBank – Chi nhánh Quảng Ninh

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng kinh tế với những điều khoản sau:

Điều 1 : Nội dung công việc phải thực hiện:

- Bên A giao cho Bên B thực hiện toàn bộ công việc thí nghiệm vật liệu, kiểm tra chất lượng công trình cho tất cả các hạng mục liên quan theo tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án và yêu cầu của Chủ đầu tư (nếu có) thuộc Gói thầu: Thi công Nền, móng, và các công trình trên tuyến đoạn Km7+00 – Km15+200 thuộc dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường từ Cảng hàng không Quảng Ninh đến khu phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp Vân Đồn, khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

- Phạm vi công việc nêu trên không bao gồm công tác thí nghiệm siêu âm kiểm tra chất lượng bê tông thân cọc; khoan mùn kiểm tra chất lượng mũi cọc, thử tải cọc tuyến và không bao gồm hạng mục an toàn giao thông, cây xanh và điện chiếu sáng.

- Bên B thực hiện theo công tác thí nghiệm và kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và yêu cầu của Chủ đầu tư (nếu có) và đúng với tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước phù hợp với quyết định công nhận các phép thử của Phòng thí nghiệm LAS 228 của Bộ Xây Dựng.

- Đối với các công việc thí nghiệm thuộc dự án mà Phòng thí nghiệm LAS 228 không thực hiện được thì bên B phải có trách nhiệm thuê các đơn vị khác thực hiện và chi phí này do bên B chịu trách nhiệm.

- Mỗi bộ chứng chỉ thí nghiệm phải cung cấp 07 bộ gốc (hoặc theo yêu cầu của dự án) ký, đóng dấu đỏ.

- Công tác thí nghiệm & giao nhận kết quả được thực hiện tại Văn phòng hiện trường của bên B.

Điều 2 : Thời gian, tiến độ thực hiện:

2.1. Thời gian thực hiện:

- Thời gian bắt đầu: Sau khi hợp đồng được ký kết và bên A có yêu cầu.

- Tiến độ thực hiện: Bên B hoàn thành & giao nộp báo cáo kết quả thí nghiệm cho bên A theo đúng thời gian yêu cầu, thời gian dự kiến thi công của dự án là 13 tháng kể từ ngày chủ đầu tư phát lệnh khởi công.

- Thời gian kết thúc: Sau khi bàn giao tài liệu cuối cùng cho bên A.

2.2. Hồ sơ tài liệu giao cho Bên A:

Handwritten signature

- Hồ sơ hoàn thành bàn giao: 07 bộ gốc (hoặc theo yêu cầu của dự án) kết quả thí nghiệm.

Điều 3 : Giá trị hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng được căn cứ vào giá trị khối lượng thực hiện thực tế của dự án nhân (x) với 0,45%, trong đó bao gồm nền, mặt đường và các công trình trên tuyến không bao gồm hạng mục an toàn giao thông, cây xanh và điện chiếu sáng.

Khi khối lượng phát sinh thêm bên A phải trả thêm theo khối lượng phát sinh

Giá trị hợp đồng tạm tính theo giá trị xây lắp (được tính chi phí thí nghiệm) gói thầu (làm tròn) là: $455.105.469.029 \times 0,45\% = 2.047.974.611$ đồng (Hai tỷ, không trăm bốn mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi tư nghìn, sáu trăm mười một đồng).

Giá trị xây lắp trên là tạm tính, giá trị xây lắp cuối cùng là giá trị xây lắp của nhà thầu được quyết toán.

Điều 4 : Tạm ứng và thanh toán hợp đồng:

- Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 20% giá trị hợp đồng tương đương số tiền là 409.594.922 (Bằng chữ: Bốn trăm linh chín triệu, năm trăm chín mươi tư nghìn, chín trăm hai mươi hai đồng) sau khi hợp đồng được ký kết, bên B huy động thiết bị đến công trường được Chủ đầu tư, TVGS nghiệm thu chấp thuận và bên A được tạm ứng từ Chủ đầu tư đồng thời bên B cung cấp cho bên A chứng thư bảo lãnh tạm ứng với số tiền đề nghị tạm ứng do ngân hàng bên B phát hành.

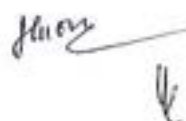
- Thanh toán từng đợt: Bên A sẽ thanh toán cho bên B 90% giá trị hoàn thành từng đợt trên cơ sở phiếu giá thanh toán của bên A với Chủ đầu tư (và 100% đối với quyết toán sau khi đã thu hồi khoản tạm ứng của bên A cho bên B). Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong vòng 07 ngày kể từ ngày Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán;

- Thanh quyết toán hợp đồng: Giá trị thanh quyết toán hợp đồng sẽ căn cứ vào giá trị thanh quyết toán của bên A với Chủ đầu tư;

- Thu hồi tạm ứng: Ứng với mỗi đợt thanh toán, Bên A sẽ thu hồi khoản tạm ứng bằng 25% giá trị thanh toán của từng đợt thanh toán, khoản tạm ứng sẽ được thu hồi hết khi giá trị thực hiện của bên B đạt 80% giá trị hợp đồng.

- Hồ sơ thanh toán bao gồm:

- + Bảng xác nhận khối lượng, giá trị thực hiện hàng tháng của Dự án được Bên A xác nhận;
- + Biên bản nghiệm thu giai đoạn thanh toán và các căn cứ kèm theo;
- + Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán và các căn cứ đính kèm;
- + Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ cho giá trị hợp đồng còn lại;
- + Công văn đề nghị thanh toán;
- + Biên bản giao nhận kết quả thí nghiệm được Bên A xác nhận;



- + Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).
- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản qua ngân hàng theo tài khoản chỉ định của bên B.
- Đồng tiền áp dụng để thanh toán: Việt Nam đồng.

Điều 5 : Trách nhiệm của các bên:

**** Trách nhiệm của bên A***

- Cung cấp các thông tin, yêu cầu và kế hoạch thi công, thí nghiệm cho bên B biết trước ít nhất 24h để tổ chức thực hiện;
- Giám sát công tác thí nghiệm của bên B, giao mẫu và tiếp nhận kết quả do Bên B thực hiện;
- Sử dụng tài liệu thí nghiệm đúng mục đích của dự án;
- Cùng bên B giải quyết kịp thời các vướng mắc, phát sinh và tạo mọi điều kiện để bên B thực hiện công việc;
- Tổ chức nghiệm thu và quyết toán hợp đồng cho Bên B theo đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng;
- Cùng Bên B giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh và tạo điều kiện cho Bên B thực hiện công việc.

**** Trách nhiệm của bên B***

- Thực hiện đầy đủ các công việc được ký kết ở điều 1;
- Phối hợp với bên A trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng, đệ trình các thủ tục liên quan đến dự án để TVGS chấp thuận (nếu có);
- Bên B bố trí các cán bộ kỹ thuật theo đúng hồ sơ đề xuất cho Bên A, cán bộ kỹ thuật đủ tiêu chuẩn về bằng cấp, kinh nghiệm cần thiết vào việc quản lý; thực hiện thí nghiệm chính xác và tiến hành lấy mẫu khách quan, đúng yêu cầu của dự án;
- Các thiết bị phải đảm bảo thủ tục đăng ký chất lượng theo quy định hiện hành;
- Cung cấp đầy đủ hoá đơn tài chính hợp lệ theo quy định hiện hành của Nhà nước ngay khi Bên A nghiệm thu giá trị hợp đồng cho Bên B;
- Chịu trách nhiệm về kết quả công việc và tài liệu của mình thực hiện.

Điều 6 : Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản đã được thoả thuận trong hợp đồng.
- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có các vấn đề phát sinh thì hai bên cùng bàn bạc và giải quyết; được lập thành văn bản, phụ lục hợp đồng (nếu cần). Các phụ lục kèm theo là một phần không thể tách rời hợp đồng này. Trong trường hợp qua thương lượng không đạt được thoả thuận thì sẽ đưa ra toà án kinh tế tại Đà Nẵng để giải quyết theo luật định, mọi phí tổn sẽ do bên có lỗi chịu.
- Sau khi bên B bàn giao kết quả cuối cùng và bên A thanh toán đầy đủ số tiền, nếu

thung
K

sau 45 ngày hai bên không có ý kiến gì bằng văn bản thì hợp đồng xem như được thanh lý.

- Hợp đồng lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 04 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Ngô Thị Thanh Sáng

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Wũ Ngọc Vinh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 28-09-2021

11487--01

Số chứng thực.....quyển số.....SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Dào Xuân Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiên Yên, ngày 20 tháng 12 năm 2023

HỢP ĐỒNG
Số: 223/2023/HĐTV

Thực hiện gói thầu số 05 Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất bước thiết kế BVTC, thiết kế BVTC - Dự toán dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên

GIỮA

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN TIÊN YÊN

VÀ

LIÊN DANH CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MIỀN BẮC - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI HƯNG QUẢNG NINH - CÔNG TY CỔ PHẦN GMC HẠ LONG

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 5. Giá hợp đồng

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 13. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 14. Điều khoản chung

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2023 tại của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiên Yên, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (gọi tắt là bên A): Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiên Yên.

- Tên giao dịch: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiên Yên.
- Đại diện là: Ông: Nguyễn Tế Hanh Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Phố Thống Nhất, TT Tiên Yên, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.
- Tài khoản: 9552.3.8017474, tại Kho bạc Nhà nước huyện Tiên Yên.
- Mã số thuế : 5700961939.
- Điện thoại: 0333.876.254.

2. Nhà thầu (gọi tắt là bên B): Liên danh Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc - Công ty cổ phần Đại Hưng Quảng Ninh - Công ty cổ phần GMC Hạ Long.

a. Thành viên đứng đầu liên danh: Công ty Cổ phần Tư vấn Miền Bắc

Đại diện là: Ông : Nguyễn Quang Vinh Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Tổ 5, khu 1, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, QN

Tài khoản: 8610011300 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long.

Mã số thuế : 5700518325.

Mã chương: 554, Mã ngành: 165, Mục lục: 1701 cơ quan quản lý Cục thuế Quảng Ninh.

b. Tên thành viên liên danh Công ty cổ phần GMC Hạ Long

Đại diện là: Ông Vũ Ngọc Vinh Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh QNinh

Tài khoản số: 206704070036688;

Tại Ngân hàng HD Bank chi nhánh Quảng Ninh.

Mã số thuế: 5701802064

Mã chương: 754. Mã ngành: 292. Mục lục: 1701. Cơ quan quản lý Chi cục thuế thành phố Hạ Long.

c. Tên thành viên liên danh Công ty cổ phần Đại Hưng Quảng Ninh

Đại diện Ông Phạm Thế Khánh Chức vụ: Giám đốc.

Trụ sở chính: Tổ 38, Khu 4, P. Cao Thắng, TP. Hạ Long, T.Quảng Ninh

dân huyện Tiên Yên phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên (lần 1);

Căn cứ Quyết định số 854/QĐ-QLDA ngày 23/11/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiên Yên "Về việc giao lập hồ sơ mời thầu, thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 05 Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất bước thiết kế BVTC, thiết kế BVTC - Dự toán dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên";

Căn cứ Quyết định số 857/QĐ-QLDA ngày 24/11/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiên Yên về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu số 05 Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất bước thiết kế BVTC, thiết kế BVTC - Dự toán dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên;

Căn cứ Quyết định số 885/QĐ-QLDA ngày 12/12/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiên Yên về việc thành lập tổ chuyên gia đấu thầu gói thầu số 05 Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất bước thiết kế BVTC, thiết kế BVTC - Dự toán dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-QLDA ngày 19/12/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiên Yên về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu số 05 Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất bước thiết kế BVTC, thiết kế BVTC - Dự toán dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên;

Căn cứ Quyết định số 894/QĐ-QLDA ngày 20/12/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiên Yên về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 05 Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất bước thiết kế BVTC, thiết kế BVTC - Dự toán dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên;

Biên bản thương thảo hợp đồng hợp đồng ngày 20/12/2023 giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiên Yên và Liên danh Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc - Công ty cổ phần Đại Hưng Quảng Ninh - Công ty cổ phần GMC Hạ Long.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiên Yên;
2. Nhà thầu là Liên danh Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc - Công ty cổ phần Đại Hưng Quảng Ninh - Công ty cổ phần GMC Hạ Long.
3. Dự án là Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên;
4. Công trình là Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên;

4.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

4.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

5.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

5.2. Ngôn ngữ của hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)

6.1. Nhà thầu tư vấn phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương giá trị khoản tiền tạm ứng trước khi Chủ đầu tư thực hiện việc tạm ứng. Nếu là liên danh các Nhà thầu tư vấn thì từng thành viên trong liên danh phải nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương với giá trị khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên.

6.2. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán.

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

7.1. Bên A giao cho bên B thực hiện gói thầu số 05 Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất bước thiết kế BVTC, thiết kế BVTC - Dự toán dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên, cụ thể như sau:

- Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói.

- Thực hiện lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình theo toàn bộ các hạng mục của dự án đã được phê duyệt.

- Thu thập hồ sơ liên quan đến công trình (Thuyết minh cơ sở, báo cáo tính toán, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các tài liệu sửa đổi, điều chỉnh có liên quan nếu có).

- Khảo sát hiện trường, thí nghiệm mẫu trong phòng, lập hồ sơ báo cáo khảo sát theo đúng quy định.

7.2. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng bao gồm:

- Toàn bộ hồ sơ liên quan đến Tư vấn lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình.

- Giám sát tác giả và làm ra thiết kế, sửa đổi thiết kế (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng đầu tư xây dựng.

- Quy định hiện hành về kiểm định chất lượng công trình.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

8.1. Chất lượng sản phẩm kiểm định phải phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, theo

Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của chủ đầu tư.
- Chi phí lấy ý kiến, thẩm tra, phê duyệt...
- Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

11.1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng

- Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng. Việc áp dụng các phương pháp điều chỉnh giá phải phù hợp với tính chất công việc, loại giá hợp đồng, đồng tiền thanh toán và phải được thỏa thuận trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng tư vấn xây dựng thực hiện thanh toán theo thời gian (theo tháng, tuần, ngày, giờ) thì việc điều chỉnh mức tiền lương cho chuyên gia thực hiện theo công thức điều chỉnh cho một yếu tố chi phí nhân công tại mục I Phụ lục I kèm theo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

11.2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại ĐKCT].

11.3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

q) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

r) Giám sát tác giả đối với tư vấn lập Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán:

Nhà thầu phải cử người đủ năng lực để thực hiện việc giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình, cụ thể như sau:

- Nhà thầu có trách nhiệm giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình cho chủ đầu tư, các nhà thầu khác để quản lý và thi công theo đúng thiết kế.

- Sửa đổi thiết kế đối với những nội dung chưa phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện thực tế của công trình.

- Khi phát hiện thi công sai với thiết kế, người giám sát tác giả phải ghi nhật ký giám sát và yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện đúng thiết kế. Trong trường hợp không khắc phục được nhà thầu phải có văn bản thông báo cho chủ đầu tư.

Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)

14.1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.

14.2. Nhà thầu tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.

14.3. Nhà thầu tư vấn cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

15.1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể tại Phụ lục số 01 [Nhân lực của Nhà thầu].

15.2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục số 01 [Nhân lực của Nhà thầu]. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

15.3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

15.4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

15.5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục số 01 [Nhân lực của Nhà thầu].

15.6. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

18.5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

18.6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu tư vấn, hoặc những thứ Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu tư vấn sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

19.1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

19.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn

kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

20.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo **Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp]** sau khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại **Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp]**.

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

20.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

20.4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

20.5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng:

Việc thanh toán thực hiện theo **Điều 10 [Giá hợp đồng]** và **Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán]** cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng**21.1. Quyết toán hợp đồng**

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại **Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP** được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 **Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP**.

kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

23.4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

24.1. Tạm ứng:

Thời gian chậm nhất là [quy định tại ĐKCT], Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu tư vấn là [quy định tại ĐKCT] với số tiền là [quy định tại ĐKCT].

24.2. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là [quy định tại ĐKCT].

Giá trị mà Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể là 100% [quy định tại ĐKCT].

Trong vòng [quy định tại ĐKCT], kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

24.3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán.
- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng.
- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm:

Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản.

24.4. Riêng hợp đồng đơn giản, quy mô nhỏ, việc tạm ứng hoặc không tạm ứng do Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn xem xét, thống nhất theo đề nghị của Nhà thầu tư vấn bảo đảm phù hợp với yêu cầu của gói thầu, giảm bớt thủ tục không cần thiết.

24.5. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

25.1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [quy định tại ĐKCT]. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa

đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại ĐKCT].

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ [quy định tại ĐKCT].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Ngôn ngữ của hợp đồng: Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là 08 bộ.

Điều 5. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng: 7.524.043.000 đồng (bao gồm thuế VAT 8%)

(Số tiền bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm hai mươi tư triệu không trăm bốn mươi ba nghìn đồng chẵn).

Trong đó:

+ Chi phí khảo sát địa hình: 347.501.000 đồng.

+ Chi phí khảo sát địa chất: 3.130.444.000 đồng.

+ Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: 4.046.098000 đồng.

- Giá trị phân khai giữa các thành viên liên danh như sau:

- Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc: 4.191.294.000 đồng.

(Bao gồm: Giá trị khảo sát địa hình: 347.501.000. Giá trị lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục giao thông: 3.843.793.000 đồng).

- Công ty cổ phần Đại Hưng Quảng Ninh: 202.305.000 đồng.

(Bao gồm: Giá trị lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục điện: 202.305.000 đồng).

- Công ty cổ phần GMC Hạ Long: 3.130.444.000 đồng.

(Bao gồm: Giá trị khảo sát địa chất: 3.130.444.000.000 đồng).

với nhân sự theo đề xuất trong E-HSDT.

Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng (05) năm ngày.

Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc (03) ba ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là (05) năm ngày.

Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian (05) năm ngày.

Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 20 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [Không dưới 10 ngày].

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng với tổng thời gian thực hiện là 40 ngày, kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt, giám sát tác giả và các trường hợp bất khả kháng).

2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian và phân công việc hoàn thành là 40 ngày. Thời gian bắt đầu thực hiện là ngày 20/12/2023, thời gian hoàn thành là ngày 28/01/2024.

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:

Thời gian tạm ứng chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Chủ đầu tư tạm ứng cho Nhà thầu tư vấn 6,03 % giá trị hợp đồng tương ứng với số tiền là 453.765.000 đồng (bằng chữ: Bốn trăm năm mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

Chủ đầu tư sẽ chuyển tiền tạm ứng cho Công ty Cổ phần Tư vấn Miền Bắc. Số tài khoản: 8610011300 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long. Tạm ứng số tiền là 453.765.000 đồng

không vượt giá trị hợp đồng.

Điều 14. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký, hợp đồng hết hiệu lực khi các bên thanh lý hợp đồng;

Hợp đồng này bao gồm 27 trang được lập thành 12 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư giữ 08 bản, Nhà thầu giữ 04 bản làm cơ sở để thực hiện./.

CHỦ ĐẦU TƯ
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HUYỆN TIÊN YÊN
Giám đốc



[Signature]
Nguyễn Tế Hanh

NHÀ THẦU LIÊN DANH

CÔNG TY CỔ PHẦN
TƯ VẤN MIỀN BẮC
GIÁM ĐỐC



[Signature]
Nguyễn Quang Vinh

CÔNG TY CP ĐẠI HÙNG
QUẢNG NINH
GIÁM ĐỐC



[Signature]
Phạm Thế Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN GMC
HẠ LONG
GIÁM ĐỐC



[Signature]
Vũ Ngọc Vinh



[Signature]
Vũ Mạnh Hải

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 30-05-2024
Số chứng thực 0443 -- Quyền số 123456789

UBND PHƯỜNG HÙNG HẢI
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

BẢNG PHÂN KHAI GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo Hợp đồng số 223/2023/HĐ-TV ngày 20 tháng 12 năm 2023)

**Gói thầu số 05: Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán
Dự án: Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên**

Đơn vị tính: đồng

STT	Thành phần công việc	Đơn vị	Khối lượng	Khối lượng			Đơn giá	Thành tiền	Thành tiền		
				Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty cổ phần Đại Hưng Quảng Ninh	Công ty CP GMC Hạ Long			Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty cổ phần Đại Hưng Quảng Ninh	Công ty CP GMC Hạ Long
1	Chi phí khảo sát địa hình	Toàn bộ	100	100%	0%	0%	347.501.000	347.501.000	347.501.000	-	-
2	Chi phí khảo sát địa chất	Toàn bộ	100	0%	0%	100%	3.130.444.000	3.130.444.000	3.843.793.000	202.305.000	3.130.444.000
3	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán	Toàn bộ	100	95%	5,00%	0,00%	4.046.098.000	4.046.098.000	4.191.294.000	202.305.000	3.130.444.000
	Cộng						7.524.043.000	7.524.043.000	4.191.294.000	202.305.000	3.130.444.000
	Tỷ lệ	%					100%	100%	55,7053%	2,6888%	41,6059%

CÔNG TY CP TƯ VẤN MIỀN BẮC
Giám đốc
Nguyễn Quang Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI HƯNG QUẢNG NINH
Giám đốc
Phạm Thế Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN GMC HẠ LONG
Giám đốc
Nguyễn Ngọc Vinh

ĐẠI DIỆN BÊN A
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HUYỆN TIÊN YÊN
Giám đốc
Nguyễn Tế Hanh

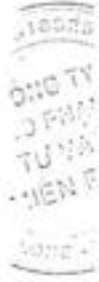
PHỤ LỤC GIÁ KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH

Công trình: Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên
(Kèm theo Hợp đồng số 223/2023/HD-TV ngày 20/12/2023)

Bước: Thiết kế bản vẽ thi công



STT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (VNĐ)
1	Khảo sát tuyến chính				
-	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	21,88	1.669.549	36.529.732
-	Đo vẽ mặt cắt dọc ở dưới nước. Cấp địa hình III	100m	3,50	1.670.644	5.847.254
-	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	49,55	2.023.787	100.278.646
2	Khảo sát nút giao				
-	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	20,50	1.669.549	34.225.755
-	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	44,80	2.023.787	90.665.658
3	Khảo sát đường giao				
-	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	6,60	1.669.549	11.019.023
-	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	13,20	2.023.787	26.713.988
4	Khảo sát công trình công				
-	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	2,10	1.669.549	3.506.053
-	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	1,70	2.023.787	3.440.438
-	Đo vẽ công trình cũ (công)	công	6,00	559.910	3.359.460
5	Khảo sát giao cắt với các công trình khác và đấu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật	công	5,00	559.910	2.799.550
6	Điều tra vật liệu xây dựng	công	10,00	559.910	5.599.100
7	Lập trạm đếm xe trên QL18 và QL4B (thời gian 7 ngày liên tục)	công	42,00	559.910	23.516.220
	TỔNG CỘNG (Đã bao gồm thuế VAT):				347.500.877
	LÀM TRÒN				347.501.000



PHỤ LỤC GIÁ KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT

CÔNG TRÌNH : TUYẾN ĐƯỜNG KẾT NỐI TỪ QUỐC LỘ 4B ĐẾN QUỐC LỘ 18, HUYỆN TIÊN YÊN

(Kèm theo Hợp đồng số 223/2023/HĐ-TV ngày 20 tháng 12 năm 2023)

HẠNG MỤC: KHẢO SÁT CẦU

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
		Công tác khoan				
1	CC.21110	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I -III. Khoan sử dụng bentonit K=1.05	m khoan	20,0	1.139.179	22.783.582
2	CC.21120	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV- VI. Khoan sử dụng bentonit K=1.05	m khoan	30,0	1.664.650	49.939.512
3	CC.31110	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở dưới nước. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III. Khoan sử dụng bentonit K=1.05	m khoan	240,0	1.947.169	467.320.580
4	CC.31120	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở dưới nước. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV- VI. Khoan sử dụng bentonit K=1.05	m khoan	360,0	2.799.527	1.007.829.728
5	CC.21610	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	m khoan	20,0	438.550	8.770.999
6	CC.21620	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV-VI	m khoan	30,0	626.265	18.787.945
		KẾT THÚC: Công tác khoan				
		Hệ nối phục vụ khoan dưới nước	0	0,0		
7	TT	Hệ nối phục vụ khoan dưới nước (Mỗi cầu 1 bộ phao bè)	bộ	3,0	25.050.010	75.150.031
		KẾT THÚC: Hệ nối phục vụ khoan dưới nước				
		Thí nghiệm SPT	0	0,0		
8	CE.11410	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	1 lần TN	130,0	482.242	62.691.429
9	CE.11420	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp IV-VI	1 lần TN	52,0	677.134	35.210.955
		KẾT THÚC: Thí nghiệm SPT				
		Thí nghiệm mẫu nguyên dạng	0	0,0		
10	DC.02001	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	29,0	497.088	14.415.549
11	DC.02002	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	29,0	107.905	3.129.240
12	DC.02003	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	29,0	188.823	5.475.859

13	DC.02004	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	29,0	272.673	7.907.524
14	DC.02006	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	29,0	59.073	1.713.131
15	DC.02007	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông. Khoan nhanh K=0.25	1 chỉ tiêu	29,0	148.303	4.300.785
16	DC.02009	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	29,0	58.250	1.689.256
		KẾT THÚC: Thí nghiệm mẫu nguyên dạng				
		Thí nghiệm mẫu không nguyên dạng	0	0,0		
17	DC.02001	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	118,0	497.088	58.656.372
18	DC.02004	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	118,0	272.673	32.175.443
19	DC.02008	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	118,0	894.306	105.528.114
20	DA.02013	Thí nghiệm cát, góc nghỉ khô, nghỉ ướt của cát	1 chỉ tiêu	118,0	486.045	57.353.312
		KẾT THÚC: Thí nghiệm mẫu không nguyên dạng				
		Thí nghiệm mẫu đá	0	0,0		
21	DA.03001	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng riêng của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	104,0	272.158	28.304.468
22	DA.03002	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng thể tích của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	104,0	200.238	20.824.777
23	DA.03012	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén khi khô của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	104,0	963.057	100.157.888
24	DA.03012	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén khi bão hòa của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	104,0	963.057	100.157.888
		KẾT THÚC: Thí nghiệm mẫu đá				
		TỔNG HẠNG MỤC				2.290.274.368

Bảng chữ: Hai tỷ ba trăm mười hai triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng chẵn./.

HẠNG MỤC: KHẢO SÁT BÀI RÁC

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
1	CC.21110	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III. Khoan sử dụng bentonit K=1.05	m khoan	90,0	1.139.179	102.526.119
2	CC.21120	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV - VI. Khoan sử dụng bentonit K=1.05	m khoan	10,0	1.664.650	16.646.504
3	CC.21610	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	m khoan	90,0	438.550	39.469.497

4	CC.21620	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV-VI	m khoan	10,0	626.265	6.262.648
	*	Thí nghiệm mẫu nguyên trạng	0	0,0		
5	DC.02001	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	10,0	497.088	4.970.879
6	DC.02002	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	10,0	107.905	1.079.048
7	DC.02003	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	10,0	188.823	1.888.227
8	DC.02004	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	10,0	272.673	2.726.732
9	DC.02006	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	10,0	59.073	590.735
10	DC.02007	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông. Nén nhanh K = 0.25	1 chỉ tiêu	10,0	148.303	1.483.029
11	DC.02009	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	10,0	58.250	582.502
		KẾT THÚC: Thí nghiệm mẫu nguyên trạng				
	*	Thí nghiệm mẫu không nguyên dạng	0	0,0		
12	DC.02001	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	0,0	497.088	0
13	DC.02004	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	0,0	272.673	0
14	DC.02008	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	0,0	894.306	0
15	DA.02013	Thí nghiệm cát, góc nghỉ khô, nghỉ ướt của cát	1 chỉ tiêu	0,0	486.045	0
		KẾT THÚC: Thí nghiệm mẫu không nguyên dạng				
	*	Thí nghiệm mẫu đá	0	0,0		
16	DA.03001	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng riêng của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	5,0	272.158	1.360.792
17	DA.03002	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng thể tích của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	5,0	200.238	1.001.191
18	DA.03012	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén khí khô của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	5,0	963.057	4.815.283
19	DA.03012	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén khí bão hòa của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	5,0	963.057	4.815.283
		KẾT THÚC: Thí nghiệm mẫu đá				
		TỔNG HẠNG MỤC				190.218.472

Bảng chú: Một trăm chín mươi hai triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm chín mươi lăm đồng chẵn./.

KHẢO SÁT NỀN ĐƯỜNG ĐÀO SÂU

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
-----	-------	--------------	--------	------------	-------------	----------------

1	CC.21110	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I -III	m khoan	33,0	1.139.179	37.592.910
2	CC.21120	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV- VI	m khoan	156,0	1.664.650	259.685.464
3	CC.21610	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	m khoan	33,0	438.550	14.472.149
4	CC.21620	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV-VI	m khoan	156,0	626.265	97.697.312
		Thí nghiệm mẫu nguyên trạng	0	0,0		
5	DC.02001	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	12,0	497.088	5.965.055
6	DC.02002	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	12,0	107.905	1.294.858
7	DC.02003	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	12,0	188.823	2.265.873
8	DC.02004	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	12,0	272.673	3.272.079
9	DC.02006	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	12,0	59.073	708.882
10	DC.02007	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	12,0	148.303	1.779.635
11	DC.02009	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	12,0	58.250	699.003
		KẾT THÚC: Thí nghiệm mẫu nguyên trạng				
		Thí nghiệm mẫu đá	0	0,0		
12	DA.03001	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng riêng của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	54,0	272.158	14.696.550
13	DA.03002	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng thể tích của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	54,0	200.238	10.812.865
14	DA.03012	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	54,0	963.057	52.005.057
15	DA.03012	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	54,0	963.057	52.005.057
		KẾT THÚC: Thí nghiệm mẫu đá				
		TỔNG HẠNG MỤC				554.952.749

Bảng chữ: Năm trăm sáu mươi triệu hai trăm tám mươi tám nghìn tám trăm ba mươi tư đồng chẵn./.

MÔ VẬT LIỆU

STT	Mã số	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền (đ)
-----	-------	--------------	--------	------------	-------------	----------------

1	TT	Công điều tra MVL	Công	6,0	554.578	3.327.467
2	TT	Ca xe điều tra MVL	Ca	2,0	1.674.482	3.348.965
		Thí nghiệm mẫu CBR (đất đắp)				
3	DC.02001	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	11,0	497.062	5.467.684
4	DC.02002	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	11,0	107.896	1.186.859
5	DC.02003	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	11,0	188.283	2.071.118
6	DC.02004	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	11,0	269.994	2.969.935
7	DC.02006	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	11,0	58.534	643.877
8	DC.01011	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng hữu cơ	1 chỉ tiêu	11,0	310.539	3.415.932
9	DC.05004	Thí nghiệm đầm nén cải tiến PP II-D	1 chỉ tiêu	11,0	821.354	9.034.892
10	DC.06001	Thí nghiệm xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm (California Bearing Ratio)	1 chỉ tiêu	11,0	2.539.903	27.938.936
		Thí nghiệm cát xây dựng				
11	DA.02003	Thí nghiệm cát, thành phần hạt và mô đun độ lớn	1 chỉ tiêu	6,0	495.264	2.971.584
12	DA.02004	Thí nghiệm cát, hàm lượng bụi, bùn, sét bẩn	1 chỉ tiêu	6,0	439.626	2.637.755
13	DA.02006	Thí nghiệm cát, hàm lượng tạp chất hữu cơ	1 chỉ tiêu	6,0	242.905	1.457.430
		Thí nghiệm đá				
14	DA.03001	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng riêng của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	6,0	271.893	1.631.358
15	DA.03002	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng thể tích của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	6,0	199.973	1.199.837
16	DA.03004	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng thể tích xốp của đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	6,0	175.112	1.050.671
17	DA.03005	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), thành phần hạt của đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	6,0	452.220	2.713.321
18	DA.03006	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), hàm lượng bụi sét bẩn trong đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	6,0	159.288	955.730
19	DA.03007	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), hàm lượng thời dẹt trong đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	6,0	360.804	2.164.822
20	DA.03008	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), hàm lượng hạt mềm yếu và hạt bị phong hóa trong đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	6,0	325.662	1.953.970
21	DA.03009	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), độ ẩm của đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	6,0	139.474	836.847
22	DA.03012	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	6,0	963.057	5.778.340
23	DA.03014	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), độ nén dập của đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	6,0	363.886	2.183.315

24	DA.03015	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), độ mài mòn của đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	6,0	935.906	5.615.436
25	DA.03018	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), độ rỗng giữa các hạt đá (cho 1 lần làm KLR hoặc KLTT)	1 chỉ tiêu	6,0	407.037	2.442.222

KHỐI LƯỢNG DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN

26		Thiết kế thành phần cấp phối bê tông xi măng	Tron gói	1,0		
27		Thiết kế thành phần bê tông nhựa	Tron gói	1,0		
28		Phân tích mẫu nước	mẫu	4,0		
		TỔNG HẠNG MỤC				94.998.303
		TỔNG CÔNG TRÌNH				3.130.443.892
		LÀM TRÒN				3.130.444.000

Bảng chữ: Ba tỷ, một trăm ba mươi triệu, bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng chẵn./.



TỔNG HỢP CHI PHÍ LẬP THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG - DỰ TOÁN

(Kèm theo Hợp đồng số 223/2023/HĐ-TV ngày 20 tháng 12 năm 2023)

Gói thầu số 05: Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất bước thiết kế BVTG, thiết kế BVTG - Dự toán

Dự án: Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên



TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	Toàn bộ	1	4.046.098.000	4.046.098.000	



Tiên Yên, ngày 28 tháng 05 năm 2024

BẢN XÁC NHẬN ĐƠN VỊ VÀ NHÂN SỰ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Ban quản lý dự án đầu tư xây huyện Tiên Yên xác nhận Công ty cổ phần GEO Hạ Long (trước là Công ty cổ phần GMC Hạ Long) đã thực hiện công tác khảo sát địa chất bước thiết kế bản vẽ thi công thuộc gói thầu số 05: Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất bước thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế bản vẽ thi công - dự toán dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên theo hợp đồng tư vấn số 223/2023/HĐ-TV ngày 20/12/2023 với nội dung chính như sau:

1. **Vị trí dự án/công trình:** xã Tiên Lãng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

2. **Loại, cấp quy mô công trình:**

Loại công trình: Công trình giao thông.

Nhóm công trình: Nhóm B.

Cấp công trình: Cấp II.

3. **Phạm vi dự án:**

Vị trí, phạm vi xây dựng: Xã Tiên Lãng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Tổng chiều dài các đoạn tuyến $L=2,55\text{Km}$.

Điểm đầu tuyến: Đầu nối QL4B tại lý trình đoạn Km102+200 (thuộc xã Tiên Lãng, cách nút giao Mũi Chùa khoảng 2,5km).

Điểm cuối tuyến: Đầu nối QL18A tại lý trình đoạn Km208 (thôn Cống To xã Tiên Lãng), cách trung tâm huyện Tiên Yên khoảng 3,0km.

4. **Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật:**

Xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên theo quy mô đầu tư phân kỳ một nửa bên trái tuyến đường đoạn thuộc ĐT 341, đoạn nối từ ĐT 341 đến QL 18 đầu tư hoàn chỉnh nền mặt đường theo quy hoạch, giải phóng mặt bằng toàn bộ theo Quy hoạch. Cụ thể như sau:

Phần đường: Đường cấp III Đồng bằng theo TCVN 4054:2005, vận tốc thiết kế 80Km/h; Tần suất thiết kế $P = 2\%$ đối với nền đường và công trình trên tuyến; tải trọng thiết kế $P = 10T$ đối với nền mặt đường và HL93 đối với cống; Tổng chiều dài tuyến thiết kế khoảng $L = 2,6\text{Km}$, bao gồm 02 phân đoạn tuyến, cụ thể: Tuyến 1 (Đoạn thuộc đường tỉnh 341), chiều dài $L = 1,260\text{ Km}$, bề rộng Bnền/Bmặt = 14,25m/12,25m; Tuyến 2 (Đoạn nối từ đường tỉnh 341 đến QL 18), chiều dài $L = 1,323\text{ Km}$, bề rộng Bnền/Bmặt = 44,0m/24,5m.

Phần cầu: Xây dựng 02 cầu vượt sông Tiên Yên và sông nhánh theo tiêu chuẩn TCVN 11823-2017, hoạt tải thiết kế HL93, người đi bộ $3 \times 10^{-3}\text{ MPa}$, tần suất thiết kế $P = 1\%$, sông thông thuyền, có cây trôi (khổ thông thuyền $B \times H = (40,0 \times 7,0)\text{m}$ đối với cầu vượt sông Tiên Yên, $B \times H = (20,0 \times 4,0)\text{m}$ đối với cầu vượt sông nhánh). Kết cấu BTCT và BTCT DƯỠ.



Cầu số 1: sơ đồ cầu 24m+(42+63+42)m+39,15m+40,0m+40,0m+39,15m. Bề rộng khổ cầu B = 14,75m, trong đó bề rộng mặt cầu Bc=13,75m. Tổng chiều dài cầu Ltc=365,65m (tính đến đuôi mố). Nhịp chính gồm 3 nhịp đúc hẫng (42+63+42)m bằng dầm hộp BTCT dự ứng lực, nhịp dẫn bằng dầm BTCT DUL gồm 04 nhịp dầm super - T và 01 nhịp dầm bán 24m đúc sẵn.

Cầu số 2: Sơ đồ cầu: 18x10,0+3x24,0m (gồm 18 nhịp dầm bán cứng BTCT thường đổ tại chỗ, mỗi nhịp dài 10m và 03 nhịp dầm bán BTCT DUL đúc sẵn). Tổng chiều dài cầu Ltc=271,2m (tính đến đuôi mố).

Điểm đầu tuyến kết nối với đường Quốc lộ 4B tại Km 102+200; Điểm cuối tuyến kết nối với đường Quốc lộ 18 tại Km 208+00.

5. Phạm vi công việc do Công ty cổ phần GEO Hạ Long thực hiện:

Công ty cổ phần GEO Hạ Long thực hiện khảo sát địa chất bước thiết kế bản vẽ thi công.

CHƯƠNG TRÌNH BẢO BỆNH MÔI TRƯỜNG
 SỐ CHỨNG THỰC: 2792-001
 QUYỀN SỞ: SCT/BS
 NGÀY: 15 tháng 7 năm 2025

6. Tiến độ thực hiện:

Đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư và tuân thủ Hợp đồng số 223/2023/HĐ-TV ngày 20/12/2023 đã ký giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiên Yên và Liên danh Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc - Công ty cổ phần Đại Hưng Quảng Ninh - Công ty cổ phần GMC Hạ Long.

7. Nhân sự chủ chốt thực hiện dự án:

TT	Họ và tên	Chức danh trong dự án	Ghi chú
1	Vũ Ngọc Vinh	Chủ trì khảo sát địa chất	
2	Nguyễn Trung Trực	Kỹ sư khảo sát địa chất	
3	Hà Duy Anh	Kỹ sư khảo sát địa chất	
4	Nguyễn Khắc Quyết	Kỹ sư khảo sát địa chất	
5	Nguyễn Văn Thuyên	Kỹ sư khảo sát địa chất	
6	Đỗ Xuân Hiếu	Kỹ sư khảo sát địa chất	
7	Mai Danh Khuynh	Kỹ sư khảo sát địa chất	
8	Lương Văn Cường	Thí nghiệm viên	
9	Phạm Hải Yến	Thí nghiệm viên	
10	Nguyễn Trung Dũng	Thí nghiệm viên	

CÔNG TY CỔ PHẦN GEO
 HẠ LONG
 GIÁM ĐỐC

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
 HUYỆN TIÊN YÊN
 PHÓ GIÁM ĐỐC

Số: 115/QĐ-QLDA

Tiên Yên, ngày 06 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình:
Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HUYỆN TIÊN YÊN

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính Phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 06/2020/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc Hội;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 V/v ban hành định mức xây dựng; số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 V/v Hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 22/6/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Tiên Yên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công nguồn vốn ngân sách huyện quản lý.

Căn cứ Quyết định số 1918/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của UBND huyện Tiên Yên về việc giao chủ đầu tư các dự án đã được Hội đồng nhân dân huyện Tiên Yên phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 22/6/2023;

Căn cứ Quyết định số 1102/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Tiên Yên mở rộng, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040.

Căn cứ Quyết định số 2334/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND huyện Tiên Yên về việc phê duyệt Quy hoạch Tổng mặt bằng tuyến tỷ lệ 1/500 dự án: Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên.

Căn cứ Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND huyện Tiên Yên về việc phê duyệt Khung tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho dự án: Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên.

Căn cứ Quyết định số 2717/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên của Ban quản lý đầu tư xây dựng huyện Tiên Yên.

Căn cứ Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 15/9/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Tiên Yên về việc phê duyệt dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên;

Căn cứ Báo cáo số 01.02/2014/BC-TT ngày 01/02/2024 của Công ty cổ phần HTCOMPOSITES về việc báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế BVTC, dự toán xây dựng công trình: Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên;

Căn cứ Văn bản số 31/CCĐTNDI-QLHT ngày 19/01/2024 của Chi cục đường thủy nội địa khu vực I về việc chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa phục vụ thi công cầu số 01 thuộc dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên.

Căn cứ văn bản số 08/TĐ-SCT ngày 25/01/2024 của Sở Công thương V/v thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án: Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên;

Căn cứ văn bản số 711/SGTVT-QLCL ngày 06/02/2024 của Sở Giao thông vận tải "V/v thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án: Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên";

Xét báo cáo số 05/BC-QLDA ngày 06/02/2024 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiên Yên về việc báo cáo kết quả tổng hợp thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng thuộc dự án: Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên với các nội dung chủ yếu như sau:

- 1. Người phê duyệt:** Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Tiên Yên.
- 2. Tên công trình:** Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên.
- 3. Tên dự án:** Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên.
- 4. Loại và cấp công trình:** Công trình giao thông, cấp II.
- 5. Địa điểm xây dựng:** Xã Tiên Lãng, huyện Tiên Yên.

6. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

- Khảo sát địa hình: Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc.
- Khảo sát địa chất: Công ty cổ phần GMC Hạ Long.

7. Nhà thầu lập thiết kế bản vẽ thi công: Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc.

8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty cổ phần HTCOMPOSITES.

9. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật, các giải pháp thiết kế:

9.1. Phạm vi xây dựng:

- Tuyến đi qua địa phận xã Tiên Lãng, huyện Tiên Yên. Tổng chiều dài khoảng 2,55km.

- Điểm đầu tuyến: đầu nối QL4B tại lý trình đoạn Km102+200 (thuộc xã Tiên Lãng, cách nút giao Mũi Chùa khoảng 2.5km).

- Điểm cuối tuyến: Đầu nối QL18A tại lý trình đoạn Km208 (thôn Cống To, xã Tiên Lãng), cách trung tâm huyện Tiên Yên khoảng 3,0Km.

9.2. Quy mô xây dựng:

Xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên theo quy mô đầu tư phân kỳ một nửa bên trái tuyến đường đoạn thuộc ĐT.341, đoạn nối từ ĐT.341 đến QL18 đầu tư hoàn chỉnh nền mặt đường theo quy hoạch, giải phóng mặt bằng. Cụ thể như sau:

Phần đường: Đường cấp III Đồng bằng theo TCVN 4054:2005, vận tốc thiết kế 80Km/h; Tần suất thiết kế $P = 2\%$ đối với nền đường và công trình trên tuyến; tải trọng thiết kế $P = 10T$ đối với nền mặt đường và HL93 đối với cống; Tổng chiều dài tuyến thiết kế khoảng $L = 2,6\text{Km}$, bao gồm 02 phân đoạn tuyến, cụ thể: Tuyến 1 (Đoạn thuộc đường tỉnh 341), chiều dài $L = 1,260\text{ Km}$, bề rộng Bnền/Bmặt = 14,25m/12,25m; Tuyến 2 (Đoạn nối từ đường tỉnh 341 đến QL18), chiều dài $L = 1,323\text{ Km}$, bề rộng Bnền/Bmặt = 44,0m/24,5m.

Phần cầu: Xây dựng 02 cầu vượt sông Tiên Yên và sông nhánh theo tiêu chuẩn TCVN 11823-2017, hoạt tải thiết kế HL93, người đi bộ 3×10^3 MPa, tần suất thiết kế $P = 1\%$, sông thông thuyền, có cây trôi (khổ thông thuyền BxH = (40,0 x 7,0)m đối với cầu vượt sông Tiên Yên, BxH = (20,0 x 4,0)m đối với cầu vượt sông nhánh). Kết cấu BTCT và BTCT DƯL.

Điểm đầu tuyến kết nối với đường Quốc lộ 4B tại Km 102+200; Điểm cuối tuyến kết nối với đường Quốc lộ 18 tại Km 208+00.

9.3. Giải pháp thiết kế:

9.3.1. Bình đồ tuyến:

- Thiết kế theo mặt bằng tuyến tỷ lệ 1/500 được phê duyệt tại Quyết định số 2334/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND huyện Tiên Yên. Hướng tuyến

kết nối từ Quốc lộ 4B (Km102+200) vượt qua sông Tiên Yên, khu vực nuôi trồng thủy sản và sông nhánh (thuộc quy hoạch đường tỉnh 341) và đầu nối Quốc lộ 18 tại Km208+00. Đoạn tuyến từ ĐT.341 đến QL18 đầu tư một nửa bên trái tuyến theo quy hoạch, tuyến đi qua khu vực có địa hình đồi, núi thấp. Bình đồ tuyến thiết kế đảm bảo quy mô đường cấp III - Đồng bằng và đồi theo tiêu chuẩn TCVN 4054:2005. Tại các vị trí có điều kiện địa hình bên phải tuyến là khu vực ngập nước, rừng tự nhiên thiết kế cầu vượt bãi sông và sông nhánh để đảm bảo hạn chế tối đa ảnh hưởng rừng tự nhiên tiếp giáp dự án. Kết quả thiết kế:

- Chiều dài tuyến $L = 2,554$ Km, tổng số đường cong nằm $n = 3$, bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{min} = 250m$, độ dốc siêu cao lớn nhất $I_{scmax} = 4\%$;

9.3.2. Trắc dọc tuyến:

Thiết kế đảm bảo cao độ khống chế theo quy hoạch, tính toán theo tần suất thiết kế của đường giao thông và các công trình cầu bao gồm các điểm khống chế: Nút giao đầu tuyến với Quốc lộ 4B tại Km102+200 (cao độ +12,42m), tỉnh không thông thuyền tại cầu vượt sông Tiên Yên (cao độ +13,883m), tỉnh không thông thuyền cầu vượt sông nhánh (cao độ +8,91m), nút giao với đường tỉnh 341 (cao độ +9,35m), nút giao với Quốc lộ 18 tại Km208+00 (cao độ +36,91m), cao độ nền đường tối thiểu theo tần suất thiết kế $P = 2\%$ (cao độ +5,84m). Các yếu tố hình học tuân thủ theo tiêu chuẩn TCVN 4054:2005, độ dốc dọc lớn nhất $I_{dmax} = 5\%$.

9.3.3. Trắc ngang tuyến:

- Đoạn tuyến từ Km0+00 - Km1+260: Xây dựng phần đường bên phía trái tuyến quy hoạch với bề rộng nền đường $B_n = 14,25m$, bề rộng mặt đường $B_m = 12,25m$ (bao gồm 02 làn xe cơ giới, 02 làn xe thô sơ và dải an toàn), bề rộng lề đất $B_{ld} = 2 \times 1,0m = 2,0m$. Độ dốc ngang mặt đường $I_m = 2\%$, lề đất $I_l = 4\%$.

- Đoạn tuyến từ Km1+260 - Km2+554: Xây dựng nền, mặt đường đảm bảo bề rộng theo quy mô hoàn thiện với bề rộng nền đường $B_n = 44,0m$, bề rộng mặt đường $B_m = 24,50m$ (bao gồm 06 làn xe và dải an toàn), bề rộng dải phân cách giữa $B_{dpcg} = 3,0m$, bề rộng lề đất $B_{ld} = 2 \times 8,25m = 16,5m$. Độ dốc ngang mặt đường $I_m = 2\%$, lề đất $I_l = 4\%$

9.3.4. Nền đường:

- Nền đắp đất thông thường, độ chặt K95, phạm vi tiếp giáp với kết cấu áo đường đắp nền độ chặt K98 dày 30cm; độ dốc mái taluy đắp tỷ lệ 1/1,5 đối với nền đường thông thường, độ dốc mái taluy đắp tỷ lệ 1/1,75 đối với đoạn tuyến đi qua khu vực ngập nước, chịu ảnh hưởng của thủy triều, vật liệu đắp nền đường là đá tận dụng từ nền đường đào. Tại những vị trí nền đường đắp cao $H > 8,0m$ thiết kế giạt cấp taluy với chiều cao mỗi cấp $H = 6,0m$, giữa các cấp thiết kế bậc thêm rộng $B =$

2,0m, độ dốc 4%.

- Nền đường đắp qua khu vực ngập nước, nền đường đất yếu thiết kế đào thay toàn bộ đất yếu, đắp trả bằng vật liệu tận dụng từ nền đường đào đảm bảo độ chặt K95, phía trên đắp nền đường bằng đất độ chặt K95, K98.

- Nền đường đào: độ dốc mái taluy đào tỷ lệ 1/0,75 đến 1/1 tùy theo chiều sâu đào mái taluy, phạm vi tiếp giáp với kết cấu áo đường cây xới 30cm, lu nền đảm bảo độ chặt K98 đối với nền đường là đất. Tại những vị trí nền đường đào sâu $H > 10,0\text{m}$ thiết kế giạt cấp taluy, mỗi cấp có chiều cao $H = 8,0\text{m}$, giữa mỗi cấp để một bậc thềm rộng 2m, có độ dốc 15% về phía trong mái taluy.

9.3.5. Kết cấu áo đường:

- Kết cấu áo đường mềm, tải trọng trục $P = 10$ tấn, $E_{yc} \geq 155\text{Mpa}$, bao gồm các loại kết cấu như sau:

- Kết cấu áo đường tại các vị trí là nền đất: Bê tông nhựa C16 dày 5cm; tưới nhũ tương dính bám nhũ tương CRS-1 tiêu chuẩn nhựa 0,5kg/m²; bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới thấm bám nhũ tương CSS-1 tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m²; móng trên cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm ($D_{\max}=25\text{mm}$); móng dưới cấp phối đá dăm loại 1 dày 34cm ($D_{\max}=37,5\text{mm}$, chia làm 02 lớp);

- Kết cấu áo đường tại các vị trí là nền đá: Bê tông nhựa C16 dày 5cm; tưới nhũ tương dính bám nhũ tương CRS-1 tiêu chuẩn nhựa 0,5kg/m²; bê tông nhựa C19 dày 7cm; tưới thấm bám nhũ tương CSS-1 tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m²; móng trên cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm ($D_{\max}=25\text{mm}$); móng dưới cấp phối đá dăm loại 1 dày 18cm ($D_{\max}=37,5\text{mm}$, chia làm 02 lớp);

- Vuốt nổi đường giao dân sinh phù hợp với kết cấu đường giao dân sinh hiện trạng.

9.3.6. Hệ thống thoát nước:

- Công thoát nước:

+ Thiết kế mới 15 công thoát nước ngang đường bao gồm: 01 công hộp khẩu độ $B \times H = (4,0 \times 4,0)\text{m}$, 02 công hộp $(1,5 \times 1,0)\text{m}$, 01 công tròn $2 \times D2000$, 02 công tròn $D2000$, 09 công tròn $D1500$;

+ Kết cấu công hộp: Thân và móng công bằng BTCT C30 đổ tại chỗ; Tường cánh và đầu công bằng BTCT C25 đổ tại chỗ;

+ Kết cấu công tròn: Công tròn đúc sẵn theo định hình, BTCT C30; Chiều dài ống công 1m; Móng công đúc sẵn BTCT C20; Kết cấu công hộp khẩu độ nhỏ: Thân công bằng BTCT C30 đúc sẵn; Chiều dài ống công 1m; Móng công đúc sẵn BTCT C20. Tại các vị trí chịu ảnh hưởng bởi thủy triều, sử dụng bê tông chống xâm thực.

- Rãnh thoát nước: Tại các vị trí nền đường đào thiết kế rãnh dọc hình

thang đào trần kích thước 40x40x40cm. Tại các vị trí nền đường đào có độ dốc $i > 3\%$ thiết kế gia cố rãnh biên bằng tấm BTXM C20 dày 8cm, đúc sẵn, đáy rãnh BTXM C16 dày 8 cm đổ tại chỗ.

- Hệ thống thoát nước taluy dương: Tại các vị trí nền đường đào từ hai cấp trở lên gia cố rãnh hộ đạo $B=2,0m$, kết cấu BTXM C16 dày 8cm, đổ tại chỗ; Thiết kế bậc nước thu gom nước từ mái taluy, khẩu độ $B = 1.0m$, kết cấu đá hộp xây vữa XM C10 dày 30cm, trát mặt lộ vữa XM C10 dày 2cm. Gia cố rãnh đỉnh bằng BTXM C16 đúc sẵn dày 6cm.

- Hệ thống thoát nước taluy âm: Thiết kế gờ chắn nước kết hợp bậc thu nước tại các vị trí nền đường đắp cao, nhằm thu gom nước mặt, hạn chế sự ảnh hưởng của nước mặt gây bào mòn, xói lở mái taluy. Gờ chắn nước kết cấu BTXM C16 đổ tại chỗ, dốc nước khẩu độ 40cm, kết cấu BTXM C20 dày 10cm, lắp ghép.

- Rãnh thoát nước siêu cao: Tại vị trí siêu cao, bố trí rãnh thu nước siêu cao nằm sát bó vỉa dải phân cách rồi đổ về các vị trí cống ngang. Cấu tạo : Rãnh bằng BTCT đúc sẵn, khẩu độ thoát nước 40cm; Thân rãnh và tấm đan bằng BTCT C30 đá 1x2 đúc sẵn; Cứ 10m bố trí 01 vị trí thu nước mặt đường, thông qua song chắn rác bằng gang đúc (cấp tải trọng D400 tương đương $P=40T$), kích thước 1000x300 được gắn vào tấm đan rãnh. Đệm móng đá mặt dày 10cm.

9.3.7. Công trình phòng hộ:

- Tại những vị trí tuyến đi qua khu vực ngập nước, chịu ảnh hưởng của thủy triều thiết kế gia cố taluy âm bằng thảm rọ đá, kết cấu: Thảm rọ đá ốp mái kích thước $axbxh = 2,0x6,0x0,3m$, đệm đá dăm dày 10cm, chân khay bằng rọ đá kích thước $axbxh = 1,0x2,0x1,0m$, cao độ gia cố đến mực nước $H2\% + 50cm$.

- Đối với nền đường đào sâu (bên trái tuyến QL18): Gia cố bằng hệ khung BTCT kết hợp phun vữa bê tông dày 7cm. Cấu tạo: hệ khung bằng BTCT C18 đá 1x2, kích thước 3.0x3.0m, mặt cắt ngang dầm 20x20cm. Đỉnh đất được bố trí tại các nút giao giữa dầm dọc và dầm ngang, cự ly khoảng 3.0m/cái, đỉnh bằng thép vằn D25-CB400V; Khoan tạo lỗ D76 để lắp đặt đỉnh đất, chèn lỗ bằng VXM C25 ; Lưới thép hàn D4 được liên kết với thép khung dầm, kích thước mắt lưới 15x15cm ; Thoát nước trong mái taluy bằng cách khoan tạo lỗ D160 và lắp đặt ống HDPE D75, L=10m, khoảng cách 6m/1 ống, mặt ngoài bọc vải ĐKT.

9.3.8. Nút giao thông.

Trên tuyến thiết kế 03 nút giao cùng mức dạng ngã ba và đảo xuyên, cụ thể:

- Nút giao đầu tuyến với Quốc lộ 4B tại Km102+200:

+ Thiết kế dạng ngã ba, góc giao tim tuyến và tim tuyến Quốc lộ 4B bằng

88°, tổ chức giao thông bằng các đảo dẫn hướng dạng đảo cứng di động kết hợp dẫn hướng bằng vạch sơn, biển báo.

+ Bố trí làn tăng tốc đảm bảo chiều dài $L \geq 120\text{m}$, làn giảm tốc đảm bảo chiều dài $L \geq 30\text{m}$, bề rộng làn chuyển tốc đảm bảo $B \geq 3,5\text{m}$, chiều dài đoạn hình nêm đảm bảo $L \geq 35\text{m}$.

- Nút giao giữa tuyến tại Km1+228 dạng đảo xuyên chờ đầu nối với đường tỉnh 341 theo quy hoạch chung, bán kính vòng đảo $R = 20,0\text{m}$, bố trí 03 làn xe quanh đảo trung tâm kết hợp với các đảo cứng dẫn hướng tại các nhánh rẽ.

- Nút giao cuối tuyến với Quốc lộ 18 tại Km208:

+ Thiết kế dạng ngã ba, góc giao tim tuyến và tim tuyến Quốc lộ 18 bằng 68°, tổ chức giao thông bằng các đảo dẫn hướng dạng đảo cứng di động kết hợp dẫn hướng bằng vạch sơn, biển báo.

+ Bố trí làn tăng tốc đảm bảo chiều dài $L \geq 120\text{m}$, làn giảm tốc đảm bảo chiều dài $L \geq 30\text{m}$, bề rộng làn chuyển tốc đảm bảo $B \geq 3,5\text{m}$, chiều dài đoạn hình nêm đảm bảo $L \geq 35\text{m}$.

+ Trên tuyến Quốc lộ 18 thiết kế 04 làn xe, phân cách bằng dải phân cách cứng bằng BTCT, thiết kế đào bạt mái taluy đảm bảo tầm nhìn trong nút giao.

9.3.9 Dải phân cách:

Dải phân cách giữa tuyến 2: Lắp đặt bó vỉa BTXM C20, kích thước 25x40x100cm, vị trí đường cong sử dụng loại có chiều dài 20cm. Tại vị trí sang đường, dải phân cách phải hạ thấp để thuận tiện cho người đi bộ tiếp cận. Trong lòng đảo đắp đất màu dày 25cm, trồng cỏ tạo cảnh quan

Dải phân cách giữa tuyến nhánh dọc QL18: Lắp đặt viên dải phân cách bằng BTCT C20 đúc sẵn KT 3,0x0,5x0,85m, vị trí đầu và cuối sử dụng viên dải phân cách dạng vát KT 3,0x0,5x(0,29-:-0,85)m.

9.3.10. Hệ thống báo hiệu đường bộ:

Thiết kế theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

9.4. Hạng mục cầu.

9.4.1. Cầu số 1 (cầu vượt sông Tiên Yên, Km0+161,67):

- Bố trí chung: Thiết kế Cầu dầm hộp liên tục BTCT DƯL đúc hẫng tại nhịp chính kết hợp cầu dầm bản, dầm Super - T tại nhịp dẫn, sơ đồ nhịp 24,0m +(42+63+42)m+ 39,15m +2x40m+39,15m. Tim cầu giai đoạn 1 cách tim giai đoạn hoàn thiện 14,375m về bên trái tuyến, mặt bằng cầu nằm trên đường thẳng, trắc dọc cầu nằm trên đường cong đứng $R = 6000\text{m}$, độ dốc dọc 2% từ nhịp chính về phía mố M1, M2. Chiều dài toàn cầu $L_{tc} = 365,65\text{m}$, khổ cầu $B_c =$

14,75m, cao độ mặt cầu tại vị trí tim nhịp chính $H = +13,883\text{m}$, tần suất lũ thiết kế $H1\% = +4,75\text{m}$, sông thông thuyền, có cây trôi, khổ thông thuyền sông cấp III $B \times H = (40,0 \times 7,0)\text{m}$.

- Mặt cắt ngang cầu: Bề rộng mặt cầu $B_c = 14,75\text{m}$, phần xe chạy $B_{mxc} = 12,75\text{m}$ (bao gồm 02 làn xe cơ giới, 02 làn xe thô sơ), bề rộng dải an toàn $B_{dat} = 2 \times 0,5 = 1,0\text{m}$, gờ lan can $B_{glc} = 2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$, độ dốc ngang cầu trên đoạn thẳng 2 mái in = 2%.

- Kết cấu phần trên:

+ Nhịp chính vượt sông: gồm 3 nhịp liên tục $(42+63+42)\text{m}$ bằng dầm hộp BTCT dự ứng lực cường độ $f'c = 45\text{Mpa}$, chiều cao dầm tại đỉnh trụ $H = 3,8\text{m}$, tại giữa nhịp và đầu nhịp biên cao $H = 2,0\text{m}$.

+ Nhịp dẫn phía mố M1: gồm 01 nhịp dầm bản BTCT dự ứng lực cường độ $f'c = 45\text{Mpa}$; mặt cắt ngang cầu gồm 14 dầm bản, khoảng cách giữa các tim dầm $a = 1,0\text{m}$, chiều dài dầm $L = 24,0\text{m}$, chiều cao dầm $H = 0,95\text{m}$.

+ Nhịp dẫn phía mố M2: Gồm 04 nhịp dầm super - T bằng BTCT dự ứng lực cường độ $f'c = 50\text{Mpa}$; mặt cắt ngang cầu gồm 06 dầm Super-T, khoảng cách giữa các tim dầm $a = 2,43\text{m}$, chiều dài dầm $38,3\text{m}$, chiều cao dầm $H = 1,75\text{m}$.

+ Bản mặt cầu bằng BTCT $f'c = 35\text{Mpa}$ dày tối thiểu 20cm, lớp phủ mặt cầu bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm.

- Kết cấu phần dưới:

+ Mố cầu dạng chữ U bằng BTCT $f'c = 35\text{Mpa}$ đổ tại chỗ; móng mố đặt trên hệ cọc bao gồm 07 cọc khoan nhồi đường kính $D = 1,5\text{m}$ ngàm vào lớp đá bột kết, chiều dài cọc khoan nhồi mố M1 dự kiến $L = 16,0\text{m}$, mố M2 dự kiến $L = 19,0\text{m}$.

+ Trụ cầu chính: Kết cấu trụ thân đặc BTCT $f'c = 35\text{Mpa}$, bộ móng bằng BTCT loại $f'c = 35\text{Mpa}$ trên hệ móng cọc khoan nhồi $D = 1,5\text{m}$ ngàm vào lớp địa chất đá bột kết, chiều dài cọc khoan nhồi dự kiến tại trụ T1 $L = 17,0\text{m}$ (05 cọc), trụ T2 $L = 22,0\text{m}$ (09 cọc), trụ T3 $L = 23,0\text{m}$ (09 cọc), trụ T4 $L = 18,0\text{m}$ (05 cọc).

+ Trụ cầu dẫn: Kết cấu trụ dầm thân 3 cột $D = 1,5\text{m}$ bằng BTCT $f'c = 35\text{Mpa}$ liên kết trực tiếp với cọc khoan nhồi đường kính $D = 1,5\text{m}$, chiều dài cọc khoan nhồi dự kiến tại trụ T5, T6, T7 $L = 19,0\text{m}$.

- Kết cấu khác: Khe co giãn bản thép dạng răng lược; Gối cầu trên nhịp chính, nhịp dẫn Super-T sử dụng gối chấu thép, trên nhịp dầm bản sử dụng gối cao su cốt bản thép. Lớp phòng nước sử dụng dung dịch chống thấm dạng phun; Gờ lan can BTCT $f'c = 30\text{Mpa}$, trên gờ lan can bố trí ống và tai chờ lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, lan can bằng thép mạ kẽm.

9.4.2. Cầu số 2 (cầu vượt sông nhánh Km0+831,8):

- Bố trí chung: Thiết kế cầu BTCT và BTCT dự ứng lực theo sơ đồ nhịp 18x10,0m+3x24,0m (bao gồm 18 nhịp dầm bản cứng kết hợp 03 nhịp dầm bản DUL). Chiều dài toàn cầu $L_{tc} = 271,2m$, khổ cầu $B_c = 14,75m$, cao độ mặt cầu tại vị trí tim nhịp chính $H = +8,91m$ đảm bảo cao độ theo tần suất lũ thiết kế $H_{1\%} = +4,75m$, khổ thông thuyền sông cấp V $B \times H = (20,0 \times 4,0)m$. Tim cầu giai đoạn 1 cách tim giai đoạn hoàn thiện 14,38m về bên trái tuyến; Cầu nằm trong đường cong bán kính $R = 710,0m$. Đốc dọc cầu thiết kế với độ dốc $I_d = 0,3\%$.

- Mặt cắt ngang: Bề rộng mặt cầu $B_c = 14,75m$, phần xe chạy $B_{mxc} = 12,75m$ (bao gồm 02 làn xe cơ giới, 02 làn xe thô sơ), bề rộng dải an toàn $B_{dat} = 2 \times 0,5 = 1,0m$, gờ lan can $B_{glc} = 2 \times 0,5m = 1,0m$, độ dốc siêu cao mặt cầu $i = 2\%$.

- Kết cấu phần trên:

+ Nhịp chính vượt sông nhánh: gồm 03 nhịp dầm bản bằng BTCT dự ứng lực cường độ $f'_c = 45Mpa$, chiều dài dầm 24,0m, chiều cao dầm $H = 0,95m$. Mặt cắt ngang cầu bố trí 14 dầm.

+ Nhịp dẫn gồm 18 nhịp dầm bản cứng BTCT $f'_c = 35MPa$ liên kết cố định với hệ cọc khoan nhồi và xà mũ trụ, chiều cao dầm bản cứng $h = 0,55m$; Lớp phủ mặt cầu bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm.

+ Bản mặt cầu bằng BTCT $f'_c = 35MPa$ dày trung bình 15cm, lớp phủ mặt cầu bê tông nhựa chặt C19 dày 7cm.

- Kết cấu phần dưới:

+ Mố cầu dạng chữ U bằng BTCT $f'_c = 35MPa$ đổ tại chỗ; móng mố M1 đặt trên hệ cọc bao gồm 04 cọc khoan nhồi đường kính $D = 1,0m$, chiều dài dự kiến $L = 16,0m$, móng mố M2 đặt trên hệ cọc bao gồm 07 cọc khoan nhồi đường kính $D = 1,5m$, chiều dài dự kiến $L = 8,0m$, ngàm vào lớp đá bột kết.

+ Trụ cầu chính (T20, T21, T22): Dùng trụ thân 3 cột dạng trụ dẹt $D = 1,5m$ BTCT $f'_c = 35Mpa$ liên kết trực tiếp với cọc khoan nhồi đường kính $D = 1,5m$, chiều dài dự kiến tại trụ T20 $L = 13,0m$, trụ T21 $L = 12,5m$, trụ T22 $L = 15,0m$ ngàm vào lớp địa chất đá bột kết.

+ Trụ cầu dẫn (T1 - T19): Dùng kết cấu trụ thân 03 cột dạng trụ dẹt $D = 1,0m$ BTCT $f'_c = 35Mpa$ liên kết trực tiếp với cọc khoan nhồi đường kính $D = 1,0m$, chiều dài dự kiến $L = (8,2 - 15,9)m$ ngàm vào lớp địa chất đá cát bột kết.

- Kết cấu khác: Khe co giãn bản thép dạng răng lược với nhịp dầm bản đúc sẵn, khe co giãn bằng tấm FEBA đối với nhịp dầm bản cứng; Gói cầu sử dụng gói cao su cốt bản thép; Lớp phòng nước sử dụng dung dịch chống thấm dạng phun; Gờ lan can BTCT $f'_c = 30Mpa$, trên gờ lan can bố trí ống và tai chờ lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, lan can bằng thép mạ kẽm.

9.5. Hệ thống điện:

- Xây dựng tuyến cáp ngầm 22kV dài 99m đi dọc Quốc lộ 4B từ cột đầu nối số 63 lộ 974 E5.6 đến trạm biến áp chiếu sáng số 01, sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-12,7/22(24)kV và tuyến cáp ngầm 35kV dài 479m (đi dọc lề đường bê tông hiện trạng và lề đường xây dựng mới) từ cột đầu nối số 29-2 lộ 373 E5.6 đến trạm biến áp chiếu sáng số 02, sử dụng cáp Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-W-20/35(40,5)kV.

- Xây dựng mới 01 trạm biến áp 50kVA-10(22)/0,4kV và 01 trạm biến áp 50kVA-35(22)/0,4kV.

- Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng giao thông cho tuyến đường quy hoạch của dự án với tổng chiều dài các lộ chiếu sáng là 4.736m

9.6. Đảm bảo giao thông trong quá trình thi công:

- Phương án đảm bảo giao thông đường bộ: được thực hiện trong suốt quá trình thi công theo thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ GTVT về việc ban hành đảm bảo an toàn giao thông khi thi công công trình trong phạm vi dành cho đường bộ; TCCS 14: 2016 TCĐBVN Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác. Hệ thống biển báo an toàn giao thông tuân thủ theo QCVN 41:2019/BGTVT.

- Phương án đảm bảo giao thông đường thủy: Tuân thủ theo Thông tư số 08/2020/TT-BGTVT ngày 17/4/2020 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu Đường thủy nội địa Việt Nam” và Văn bản số 31/CCĐTNĐI-QLHT ngày 19/01/2024 của Chi cục đường thủy nội địa khu vực I về việc chấp thuận phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa phục vụ thi công cầu số 01 thuộc dự án Tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 4B đến Quốc lộ 18, huyện Tiên Yên. Thời gian đảm bảo giao thông thủy căn cứ theo tiến độ dự kiến thi công phần cầu chính từ trụ T1 đến trụ T4.

9.7. Biện pháp thi công chủ đạo:

- Thi công đường:

+ Thi công nền đào: Nền đào đất thông thường bằng máy đào; nền đường đào đá cấp 4 bằng máy đào công suất lớn kết hợp máy đào gắn đầu búa thủy lực;

+ Thi công nền đắp bằng máy lu, máy ủi kết hợp thủ công;

+ Thi công nền đắp qua nền đất yếu: Đào xử lý nền đường đất yếu, đắp trả bằng đất, đá tận dụng từ nền đường đào đến cao độ thiết kế, phía trên đắp đất từng lớp độ chặt K95, K98 bằng máy lu, máy ủi kết hợp thủ công.

+ Thi công thoát nước: Cống hợp BTCT, bản giảm tải... thi công tại bãi đúc cầu kiện, vận chuyển và lắp đặt tại hiện trường. Cống hợp khẩu độ > 2,0m:

Đắp bờ vây ngăn nước kết hợp ống nhựa PVC D300 dẫn nước ra khỏi phạm vi thi công; thi công lắp dựng cốt thép và đổ BTXM tại chỗ bằng máy bơm;

- Hệ thống thoát nước: Thi công đổ bê tông xi măng tại chỗ hoặc lắp ghép tùy từng hạng mục; Các loại bản dầy, cống tròn, cống bản, bó via...thi công tại bãi đúc cấu kiện, vận chuyển và lắp đặt tại hiện trường.

- Thi công cầu:

+ Thi công cọc khoan nhồi sử dụng máy khoan xoay có ống vách kết hợp bơm dung dịch Bentonite giữ ổn định thành ống vách chống sạt thành hố khoan.

+ Thi công các nhịp giữa sông bằng các phương tiện thủy thi công dưới nước, hệ sàn đạo thi công các trụ giữa sông bằng thép hình; Đắp đảo kết hợp đường công vụ, bờ vây ngăn nước, lắp đặt hệ đà giáo thép thi công mố, trụ trên cạn. Tại vị trí tiếp giáp với khu vực rừng ngập mặn thiết kế đường công vụ gia cố mái taluy bằng bao tải đất, cầu tạm thi công, cống thoát nước để đảm bảo hạn chế tối đa ảnh hưởng đến khu vực xung quanh vị trí thi công;

+ Thi công dầm Super-T, dầm bản, bản ván khuôn... tại bãi đúc trong phạm vi công trình, sử dụng xe chuyên dụng di chuyển dầm từ bãi chứa ra vị trí đường đầu cầu lắp đặt dầm bằng hệ xe lao.

+ Thi công kết cấu nhịp chính: Thi công các khối K0: Lắp đặt hệ thống đà giáo đỡ khối K0, K1, KT thứ tải hệ đà giáo, lắp dựng cốt thép, đổ bê tông từng đợt khối K0, K1, KT bằng máy bơm và cần cẩu. Thi công các khối đúc hẫng: Bố trí 1 bộ xe đúc (2 xe đúc), đúc các khối Ki trên trụ theo phương pháp đúc hẫng cân bằng.

- Thi công các nút giao tại Quốc lộ 18 và Quốc lộ 4B: Xây dựng hệ thống rào tôn phân làn giữa tuyến đường Quốc lộ và phạm vi mở rộng nền, mặt đường tại các nút giao, tổ chức giao thông và thi công theo các giai đoạn đảm bảo các phương tiện lưu thông trên tuyến được thông suốt.

- Lắp đặt trạm trộn bê tông xi măng trên tuyến, sản xuất bê tông xi măng thương phẩm hoặc thủ công để thi công các hạng mục cầu, cống thoát nước, kè phòng hộ, rãnh thoát nước...vận chuyển bằng xe chuyên trộn hoặc thủ công vào công trường tùy theo từng hạng mục; bê tông nhựa mua tại trạm trộn trên địa bàn huyện Tiên Yên, vận chuyển vào công trường bằng ô tô chuyên dụng để thi công mặt đường.

10. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình: Theo tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng.

11. Giá trị dự toán xây dựng theo từng khoản mục chi phí:

473.236.918.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi ba tỷ, hai trăm ba

mười sáu triệu, chín trăm mười tám ngàn đồng). Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	375.637.000.000	đồng
- Chi phí thiết bị:	1.462.522.000	đồng
- Chi phí QLDA:	5.213.092.000	đồng
- Chi phí Tư vấn ĐTXD:	18.176.467.000	đồng
- Chi phí khác:	31.100.128.000	đồng
- Chi phí dự phòng:	41.647.709.000	đồng

12. Danh mục Tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát TCCS 31-2020; Đường ô tô - yêu cầu thiết kế TCVN 4054-2005; Áo đường mềm - các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế TCCS 38:2022/TCĐBVN; TCVN 8859: 2023 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - vật liệu, thi công và nghiệm thu; TCVN 9436:2012 Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu; Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11823-1:2017 về Thiết kế cầu đường bộ; TCVN 5574:2018 Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT; Thông tư số 08/2020/TT-BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa.

- Khung tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án đã được phê duyệt tại Quyết định số 2830/QĐ-UBND ngày 05/9/2023 của UBND huyện Tiên Yên.

- Các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành khác có liên quan.

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách huyện Tiên Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Giao bộ phận Kỹ thuật - Thẩm định thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Phó giám đốc; Trưởng các Bộ phận: Kỹ thuật - Thẩm định; Tư vấn -Giám sát; Kế toán - Hành chính; Giám đốc Công ty Cổ phần tư vấn Miền Bắc; Giám đốc Công ty cổ phần GMC Hạ Long; Giám đốc công ty cổ phần Đại Hưng; Giám đốc công ty cổ phần HTCOMPOSITES và các tổ chức, các nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/h);
- Lưu: VT-QLDA.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tế Hanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG

DỰ ÁN: TUYẾN ĐƯỜNG KẾT NỐI TỪ QUỐC LỘ 4B ĐẾN QUỐC LỘ 18, HUYỆN TIỀN YÊN
(Kèm theo Quyết định số 115/QĐ-QLDA ngày 06/02/2024 của Ban QLDA đầu tư xây dựng huyện Tiên Yên)

STT	Nội dung	Diễn giải	Hệ số	GTXL trước thuế	Thuế VAT 8%	GTXL sau thuế
1	Chi phí xây dựng			347.812.036.634	27.824.962.931	375.637.000.000
	Cầu số 1			119.117.741.148	9.529.419.292	128.647.160.440
	- Dầm hộp đúc hẫng KCN 42+63+42 (m).			39.026.001.615	3.122.080.129	42.148.081.744
	- Các hạng mục còn lại			80.091.739.534	6.407.339.163	86.499.078.697
	Cầu số 2			54.860.106.940	4.388.808.555	59.248.915.496
	Tuyến đường			165.934.787.068	13.274.782.965	179.209.570.034
	Hệ thống điện chiếu sáng	KQ08/TĐ-SCT		7.899.401.476	631.952.118	8.531.353.595
2	Chi phí thiết bị	KQ08/TĐ-SCT		1.354.186.782	108.334.943	1.462.522.000
3	Chi phí QLDA	TT12-2021	1,493%	5.213.091.642		5.213.092.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư XD					18.176.467.000
a	Giải đoạn chuẩn bị đầu tư					3.730.716.500
	- Chi phí khảo sát bước lập quy hoạch	QĐ 329/QĐ-QLDA				490.106.000
	- Chi phí lập quy hoạch mặt bằng tuyến	QĐ 329/QĐ-QLDA				
	- Chi phí tổ chức lấy ý kiến của CQ, TC và cộng đồng	DA duyệt				9.802.120
	- Chi phí công bố quy hoạch	DA duyệt				14.703.180
	- Chi phí khảo sát địa hình bước lập BCNCKT	QĐ 477				925.155.000
	- Chi phí khảo sát địa chất bước lập BCNCKT	QĐ 477				789.511.000

	- Chi phí giám sát khảo sát								69.821.200
	- Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi								944.101.000
	- Phí TD TKCS của CQCM trực thuộc người QĐĐT								8.651.000
	- Chi phí thẩm tra Báo cáo NCKT								178.866.000
	- Chi phí lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường								300.000.000
b	Giai đoạn thực hiện đầu tư								14.445.750.971
	- Chi phí khảo sát địa hình bước BVTC								347.501.000
	- Chi phí khảo sát địa chất bước BVTC								3.130.444.000
	- Chi phí thiết kế BVTC								
	+ Phần giao thông								3.843.793.000
	+ Phần điện chiếu sáng								202.305.000
	- Chi phí thẩm tra BVTC								
	+ Phần giao thông								
	+ Phần điện chiếu sáng								
	- Chi phí thẩm tra dự toán								
	+ Phần giao thông								
	+ Phần điện chiếu sáng								
	- Chi phí lập HSMT		TT12-2021						
	+ Gói thầu: Tư vấn Khảo sát, lập BCNCKT							2.417.061	2.417.061
	+ Gói thầu: Tư vấn Khảo sát, thiết kế BVTC							6.966.706	6.966.706
	+ Gói thầu: Xây lắp		0,45					78.417.518	6.273.401
	+ Gói thầu: Rà phá bom mìn							1.691.320	1.691.320
	+ Gói thầu: Bảo hiểm XDCT							1.505.783	1.505.783
	+ Gói thầu: Kiểm toán							1.040.427	1.040.427
	+ Gói thầu: Đảm bảo GT đường thủy							6.529.500	6.529.500
	+ Gói thầu: Kiểm định chất lượng							749.351	1.000.000
	+ Gói thầu: Thẩm tra ATGT							450.000	1.000.000

	+ Gói thầu: Giám sát TCXD		4.413.793.357	0,100%	4.413.793	4.413.793	4.413.793
	- Chi phí thẩm định HSMT						4.413.793
	+ Gói thầu: Tư vấn Khảo sát, lập BCNCKT		2.417.060.909	0,050%	1.208.530	1.208.530	1.208.530
	+ Gói thầu: Tư vấn Khảo sát, thiết kế BVTC		6.966.706.481	0,050%	3.483.353	3.483.353	3.483.353
	+ Gói thầu: Xây lắp		375.637.000.000	0,050%	187.818.500	187.818.500	50.000.000
	+ Gói thầu: Rà phá bom mìn		1.691.320.000	0,050%	845.660	845.660	1.000.000
	+ Gói thầu: Bảo hiểm XDCT		1.505.783.346	0,050%	752.892	752.892	1.000.000
	+ Gói thầu: Kiểm toán		1.040.427.420	0,050%	520.214	520.214	1.000.000
	+ Gói thầu: Đảm bảo GT đường thủy		6.529.500.000	0,050%	3.264.750	3.264.750	3.264.750
	+ Gói thầu: Kiểm định chất lượng		749.351.452	0,050%	374.676	374.676	1.000.000
	+ Gói thầu: Thẩm tra ATGT		450.000.000	0,050%	225.000	225.000	1.000.000
	+ Gói thầu: Giám sát TCXD		4.413.793.357	0,050%	2.206.897	2.206.897	2.206.897
	- Chi phí đánh giá HSĐT						
	+ Gói thầu: Tư vấn Khảo sát, lập BCNCKT		2.417.060.909	0,100%	2.417.061	2.417.061	2.417.061
	+ Gói thầu: Tư vấn Khảo sát, thiết kế BVTC		6.966.706.481	0,100%	6.966.706	6.966.706	6.966.706
	+ Gói thầu: Xây lắp	0,55	347.812.036.634	0,050%	95.843.633	95.843.633	103.511.124
	+ Gói thầu: Rà phá bom mìn		1.691.320.000	0,100%	1.691.320	1.691.320	1.691.320
	+ Gói thầu: Bảo hiểm XDCT		1.505.783.346	0,100%	1.505.783	1.505.783	1.505.783
	+ Gói thầu: Kiểm toán		1.040.427.420	0,100%	1.040.427	1.040.427	1.040.427
	+ Gói thầu: Đảm bảo GT đường thủy		6.529.500.000	0,100%	6.529.500	6.529.500	6.529.500
	+ Gói thầu: Kiểm định chất lượng		749.351.452	0,100%	749.351	749.351	1.000.000
	+ Gói thầu: Thẩm tra ATGT		450.000.000	0,100%	450.000	450.000	1.000.000
	+ Gói thầu: Giám sát TCXD		4.413.793.357	0,100%	4.413.793	4.413.793	4.413.793
	- Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu						
	+ Gói thầu: Tư vấn Khảo sát, lập BCNCKT		2.417.060.909	0,050%	1.208.530	1.208.530	1.208.530
	+ Gói thầu: Tư vấn Khảo sát, thiết kế BVTC		6.966.706.481	0,050%	3.483.353	3.483.353	3.483.353
	+ Gói thầu: Xây lắp		375.637.000.000	0,050%	187.818.500	187.818.500	50.000.000

+ Gói thầu: Rà phá bom mìn		1.691.320.000	0,050%	845.660		1.000.000
+ Gói thầu: Bảo hiểm XDCT		1.505.783.346	0,050%	752.892		1.000.000
+ Gói thầu: Kiểm toán		1.040.427.420	0,050%	520.214		1.000.000
+ Gói thầu: Đảm bảo GT đường thủy		6.529.500.000	0,050%	3.264.750		3.264.750
+ Gói thầu: Kiểm định chất lượng		749.351.452	0,050%	374.676		1.000.000
+ Gói thầu: Thăm tra ATGT		450.000.000	0,050%	225.000		1.000.000
+ Gói thầu: Giám sát TCXD		4.413.793.357	0,050%	2.206.897		2.206.897
- Chi phí cho HD giải quyết kiến nghị của NT						
+ Gói thầu: Tư vấn Khảo sát, lập BCNCKT		2.417.060.909	0,020%	483.412		1.000.000
+ Gói thầu: Tư vấn Khảo sát, thiết kế BVTC		6.966.706.481	0,020%	1.393.341		1.393.341
+ Gói thầu: Xây lắp		375.637.000.000	0,020%	75.127.400		50.000.000
+ Gói thầu: Rà phá bom mìn		1.691.320.000	0,020%	338.264		1.000.000
+ Gói thầu: Bảo hiểm XDCT		1.505.783.346	0,020%	301.157		1.000.000
+ Gói thầu: Kiểm toán		1.040.427.420	0,020%	208.085		1.000.000
+ Gói thầu: Đảm bảo GT đường thủy		6.529.500.000	0,020%	1.305.900		1.305.900
+ Gói thầu: Kiểm định chất lượng		749.351.452	0,020%	149.870		1.000.000
+ Gói thầu: Thăm tra ATGT		450.000.000	0,020%	90.000		1.000.000
+ Gói thầu: Giám sát TCXD		4.413.793.357	0,020%	882.759		1.000.000
- Chi phí giám sát xây dựng						
+ Phần giao thông	TT12-2021	339.912.635.157	1,139%	3.873.174.882	309.853.991	4.183.028.872
+ Phần điện chiếu sáng	TĐ SCT	Dự toán điện		213.670.819	17.093.666	230.764.484
- Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	TĐ SCT	Dự toán điện		15.532.522	1.242.602	16.775.124
- Chi phí thí nghiệm VL chuyên ngành	TĐ SCT	Dự toán điện		130.034.731	10.402.779	140.437.510
- Chi phí thăm tra ATGT	Tạm tính					450.000.000
- Chi phí tư vấn đo vẽ bản đồ giao đất	28,24 ha	2.000.000 tr/ha				56.480.000
- CPTV điều tra, KS, đo vẽ bản đồ hiện trạng rừng	QĐ 383/QĐ-QLDA					175.000.000
- Chi phí kiểm định CLXDCT	GTXL cầu	173.977.848.089	35,0%	693.843.937	55.507.515	749.351.452

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 28 tháng 7 năm 2023

HỢP ĐỒNG

Gói thầu số 02: Tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán

Số: 38/2023/HĐ-TV

Dự án: Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long

giữa

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long

và

Liên danh Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc- Công ty cổ phần Tư vấn - Đầu tư Thái Bình Dương - Công ty cổ phần tư vấn giao thông Quảng Ninh - Công ty cổ phần GMC Hạ Long

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Dẫn giải

Điều 2. Loại hợp đồng

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

Điều 4. Trao đổi thông tin

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng, nếu có

Điều 7. Nội dung và khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 10. Giá hợp đồng

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)

Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Điều 17. Bảo hiểm

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 26. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 27. Điều khoản chung

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

Điều 5. Giá hợp đồng

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

Điều 13. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

Điều 14. Điều khoản chung

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng
Nghị định 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng
Nghị định 15/2021/NĐ-CP	Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư:

Tên giao dịch: **Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long**

Đại diện là: Ông **Trần Quốc Hùng** Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: số 18 đường Trần Phú, tổ 34, khu 3, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long

Tài Khoản: 9552.3.7993410

Mã số thuế: 5700688119

Đăng ký doanh nghiệp:

Điện thoại: 02033.825340

Và bên kia là:

2. Nhà thầu tư vấn: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc – Công ty cổ phần Tư vấn - Đầu tư Thái Bình Dương – Công ty cổ phần tư vấn giao thông Quảng Ninh – Công ty cổ phần GMC Hạ Long

1. Tên thành viên đứng đầu Liên danh:

Tên giao dịch: **Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc**

Đại diện Ông **Nguyễn Quang Vinh** Chức vụ: Giám đốc.

Trụ sở chính: Tổ 5, khu 1, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh

Tài khoản số: 0141.0000.90271 tại ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Hạ Long.

Mã số thuế: 5700518325

2. Thành viên liên danh số 02:

Tên giao dịch: **Công ty CP Tư vấn-Đầu tư Thái Bình Dương**

Đại diện Ông **Nguyễn Tiến Trung** Chức vụ: Giám đốc.

Trụ sở chính: Tổ 1, khu 1, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh

Tài khoản số: 4401 0000005659 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700518300

3 Thành viên liên danh số 03:

Tên giao dịch: **Công ty CP Tư vấn Giao thông Quảng Ninh**

Đại diện Ông **Nguyễn Văn Dũng** Chức vụ: Phó tổng giám đốc (Theo giấy ủy quyền ngày 26/7/2022)

Trụ sở chính: Tổ 5, khu 1, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh

Tài khoản số: 44510000000242 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Quảng Ninh - Phòng giao dịch Bãi Cháy

Mã số thuế: 5700100746
Điện thoại: 0203.3849.089; Fax: 0203.3846.338

4 Thành viên liên danh số 04:

Tên giao dịch: **Công ty cổ phần GMC Hạ Long**
Đại diện: Ông Vũ Ngọc Vinh Chức vụ: Giám đốc
Trụ sở chính: Tổ 2, khu 1, P. Bãi Cháy, TP. Hạ Long, T. Quảng Ninh
Tài khoản số: 206704070036688; Tại Ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HD-Bank) - CN Quảng Ninh
Mã số thuế: 5701802064
Điện thoại: 0203.3849.089; Fax: 0203.3846.338

Các bên cùng thống nhất ký hợp đồng thực hiện gói thầu số 02: Tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình thuộc Dự án: Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long.



PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 14/3/2023 của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long;

Căn cứ Quyết định số 12588/QĐ-UBND ngày 17/5/2023 của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-QLDA ngày 28/7/2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ long về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 02: Tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán thuộc dự án: Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long;

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long.
2. Nhà thầu tư vấn là Liên danh Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc – Công ty cổ phần Tư vấn - Đầu tư Thái Bình Dương - Công ty cổ phần tư vấn giao thông Quảng Ninh - Công ty cổ phần GMC Hạ Long.
3. Dự án là: Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long.
4. Gói thầu là: Gói thầu số 02: Tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán.
5. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
6. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.
7. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.
8. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn và thứ tự ưu tiên].
9. HSMT (hoặc HSYC) của Chủ đầu tư là toàn bộ tài liệu theo quy định.
10. HSDT (hoặc HSDX) của Nhà thầu tư vấn là toàn bộ tài liệu theo quy định.
11. Đơn dự thầu là đề xuất của Nhà thầu tư vấn có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của HSMT (hoặc HSYC).
12. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
13. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
14. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
15. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [quy định tại ĐKCT]

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.
2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn

giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;
- b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;
- c) Điều kiện chung của hợp đồng;
- d) HSMT hoặc HSYC của Chủ đầu tư;
- đ) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;
- e) HSDT hoặc HSDX của Nhà thầu tư vấn;
- g) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
- h) Các phụ lục của hợp đồng;
- i) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, băng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)

1. Bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Không có.

2. Bảo lãnh tạm ứng: Không có.

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán

1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm công việc khảo sát địa chất, địa hình bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

b) Thu thập và phân tích số liệu, tài liệu đã có.

c) Khảo sát hiện trường.

d) Xây dựng lưới khống chế, đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình.

đ) Đo vẽ hệ thống công trình kỹ thuật ngầm.

- e) Lập lưới không chế trắc địa các công trình dạng tuyến.
- g) Đo vẽ thủy văn, địa chất công trình, địa chất thủy văn.
- h) Nghiên cứu địa vật lý.
- i) Khoan, lấy mẫu, thí nghiệm, xác định tính chất cơ lý, hóa học của đất, đá, nước.
- k) Quan trắc khí tượng, thủy văn, địa chất, địa chất thủy văn.
- l) Thực hiện đo vẽ hiện trạng công trình.
- m) Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.
- n) Các công việc khảo sát xây dựng khác.

1.1. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm:

- a) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.
- b) Các bản đồ địa hình, bản đồ địa chất công trình, bản đồ địa chất thủy văn, bản vẽ hiện trạng công trình xây dựng, các mặt cắt địa hình, mặt cắt địa chất.

2. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm công việc lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán bao gồm các công việc chủ yếu sau:

- a) Nghiên cứu báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kết quả khảo sát xây dựng, nhiệm vụ thiết kế được duyệt.
- b) Khảo sát thực địa để lập thiết kế.
- c) Thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại các khoản 23 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14; Điều 79, 80 của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13.
- d) Sửa đổi bổ sung hoàn thiện theo yêu cầu của cơ quan thẩm định (nếu có).
- đ) Giám sát tác giả theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2.1. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng công trình được lập cho từng công trình bao gồm:

- a) Bản vẽ, thuyết minh thiết kế xây dựng công trình, các bảng tính kèm theo.
- b) Chi dẫn kỹ thuật.
- c) Dự toán xây dựng công trình.
- d) Quy trình bảo trì công trình xây dựng

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.
2. Hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát xây dựng đối với tư vấn khảo sát xây dựng; Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.
3. Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được duyệt đối với tư vấn khảo sát xây dựng; Nhiệm vụ thiết kế được duyệt, thiết kế các bước trước đó đã được phê duyệt đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.
4. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

Điều 10. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: **8.802.930.000,0 đồng** (Bằng chữ: Tám tỷ, tám trăm linh hai triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng)[quy định tại ĐKCT].

Trong đó:

- Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc:	2.278.768.000	đồng
+ Chi phí khảo sát địa hình:	276.871.000	đồng
+ Chi phí tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán:	2.001.897.000	đồng
- Công ty cổ phần Tư vấn - Đầu tư Thái Bình Dương:	1.547.289.000	đồng
+ Chi phí khảo sát địa hình:	244.850.000	đồng
+ Chi phí tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán:	1.302.439.000	đồng
- Công ty CP tư vấn giao thông Quảng Ninh:	1.743.563.000	đồng
+ Chi phí khảo sát địa hình:	224.051.000	đồng
+ Chi phí tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán:	1.519.512.000	đồng
- Công ty cổ phần GMC Hạ Long	3.233.310.000	đồng
+ Chi phí khảo sát địa chất	3.233.310.000	đồng

b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 11 [Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng].

2. Nội dung của giá hợp đồng

a) Nội dung của giá hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm: chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí chung, chi phí lán trại, chi phí lập phương án và báo cáo kết quả khảo sát, chi phí di chuyển lực lượng khảo sát, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

b) Nội dung của giá hợp đồng tư vấn lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình bao gồm:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

- Chi phí khác có liên quan.

c) Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

- Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng

- Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng. Việc áp dụng các phương pháp điều chỉnh giá phải phù hợp với tính chất công việc, loại giá hợp đồng, đồng tiền thanh toán và phải được thỏa thuận trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng tư vấn xây dựng thực hiện thanh toán theo thời gian (theo tháng, tuần, ngày, giờ) thì việc điều chỉnh mức tiền lương cho chuyên gia thực hiện theo công thức điều chỉnh cho một yếu tố chi phí nhân công tại mục I Phụ lục I kèm theo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

- + Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn [quy định tại ĐKCT].

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn:

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

e) Đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình: Kiến nghị Chủ đầu tư tạm dừng thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không bảo đảm an toàn.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Đối với hợp đồng tư vấn thiết kế: Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

c) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo

hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

q) Đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình: Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Chủ đầu tư đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình và tư vấn thiết kế xây dựng công trình.

s) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.
b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn tư vấn nhưng không

làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

đ) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và HSMT (hoặc HSYC); tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.

g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)

1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.

2. Nhà thầu tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.

3. Nhà thầu tư vấn cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định.

2. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý

kiến về nhân sự thay thế trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán theo quy định.

6. Nhà thầu tư vấn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu tư vấn sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn.

Nhà thầu tư vấn phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 17. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản

1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu tư vấn, hoặc những thứ Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu tư vấn sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu tư vấn không tuân thủ về bảo đảm thực hiện hợp đồng tại Điều ... (nếu các bên có thỏa thuận bảo đảm thực hiện hợp đồng).

b) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại ĐKCT] mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc

[quy định tại **ĐKCT**] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

d) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

đ) Nhà thầu tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

g) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều

10 [Giá hợp đồng] và Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư 07 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 19 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành [quy định tại ĐKCT]:

Lần 1: Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành [quy định tại ĐKCT].

Lần 2: Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành [quy định tại ĐKCT].

Lần cuối: Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Nhà thầu tư vấn cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu tư vấn phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng được quy định cụ thể với tổng thời gian thực

hiện là: 45 ngày kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt, giám sát tác giả và các trường hợp bất khả kháng). [quy định tại ĐKCT].

2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian và phân công việc hoàn thành [quy định tại ĐKCT].

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Hợp đồng này không áp dụng hình thức tạm ứng Hợp đồng.

2. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là: 02 lần [quy định tại ĐKCT].

- Lần 1: Thanh toán tối đa 80% giá trị quyết toán 2 bên A – B ký kết.

- Lần 2: Thanh toán giá trị còn lại sau khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán hoàn thành.

Lần cuối cùng sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong hợp đồng.

Trong vòng 30 [quy định tại ĐKCT], kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn và theo tiến độ cấp vốn của cơ quan có thẩm quyền, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

a) Đối với hợp đồng trọn gói:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

(Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng).

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng.

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này.

4. Riêng hợp đồng đơn giản, quy mô nhỏ, việc tạm ứng hoặc không tạm ứng do Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn xem xét, thống nhất theo đề nghị của Nhà thầu tư vấn bảo đảm phù hợp với yêu cầu của gói thầu, giảm bớt thủ tục không cần thiết.

5. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

(Trường hợp hợp đồng có sự tham gia của phía nước ngoài thì đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam và ngoại tệ. Trường hợp cụ thể do các bên thỏa



thuận phù hợp với HSMT hoặc HSYC và không trái pháp luật).

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [quy định tại ĐKCT]. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại ĐKCT].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Giải quyết tranh chấp: [quy định tại ĐKCT].

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 26. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Trường hợp Nhà thầu tư vấn hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng sớm hơn so với thời hạn quy định trong hợp đồng này, mang lại hiệu quả cho Chủ đầu tư thì cứ khoảng thời gian [quy định tại ĐKCT] Chủ đầu tư sẽ thưởng cho Nhà thầu tư vấn với mức thưởng tối đa [quy định tại ĐKCT].

2. Phạt vi phạm hợp đồng

Đối với Nhà thầu tư vấn: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng [quy định tại ĐKCT] thì phạt [quy định tại ĐKCT] nhưng tổng số tiền phạt không quá [quy định tại ĐKCT].

Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho Nhà thầu tư vấn theo quy định tại Điều 10 [Giá hợp đồng] và Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho Nhà thầu tư vấn theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán

do Ngân hàng thương mại mà Nhà thầu vẫn mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu vẫn.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: [quy định tại ĐKCT].

Điều 30. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại ĐKCT].

(Trường hợp thời gian hiệu lực của hợp đồng khác do các bên thỏa thuận)

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu sẽ giữ [quy định tại ĐKCT].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng)

- Bảo đảm thực hiện Hợp đồng: Không áp dụng.

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là 07 bộ.

Điều 5. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: **8.802.930.000,0 đồng** (Bằng chữ: *Tám tỷ, tám trăm linh hai triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng*)[quy định tại **ĐKCT**].

Trong đó:

- Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc:	2.278.768.000	đồng
+ Chi phí khảo sát địa hình:	276.871.000	đồng
+ Chi phí tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán:	2.001.897.000	đồng
- Công ty CP Tư vấn - Đầu tư Thái Bình Dương:	1.547.289.000	đồng
+ Chi phí khảo sát địa hình:	244.850.000	đồng
+ Chi phí tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán:	1.302.439.000	đồng
- Công ty CP tư vấn giao thông Quảng Ninh:	1.743.563.000	đồng
+ Chi phí khảo sát địa hình:	224.051.000	đồng
+ Chi phí tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán:	1.519.512.000	đồng
- Công ty cổ phần GMC Hạ Long	3.233.310.000	đồng
+ Chi phí khảo sát địa chất	3.233.310.000	đồng

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

2. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên thỏa thuận Điều chỉnh tương ứng.

Đối với khối lượng phát sinh ngoài phạm vi hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết mà chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được xác định trên cơ sở thỏa thuận hợp

đồng và quy định pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình. Các bên phải ký kết phụ lục hợp đồng làm cơ sở cho việc thanh toán, quyết toán hợp đồng.

3. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng:

a) Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của Hợp đồng do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải kiến nghị chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì nhà thầu phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho chủ đầu tư thì nhà thầu phải bồi thường.

b) Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng tư vấn chậm so với tiến độ của Hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư thì chủ đầu tư phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp gây thiệt hại cho nhà thầu thì phải bồi thường.

Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

3. Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng là 03 ngày làm việc.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 07 ngày làm việc.

Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 05 ngày làm việc.

Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc 07 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 07 ngày làm việc.

Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 07 ngày làm việc.

Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 45 kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [Ghi cụ thể là không dưới bao nhiêu ngày].

Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 01 lần.



Lần 1: Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng là **45 ngày** kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt, giám sát tác giả và các trường hợp bất khả kháng).

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Hợp đồng này không áp dụng hình thức tạm ứng Hợp đồng.

2. Tiến độ thanh toán

- Số lần thanh toán là 2 lần.

- Lần 1: Thanh toán tối đa 80% giá trị quyết toán 2 bên A – B ký kết.

- Lần 2: Thanh toán giá trị còn lại sau khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán hoàn thành.

Số lần, thời gian thanh toán (bao gồm thanh toán tạm ứng) có thể thay đổi theo tiến độ thực hiện dự án và theo tiến độ cấp vốn của cơ quan có thẩm quyền.

Khoảng thời gian Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn là khoảng 30 ngày và theo tiến độ cấp vốn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian đề làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là 07 ngày.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải tối đa là 28 ngày.

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật là 28 ngày.

Giải quyết tranh chấp là 28 ngày.

Điều 13. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thương hợp đồng: Không áp dụng

2. Phạt vi phạm hợp đồng

Thời gian chậm tiến độ thực hiện hợp đồng là: 01 ngày.

Tỷ lệ phạt là 1% giá Hợp đồng.

1180206
 ĐÔNG T
 ĐỒ PHẢI
 GMC
 HẠ LON
 ĐNG.T.C

0:05.
 PHÒNG
 CHỦ
 QUẢN
 T. QU

Số tiền phạt tối đa bên nhận phải chịu là 12% giá Hợp đồng.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: Không áp dụng.

Điều 14. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này bao gồm 26 trang được lập thành 16 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 08 bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ 08 bản.

NHÀ THẦU ĐÚNG ĐÀU LIÊN DANH

CHỦ ĐẦU TƯ



Nguyễn Quang Vinh



Trần Quốc Hùng

CÁC THÀNH VIÊN LIÊN DANH

NHÀ THẦU LIÊN DANH SỐ 02

NHÀ THẦU LIÊN DANH SỐ 03

NHÀ THẦU LIÊN DANH SỐ 04



Nguyễn Tiến Trung



Nguyễn Văn Dũng



Vũ Ngọc Vinh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 10-04-2024
Số chứng thực: 2834 -- 701 quyền số SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN Vũ Hà Ngọc

Hạ Long, ngày 15 tháng 01 năm 2024

BẢN XÁC NHẬN ĐƠN VỊ VÀ NHÂN SỰ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long xác nhận Công ty cổ phần GMC Hạ Long là đơn vị trong Liên danh Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc – Công ty cổ phần Tư vấn - Đầu tư Thái Bình Dương - Công ty cổ phần tư vấn giao thông Quảng Ninh - Công ty cổ phần GMC Hạ Long, đã thực hiện và hoàn thành công tác Tư vấn khảo sát địa chất, địa hình, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán gói thầu số 02: Tư vấn khảo địa hình, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán thuộc Dự án Đường nối từ tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long theo hợp đồng tư vấn số 38/2023/HĐ-TV ngày 28/7/2023 với nội dung chính như sau:

1. Vị trí dự án/công trình: xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long.

2. Loại, cấp quy mô công trình:

Loại công trình: Công trình giao thông.

Nhóm công trình: Nhóm B.

Cấp công trình: Cấp II.

3. Phạm vi dự án:

Điểm đầu tuyến: Đầu nối với dự án “Đường nối Quốc lộ 279 đến Tỉnh lộ 342, thành phố Hạ Long” tại thôn Trại Me, xã Sơn Dương.

Điểm cuối tuyến: Đầu nối Quốc lộ 279 tại ngã ba Đồng Đăng (Km 38+780m), xã Sơn Dương.

Chiều dài tuyến $L=10,89\text{km}$.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

Xây dựng nền mặt đường: Bề rộng nền, mặt đường đảm bảo 4 làn xe, trong đó B mặt $= 4 \times 3,5 + 4 \times 0,25 = 15,00\text{m}$ (hoàn thiện làn số 01; 02 và số 05; 06, và dải an toàn); Bgpc = 9,50m (lề đất); Blề đất $= 2 \times (5,25 + 0,5) = 11,50\text{m}$; B nền $= 36,0\text{m}$. Kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

Xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước (cầu, cống) bảo đảm thoát nước toàn tuyến.

Hệ thống an toàn giao thông: Sơn kẻ vạch sơn, biển báo, lan can phòng hộ đảm bảo an toàn giao thông.

Bảo đảm phương án đầu nối êm thuận với hạ tầng cơ sở đã được xây dựng lân cận.

- Quy mô phân tuyến đường:

Quy chuẩn kỹ thuật: Đường khu vực (theo Quy chuẩn 07:2016).

Tiêu chuẩn thiết kế: Đường phố gom thứ yếu (theo TCVN 13592:2022).

Vận tốc thiết kế $V=50\text{km/h}$.

Tần suất thiết kế $P=4\%$;

Kết cấu áo đường mềm, tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn $P_{tt} = 10\text{T}$.



Tần suất thiết kế P=4%;

Kết cấu áo đường mềm, tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn Ptt = 10T.

Quy mô phân cấu: Cầu BTCT và BTCT DƯL, thiết kế theo tiêu chuẩn TCVN11823:2017; Hoạt tải thiết kế HL93, người đi bộ 3kN/m²; Tần suất thiết kế P=1%.

5. Công ty cổ phần GMC Hạ Long thực hiện:

Công ty cổ phần GMC Hạ Long thực hiện khảo sát địa chất bước lập thiết kế bản vẽ thi công dự án.

6. Tiến độ thực hiện:

Đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư và tuân thủ Hợp đồng số 38/2023/HĐ-TV ngày 28/7/2023 đã ký giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long và Liên danh Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc - Công ty cổ phần Tư vấn - Đầu tư Thái Bình Dương - Công ty cổ phần tư vấn giao thông Quảng Ninh - Công ty cổ phần GMC Hạ Long.

7. Nhân sự chủ chốt thực hiện dự án:

TT	Họ và tên	Chức danh trong dự án	Ghi chú
1	Vũ Ngọc Vinh	Giám đốc điều hành khảo sát địa chất	
2	Nguyễn Khắc Quyết	Chủ nhiệm khảo sát địa chất	
3	Hà Duy Anh	Chủ trì khảo sát địa chất	
4	Vũ Văn Tâm	Kỹ sư khảo sát địa chất	
5	Mai Danh Khuynh	Kỹ sư khảo sát địa chất	
6	Nguyễn Văn Thuyên	Kỹ sư khảo sát địa chất	
7	Đỗ Xuân Hiếu	Kỹ sư khảo sát địa chất	
8	Nguyễn Trung Trực	Kỹ sư khảo sát địa chất	
9	Đào Thành Tiến	Kỹ sư khảo sát địa chất	
10	Nguyễn Trung Dũng	Thí nghiệm viên	
11	Phạm Hải Yến	Thí nghiệm viên	
12	Lương Văn Cường	Thí nghiệm viên	
13	Trịnh Văn Quyết	Thí nghiệm viên	

CÔNG TY CỔ PHẦN GMC
HẠ LONG



CÔNG CHỨNG VIÊN

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Thương
Vũ Ngọc Vinh

BAN QLDA ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HẠ LONG



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Việt Hưng

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình:
**Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương,
thành phố Hạ Long**

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HẠ LONG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/1/2021 của Chính phủ "Về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng"; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ "Về quản lý chi phí đầu tư xây dựng"; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND thành phố Hạ Long về việc quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long;

Căn cứ Quyết định số 2481/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt Quy hoạch tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 Cải tạo, nâng cấp đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long;

Căn cứ Nghị quyết số 70/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long;

Căn cứ Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt điều chỉnh tổng mặt bằng công trình Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long;

Căn cứ Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 14/03/2023 của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt dự án: Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-HĐND ngày 23/9/2023 của HĐND thành

phố Hạ Long về việc phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công vốn ngân sách thành phố Hạ Long;

Căn cứ Quyết định số 2786/QĐ-UBND ngày 25/9/2023 của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho dự án: Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long;

Căn cứ Quyết định số 3124/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt điều chỉnh dự án: Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long;

Căn cứ Văn bản số 195/TĐ-SXD ngày 24/11/2023 của Sở Xây dựng Quảng Ninh về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng hạng mục đào giao thông, dải phân cách, cây xanh thuộc dự án Đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long;

Căn cứ Văn bản số 6420/SGTVT-QLCL ngày 27/11/2023 của Sở Giao thông vận tải Quảng Ninh về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở dự án: Tuyến đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long của cơ quan chuyên môn về xây dựng;

Xét đề nghị của phòng Kế hoạch tại Tờ trình số 1035/TTr-KH ngày 27/11/2023; Báo cáo thẩm định số 551/BCTĐ-KTTĐ ngày 30/11/2023 của phòng Kỹ thuật thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng công trình: Tuyến đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long, với những nội dung sau:

1. Người phê duyệt: Phó Giám đốc phụ trách Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long.

2. Tên công trình: Tuyến đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long.

3. Tên dự án: Tuyến đường nối từ Tỉnh lộ 342 đến Quốc lộ 279 qua trung tâm xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long.

5. Loại và cấp công trình: Đường giao thông cấp II, dự án nhóm B.

6. Địa điểm xây dựng: Xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long.

7. Nhà thầu khảo sát:

- Khảo sát địa hình: Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc, Công ty cổ phần Tư vấn - đầu tư Thái Bình Dương và Công ty cổ phần tư vấn giao thông Quảng Ninh.

- Khảo sát địa chất: Công ty cổ phần GMC Hạ Long.

8. Nhà thầu lập thiết kế, dự toán xây dựng: Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc, Công ty cổ phần Tư vấn - đầu tư Thái Bình Dương và Công ty cổ phần tư vấn giao thông Quảng Ninh.

9. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty cổ phần xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh.

10. Nội dung, quy mô :

10.1. Quy mô đầu tư:

- Địa điểm xây dựng tại xã Sơn Dương, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh: Điểm đầu tuyến, đầu nối với dự án “Đường nối Quốc lộ 279 đến Tỉnh lộ 342, thành phố Hạ Long” tại thôn Trại Me, xã Sơn Dương; điểm cuối tuyến, đầu nối Quốc lộ 279 tại ngã ba Đồng Đăng (Km 38+780m), xã Sơn Dương.

- Chiều dài tuyến $L=10,888\text{km}$.

- Phần tuyến đường: Quy mô đường phố gom thứ yếu (theo TCVN 13592:2022); Vận tốc thiết kế $V_{tk}=50\text{km/h}$. $B_{nền}=36,0\text{m}$ (hoàn thiện nền đường theo quy hoạch); đầu tư hoàn chỉnh 04 làn xe chạy $B_{mặt}=2\times 7,5=15,0\text{m}$ (làn số 01, 02 và số 05, 06); $B_{dpc}=9,5\text{m}$ (dải đất); $B_{lề\ đất}=2\times 5,75=11,5\text{m}$.

- Phần cầu: Thiết kế theo tiêu chuẩn TCVN 11823:2017; cầu dầm Super-T 01 nhịp 38,3m; bề rộng toàn cầu $B_c = 2\times 17,0\text{m} = 34,0\text{m}$.

- Kết cấu áo đường mềm, tải trọng trục tính toán tiêu chuẩn $P=10\text{T}$.

- Tải trọng thiết kế: đối với cầu, công hộp $KĐ \geq 2\text{m}$ tính toán với tải trọng thiết kế HL93; đối với công hộp $KĐ < 2\text{m}$ và công tròn, công bản tải trọng thiết kế H30 - XB80; Tàn suất lũ thiết kế: $P = 1\%$ đối với cầu; $P=4\%$ đối với công.

10.2. Giải pháp thiết kế:

10.2.1. Bình đồ:

Tổng chiều dài tuyến $L=10,888\text{km}$, trong đó chiều dài phần cầu $L_{\text{cầu}} = 0,157\text{ km}$. Tổng số đỉnh chuyển hướng $n=10$ đỉnh (trong đó bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{\text{min}}=300\text{m}$, bán kính đường cong nằm lớn nhất $R_{\text{max}}=4000\text{m}$), tất cả các đường cong đều là đường cong chuyển tiếp.

10.2.2. Trắc dọc:

Thiết kế đảm bảo phù hợp các điểm khống chế trên tuyến và tuân thủ theo quy hoạch được duyệt: Điểm đầu +28,61m; Điểm cuối tuyến +24,73m; Độ dốc dọc lớn nhất $I_{\text{dmax}}=1,89\%$, độ dốc dọc nhỏ nhất $I_{\text{dmin}}=0,0\%$. Bán kính đường cong đứng lõm nhỏ nhất $R_{\text{min}}=4000\text{m}$, bán kính đường cong đứng lồi nhỏ nhất $R_{\text{min}} = 4000\text{m}$.

10.2.3. Trắc ngang:

- Mặt cắt ngang: $B_{nền}=36,0\text{m}$ (hoàn thiện nền đường theo quy hoạch); đầu tư hoàn chỉnh 04 làn xe chạy $B_{mặt}=2\times 7,5=15,0\text{m}$ (làn số 01, 02 và số 05, 06); $B_{dpc}=9,5\text{m}$ (dải đất); $B_{lề\ đất}=2\times 5,75=11,5\text{m}$.

- Độ dốc ngang mặt đường $I_d=2\%$, Độ dốc ngang lề đường $I_l = 4\%$.

10.2.4. Nền đường:

- Nền đắp: Độ dốc mái taluy đắp 1/1,5; Nền đường được đắp bằng đất đạt độ chặt $K \geq 0,95$, lớp nền thượng tiếp giáp kết cấu áo đường được đắp bằng đất chọn lọc đầm chặt $K = 0,98$ dày 30cm.

- Nền đào: 30cm phần tiếp giáp kết cấu áo đường lu lèn đạt K98; độ dốc mái taluy đào 1/1 đối với địa chất đất C3, C4, đá C4; 1/0,5 đối với địa chất đá C3.

- Nền đào đất yếu:

+ Những vị trí chiều sâu nền đất yếu nhỏ, tiến hành đào toàn bộ lớp đất yếu và đắp nền trực tiếp trên lớp đất tốt.

+ Vị trí chiều sâu nền đất yếu lớn, thiết kế đào thay 1 phần đất yếu, đắp trả bằng đất đạt độ chặt K95. Phạm vi tiếp giáp nền tự nhiên (sau khi đào thay đất yếu) thiết kế tầng đệm đá mặt dày 50cm và rải vải địa ngăn cách 12Kn/m; nền đường đắp đạt độ chặt K95.

+ Các vị trí chiều cao đắp lớn, tính toán ổn định nền đường không đảm bảo thiết kế đào 1 phần đất yếu đắp trả bằng đất đạt độ chặt K95. Phạm vi tiếp giáp nền tự nhiên (sau khi đào thay đất yếu) thiết kế tầng đệm đá mặt dày 50cm và rải vải địa ngăn cách 12Kn/m, gia cường nền đắp phạm vi tiếp giáp tính từ đường tự nhiên lên bằng 3 lớp vải địa kỹ thuật 200Kn/m, mỗi lớp cách nhau 30cm.

10.2.5. Kết cấu áo đường:

Kết cấu áo đường mềm, mặt đường cấp cao A1, với mô đun đàn hồi yêu cầu $E_{yc} \geq 155$ Mpa, gồm các lớp: BTNC 12.5 dày 5cm, tưới dính bám nhũ tương tiêu chuẩn 0,5l/m², BTNC 19 dày 7cm, tưới thấm bám nhũ tương tiêu chuẩn 1,0 l/m², lớp móng trên CPĐĐ loại I dày 15cm, lớp móng dưới CPĐĐ loại I dày 34cm.

10.2.6. Công trình trên tuyến:

a. Cống thoát ngang đường:

- Cống có KĐ ≤ 2 m: thiết kế 40 cống, trong đó 17 cống tròn đường kính $D = 1,5$ m; 8 cống hộp khẩu độ 1,5x1,5m; 01 cống hộp khẩu độ 1,0x1,0m, 06 cống hộp khẩu độ 1,5x1,0m; 04 cống tròn đường kính $D = 1,0$ m; 04 cống tròn đường kính $D = 0,75$ m. Tổng chiều dài thiết kế $L=1247,6$ m.

- Cống có KĐ > 2 m: Thiết kế 08 cống hộp (01 cống KĐ (3x3)m, 01 cống KĐ (6x4)m, 01 cống KĐ (6x5)m, 01 cống KĐ (5x4)m, 01 cống KĐ (4x3,5)m, 02 cống KĐ 2x(6x6)m, 01 cống KĐ 2x(3x3)m, tổng chiều dài $L=307,42$ m.

- Kết cấu:

+ Cống hộp KĐ > 2 m: Thân cống bằng BTCT 30Mpa; móng cống BTXM 15MPa dày 10cm; tường cánh bằng BTCT 25Mpa.

+ Cống KĐ ≤ 2 m: Ống cống lắp ghép bằng các đốt cống BTCT 20Mpa đúc sẵn; tường cánh, đầu cống bằng BTXM 15Mpa đổ tại chỗ.

b. Thoát nước dọc:

- Thoát nước dải phân cách: Dải phân cách giữa bố trí dốc về tim tuyến, độ dốc lè đất tối thiểu 10%, bố trí rãnh thu nước hình thang kích thước 40x40x40cm để thu nước dải phân cách, điểm cuối thoát vào cống ngang đường qua hố thu nước.

- Thoát nước nền đường, mái taluy: Thiết kế rãnh hình thang, đào trên, kích thước 40cmx40cmx40cm, phạm vi qua khu dân cư gia cố rãnh hình thang và đập bản bằng tấm BTCT 25Mpa.

- Phạm giao cắt đường ngang, đường rãnh thiết kế rãnh chịu lực KĐ 60cm bằng BTCT 20Mpa, bản đập BTCT 30Mpa.

10.2.7. Nút giao, đảo giao thông, cây xanh.

- Nút giao đầu tuyến và cuối tuyến bố trí theo dạng nút giao bằng, hình tam giác, bố trí các làn tách, nhập, rẽ trái, rẽ phải riêng biệt.

- Phạm vi nút giao đầu tuyến và cuối tuyến thiết kế hoàn chỉnh bề rộng mặt đường theo Quy hoạch. Tốc độ thiết kế của đường rẽ trái $V_{tk} = 20\text{Km/h}$, tốc độ thiết kế của đường rẽ phải $V_{tk} = 35\text{Km/h}$.

- Xây dựng đảo giao thông và dải phân cách khu vực nút giao đầu tuyến (tại vị trí đấu nối với Tỉnh lộ 342) và cuối tuyến (tại vị trí đấu nối với Quốc lộ 279) để thực hiện phân làn, tổ chức giao thông.

- Bó vỉa đảo giao thông, dải phân cách cứng cao hơn cao độ mặt đường 30cm. Bó vỉa bằng đá xẻ xanh kích thước 0,8x0,25x0,40m, trên đoạn cong chiều dài viên bó vỉa $L=0,2\text{m}$. Kết cấu móng viên vỉa dải phân cách dùng BTXM 15Mpa đá 2x4 dày 10cm, lót viên vỉa bằng lớp VXM C10 dày 2,5cm.

- Trên đảo giao thông, dải phân cách trồng cây xanh. Trồng cây tùng tháp (cao 2,20 ÷ 2,5m) đan xen cây cọ (chiều cao $H=3.5$:- 7m). Bờ viền trồng cây chuỗi ngọc ($H=0,2$:- 0,25m, tán rộng 10 :- 15cm, mật độ 16 cây/m²), trong lòng dải phân cách trồng đan xen thảm cây mẫu đơn ($H=0,2$:- 0,4m, tán rộng 15 :- 20cm, mật độ 25 cây/m²), cỏ nhung nhật.

10.2.8. Công trình cầu:

Dự án gồm 3 cầu: Cầu Đồng Giang 1 (Km7+775), cầu Đồng Giang 2 (Km8+770) và cầu Đồng Giang 3 (Km9+425). Bề rộng cầu theo bề rộng nền đường hoàn thiện, chia làm 02 đơn nguyên cầu riêng biệt cách nhau 2,0m, bề rộng toàn cầu $B_c = 2 \times 17,0\text{m} = 34,0\text{m}$.

a. Bố trí chung:

Sơ đồ cầu gồm 01 nhịp dầm Super, chiều dài mỗi dầm 38,3m, chiều cao dầm 1,75m. Bề rộng toàn cầu $B=B_m+B_{vhe}=12,0 + 5,0=17,0\text{m}$. Chiều dài cầu Đồng Giang 1 $L=52,40\text{m}$, cầu Đồng Giang 2 $L=52,40\text{m}$, cầu Đồng Giang 3 $L=52,4\text{m}$ (tính hết đuôi mố). Dốc dọc cầu $I_d = 0\%$. Cao độ thiết kế tại tim cầu: Cầu Đồng Giang 1: +26,46m; Cầu Đồng Giang 2: +23,28m; Cầu Đồng Giang 3: +20,98m.

b. Kết cấu phần dưới: Mố, trụ cầu bằng BTCT $f'_c = 30\text{MPa}$; bệ mố đặt trên hệ cọc khoan nhồi đường kính $D=1,20\text{m}$ cụ thể như sau:

Mố trụ		M1	M2	Lớp địa chất đặt mũi cọc
Cầu Đồng Giang 1	L _{đk} (m)	25-32,5	22-22,5	Đá vôi màu xám xanh, phong hóa vừa, nứt nẻ trung bình
	Số lượng cọc	9	9	
Cầu Đồng Giang 2	L _{đk} (m)	6-12,5	8-12,5	
	Số lượng cọc	9	9	
Cầu Đồng Giang 3	L _{đk} (m)	18-36	6-17,5	
	Số lượng cọc	9	9	

c. Kết cấu phần trên: Mặt cắt ngang gồm 07 dầm Super - T dài L=38,3m, cao h=1,75m, khoảng cách tim dầm a=2,40m; kết cấu BTCT dự ứng lực, cường độ bê tông f_c = 50MPa. Bản mặt cầu BTCT f_c = 30MPa dày 20cm (h_{min} = 18cm), lớp phủ mặt cầu bằng bê tông nhựa C19 dày 7cm; dốc ngang mặt cầu I_n=2%;

d. Kết cấu phần dưới: Mô dạng chữ U BTCT f_c = 30MPa; bộ mố, trụ đặt trên hệ cọc khoan nhồi; mỗi mố bố trí 09 cọc khoan nhồi đường kính D=1,20m, kết cấu BTCT f_c =30MPa.

e. Các kết cấu khác: Gờ cầu sử dụng gờ chậu thép; ống thoát nước mặt cầu bằng gang đúc; Lớp phòng nước sử dụng dung dịch chống thấm dạng phun; Gờ lan can BTCT f_c =30Mpa, trên gờ lan can bố trí ống và tai chờ lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, lan can bằng thép mạ kẽm.

10.2.9. Công trình phòng hộ:

Thiết kế gia cố mái ta luy âm tại một số vị trí tuyến chiếm dụng vào dòng chảy, khe suối hiện trạng. Kết cấu ốp mái BTXM 15Mpa dày 20cm, chân khay BTXM 15 Mpa cao 1,0m.

10.2.10. Hệ thống báo hiệu đường bộ:

Thiết kế hệ thống báo hiệu đường bộ phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2019/BGTVT.

11. Giá trị dự toán xây dựng: 568.576.661.000,0 đồng (Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi tám tỷ, năm trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng./).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 481.924.962.000,0 đồng
- Chi phí Quản lý dự án: 4.687.048.000,0 đồng
- Chi phí TV đầu tư xây dựng: 19.520.951.000,0 đồng
- Chi phí khác: 28.129.423.000,0 đồng
- Chi phí dự phòng: 34.314.277.000,0 đồng

12. Nguồn vốn: Nguồn vốn ngân sách Tỉnh hỗ trợ có mục tiêu (Theo Nghị quyết số 151/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Quảng Ninh): 516,0 tỷ đồng; phần còn lại ngân sách Thành phố tự cân đối.

13. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng: Theo danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho dự án đã được UBND thành phố Hạ Long phê duyệt tại Quyết định số 2786/QĐ-UBND ngày 25/9/2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Phòng Kế hoạch, Giải phóng mặt bằng, Tư vấn giám sát, Tài chính - Kế toán có trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành.

Điều 3. Các Ông (bà): Phó Giám đốc; Trưởng các phòng: Kế hoạch, Tư vấn giám sát, Giải phóng mặt bằng, Tài chính - Kế toán, Hành chính - Tổng hợp, Kỹ thuật thẩm định; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- UBND TP (b/c);
- Kho bạc Tỉnh (để biết);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu VT.

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Việt Hải

1.10.1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 03 tháng 3 năm 2022

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG

Số: 94/2022/HĐ-TV

Gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất, tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán dự án: Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn từ nút giao cầu vượt đường cao tốc Hạ Long – Vân Đồn thôn Trại Me, xã Sơn Dương đến thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm

Hạng mục: Cầu, đường giao thông

(Theo Quyết định số 383/QĐ-UBND ngày 03/3/2022)

giữa

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long

và

Liên danh Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc – Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn giao thông Quảng Ninh – Công ty cổ phần GMC Hạ Long

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14 và Luật số 40/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về hướng dẫn một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết hợp đồng về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;

Căn cứ Quyết định 383/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, tư vấn lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán hạng mục: Cầu, đường giao thông thuộc dự án: Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn từ nút giao cầu vượt đường cao tốc Hạ Long – Vân Đồn thôn Trại Me, xã Sơn Dương đến thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 03 tháng 3 năm 2022 tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Chủ đầu tư :

Tên giao dịch: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long.

Đại diện Ông: **Phạm Đức Tuấn** Chức vụ: Giám Đốc

Trụ sở chính: Số 369, đường Trần Quốc Nghiễn, phường Hồng Gai, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản số: 9552.3.7958520 Mở tại kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700688119

Điện thoại: 02033.825340 Fax: 02033.825340

Nhà thầu: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc – Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn giao thông Quảng Ninh – Công ty cổ phần GMC Hạ Long.

Thành viên thứ nhất:

Tên giao dịch: Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc

Đại diện: Ông: Nguyễn Quang Vinh Chức vụ: Giám Đốc

Trụ sở chính: Tổ 5, khu 1, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long.

Tài khoản số: 0141000090271. Tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam Chi nhánh Hạ Long.

Mã số thuế: 5700518325

Điện thoại: 02033.844708 Fax: 02033.640166

Thành viên thứ 2:

Tên giao dịch: Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn giao thông Quảng Ninh

Đại diện: Ông Đặng Đức Cường Chức vụ: Giám đốc

Trụ sở chính: Tổ 5, khu 1, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

Tài khoản số: 0141000089952 tại ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - chi nhánh Hạ Long.

Mã số thuế: 5700519093

Điện thoại: 0203.3849840 Fax: 0203.3849840

Thành viên thứ 3:

Tên giao dịch: Công ty cổ phần GMC Hạ Long

Đại diện: Ông Vũ Ngọc Vinh Chức vụ: Giám đốc

Trụ sở chính: Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản số: 206704070036688; Tại Ngân hàng HD Bank CN Quảng Ninh

Mã số thuế: 5701802064

Điện thoại:

Các bên thống nhất thỏa thuận như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là: Ban QLDA đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long.
2. Nhà thầu là: Liên danh Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc – Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn giao thông Quảng Ninh – Công ty cổ phần GMC Hạ Long.
3. Dự án là: Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn từ nút giao cầu vượt đường cao tốc Hạ Long – Vân Đồn thôn Trại Me, xã Sơn Dương đến thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm.
4. Gói thầu là: Tư vấn khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, tư vấn lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công – dự toán hạng mục: Cầu, đường giao thông.
5. Đại diện chủ đầu tư là người được chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho chủ đầu tư Điều hành công việc
6. Đại diện nhà thầu là người được nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được nhà thầu chỉ định và thay mặt nhà thầu Điều hành công việc.
7. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].
8. Bên là chủ đầu tư hoặc nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
9. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
10. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.
11. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 17 [Rủi ro và bất khả kháng]
12. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại Khoản 2 dưới đây.
2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:
 - a) Quyết định chỉ định thầu;
 - b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều Khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;
 - c) Điều kiện chung của hợp đồng;
 - d) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;
 - d) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
 - h) Các phụ lục của hợp đồng;

i) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự Điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

5.1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng

1. Nội dung và khối lượng công việc nhà thầu thực hiện được thể hiện cụ thể bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng phù hợp với nhiệm vụ khảo sát xây dựng, các tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng được áp dụng.

b) Thu thập và phân tích số liệu, tài liệu đã có.

c) Khảo sát hiện trường.

d) Xây dựng lưới khống chế, đo vẽ chi Tiết bản đồ địa hình.

đ) Đo vẽ hệ thống công trình kỹ thuật ngầm.

e) Lập lưới khống chế trắc địa các công trình dạng tuyến.

g) Đo vẽ thủy văn, địa chất công trình, địa chất thủy văn

h) Nghiên cứu địa vật lý.

i) Khoan, lấy mẫu, thí nghiệm, xác định tính chất cơ lý, hóa học của đất, đá, nước.

k) Quan trắc khí tượng, thủy văn, địa chất, địa chất thủy văn

l) Thực hiện đo vẽ hiện trạng công trình.

m) Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.

n) Các công việc khảo sát xây dựng khác.

2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm:

a) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng

b) Các bản đồ địa hình, bản đồ địa chất công trình, bản đồ địa chất thủy văn, bản vẽ hiện trạng công trình xây dựng, các mặt cắt địa hình, mặt cắt địa chất.

c) Các phụ lục.

5.2. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán

1. Nội dung và khối lượng công việc nhà thầu thực hiện bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Nghiên cứu báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, báo cáo kết quả khảo sát xây dựng, nhiệm vụ thiết kế được duyệt.

b) Khảo sát thực địa để lập thiết kế.

c) Thiết kế xây dựng công trình theo quy định tại các Điều 78, 79 và 80 của Luật Xây dựng năm 2014.

d) Sửa đổi bổ sung hoàn thiện theo yêu cầu của cơ quan thẩm định (nếu có).

đ) Giám sát tác giả theo quy định tại Điều 28 của Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn thiết kế xây dựng công trình được lập cho từng công trình bao gồm:

a) Bản vẽ, thuyết minh thiết kế xây dựng công trình, các bản tính kèm theo.

b) Chi dẫn kỹ thuật.

c) Dự toán xây dựng công trình.

d) Quy trình bảo trì công trình xây dựng

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng là 9 bộ.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng:

a) Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.

b) Hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát xây dựng đối với tư vấn khảo sát xây dựng; Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng;

c) Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được duyệt đối với tư vấn khảo sát xây dựng; Nhiệm vụ thiết kế được duyệt, thiết kế các bước trước đó đã được phê duyệt đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

d) Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Nghiệm thu sản phẩm hợp đồng

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện Hợp đồng là 60 ngày kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (*thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng*).

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng theo giá trị chỉ định thầu là: **6.789.084.000,0 đồng**

(Bằng chữ: Sáu tỷ, bảy trăm tám mươi chín triệu, không trăm tám mươi tư nghìn đồng./.)

Trong đó, phân chia khối lượng thực hiện giữa các bên liên danh, cụ thể như sau:

+ Công ty cổ phần tư vấn Miền Bắc	4.118.811.000,0 đồng.
+ Công ty Cổ phần xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh	1.008.600.000,0 đồng.
+ Công ty cổ phần GMC Hạ Long	1.661.673.000,0 đồng.

b) Điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 11 [Điều chỉnh hợp đồng].

2. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

3. Nội dung của giá Hợp đồng

a) Nội dung của giá hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm: chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí chung, chi phí lán trại, chi phí lập phương án và báo cáo kết quả khảo sát, chi phí di chuyển lực lượng khảo sát, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

b) Nội dung của giá hợp đồng tư vấn khảo sát, tư vấn lập báo cáo KTKT xây dựng công trình bao gồm:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của bên giao thầu.

- Chi phí giám sát tác giả đối với tư vấn thiết kế xây dựng công trình.

- Chi phí khác có liên quan.

c) Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của bên giao thầu.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

- Chi phí khác mà các bên thỏa thuận không bao gồm trong giá hợp đồng.

4. Tạm ứng: Hợp đồng này không áp dụng hình thức tạm ứng Hợp đồng

5. Tiến độ thanh toán

Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu, chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

Việc thanh toán tuân thủ các quy định hiện hành, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Thanh toán tối đa 90% giá trị quyết toán 2 bên A – B ký kết

+ Lần 2: Thanh toán 100% giá trị quyết toán còn lại khi có quyết định phê duyệt dự án hoàn thành

6. Hồ sơ thanh toán gồm:

a) Đối với hợp đồng trọn gói:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

(Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng).

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng.

- Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các Khoản này.

7. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng

1. Điều chỉnh khối lượng công việc

a) Đối với hợp đồng trọn gói: Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên thỏa thuận Điều chỉnh tương ứng.

2. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng

a) Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của Hợp đồng do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải kiến nghị chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì nhà thầu phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho chủ đầu tư thì nhà thầu phải bồi thường.

b) Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng tư vấn chậm so với tiến độ của Hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư thì chủ đầu tư phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp gây thiệt hại cho nhà thầu thì phải bồi thường.

3. Điều chỉnh giá hợp đồng: Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn về Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng của Bộ Xây dựng.

4. Điều chỉnh các nội dung khác của Hợp đồng này thì các bên thống nhất Điều chỉnh trên cơ sở các thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn

1. Quyền của nhà thầu tư vấn:

a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi Điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các Khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

e) Đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình: Kiến nghị chủ đầu tư tạm dừng thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không bảo đảm an toàn.

2. Nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Đối với hợp đồng tư vấn thiết kế: Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của chủ đầu tư.

c) Bảo quản và giao lại cho chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của bên nhận thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho bên nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các Điều Khoản được quy định trong hợp đồng thì bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan Điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ Điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm



Handwritten signature or mark in the bottom right corner.

và năng lực cần thiết như danh sách đã được chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời Điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

q) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng Mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình và tư vấn thiết kế xây dựng công trình.

s) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư

1. Quyền của chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng

đ) Yêu cầu bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu); tạo Điều kiện để bên nhận thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu tư vấn.

g) Tạo Điều kiện cho bên nhận thầu thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho nhà thầu tư vấn nếu bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Nhân lực của nhà thầu

1. Nhân lực của nhà thầu và nhà thầu phụ phải đủ Điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về Điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định.

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục số 01 [Nhân lực của Nhà thầu].

Trường hợp thay đổi nhân sự, nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà thầu thì nhân sự đó coi như được chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu có thể Điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những Điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục số 02 [Nhân lực của Nhà thầu].

6. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không, chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 15. Bảo hiểm

Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng

1. Bất khả kháng khác trong hoạt động tư vấn xây dựng bao gồm các sự kiện sau: Khi thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng gặp hang caster, cỏ vật, khảo cổ, túi bùn mà khi ký hợp đồng các bên chưa lường hết được.

2. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho bên giao thầu đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên giao thầu phải bồi thường những tổn hại cho bên nhận thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra,

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng

a) Nếu bên nhận thầu bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các Điều Khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, bên nhận thầu sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của Hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các Điều Khoản quy định trong hợp đồng.

b) Bên giao thầu phải xem xét quyết định các đề nghị của bên nhận thầu.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

5. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong Khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho bên nhận thầu:

- Các Khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho bên nhận thầu, hoặc những thứ bên nhận thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của bên giao thầu khi đã được bên giao thầu thanh toán, và bên nhận thầu sẽ để cho bên giao thầu sửa.

Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu, chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong Khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu

a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các Điều Khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.



Handwritten signature or initials.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 18. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt Hợp đồng bởi chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 7 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không tuân thủ về Bảo đảm thực hiện hợp đồng tại Điều 14 (nếu các bên có thỏa thuận bảo đảm thực hiện hợp đồng).

b) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng... ngày mà chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 9 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng], hoặc 45 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

d) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.

đ) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền Hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 21 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

g) Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 17 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu.

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho chủ đầu tư tối thiểu là 7 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 45 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của chủ đầu tư.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 21 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 45 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 21 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 15 ngày.

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải Điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự Điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

Điều 19. Thương, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

1. Thương hợp đồng: Hợp đồng này không áp dụng hình thức thương Hợp đồng

2. Phạt vi phạm hợp đồng.

Đối với nhà thầu: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 2 ngày thì phạt 5% giá hợp đồng cho 2 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 10% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Đối với chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho nhà thầu theo quy định tại Điều 10 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà nhà thầu mở tài Khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

Điều 20. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng... ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài Khoảng thời gian

này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 21. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của chủ đầu tư rằng nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng, nhà thầu sẽ trình cho chủ đầu tư 09 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- c) Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

Nếu chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 19 [Chấm dứt Hợp đồng].

Điều 22. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các Điều Khoản, quy định và Điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo Mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.

Hợp đồng này bao gồm 18 trang, được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 08 bản, nhà thầu sẽ giữ 02 bản. /.

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC**



[Handwritten signature]

Phạm Đức Tuấn

ĐẠI DIỆN LIÊN DANH NHÀ THẦU

**Công ty Cổ phần Tư
vấn Miền Bắc**

**Công ty cổ phần Xây
dựng và Tư vấn giao
thông Quảng Ninh**

**Công ty Cổ phần
GMC Hạ Long**



Nguyễn Quang Vinh



Đặng Đức Cường



Vũ Ngọc Vinh

Bố chứng thư.....12288-02.....SCT/BS



**CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Loan**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hạ Long, ngày 03 tháng 3 năm 2022

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục: Cầu, đường giao thông thuộc Dự án Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn từ nút giao cầu vượt đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn thôn Trại Me, xã Sơn Dương đến thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm

STT	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	ĐƠN VỊ
1	Công ty CP tư vấn Miền Bắc	4.118.811.000	Đồng
2	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh	1.008.600.000	Đồng
3	Công ty CP GMC Hạ Long	1.661.673.000	Đồng
	Tổng cộng	6.789.084.000	Đồng
	Làm tròn	6.789.084.000	Đồng

Bảng chữ: Sáu tỷ bảy trăm tám mươi chín triệu không trăm tám mươi tư nghìn đồng./.

ĐẠI DIỆN LIÊN DANH NHÀ THẦU
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MIỀN BẮC



Nguyễn Quang Vinh

CÔNG TY CP XD VÀ TƯ VẤN GIAO
THÔNG QUẢNG NINH



Phạm Đức Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN GMC HẠ LONG



Vũ Ngọc Vinh

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
Giám đốc *h*



Phạm Đức Tuấn

BẢNG PHÂN KHAI GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số 94/2022/HĐ-TV ngày 03/3/2022)

Gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, lập thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục: Cầu, đường giao thông thuộc Dự án Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn từ nút giao cầu vượt đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn thôn Trại Me, xã Sơn Dương đến thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm

STT	Thành phần công việc	Đơn vị	Khối lượng	Khối lượng			Đơn giá	Thành tiền	Thành tiền	
				Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh	Công ty CP GMC Hạ Long			Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh
1	Chỉ phí khảo sát địa hình									
1.1	Khảo sát tuyến chính	100m	6				1.274.288	7.645.728	7.645.728	
1.2	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn.	100m	44,7				1.664.604	74.407.799	74.407.799	
1.3	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn.	100m	27				1.557.947	42.064.569	42.064.569	
1.4	Cấp địa hình III	100m	340,6				2.028.536	690.919.362	690.919.362	
2	Khảo sát đường giao		0							
2.1	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn.	100m	1,05				1.274.288	1.338.002	1.338.002	
2.2	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn.	100m	11,95				1.664.604	19.892.018	19.892.018	
2.3	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn.	100m	2,4				1.557.947	3.739.073	3.739.073	
2.4	Cấp địa hình III	100m	25				2.028.536	50.713.400	50.713.400	
3	Khảo sát tuyến cải suối		0							
3.1	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn.	100m	1				1.664.604	1.664.604	1.664.604	
3.2	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn.	100m	4				2.028.536	8.114.144	8.114.144	
4	Khảo sát công trình thoát nước		0							
4.1	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn.	100m	3,5				1.664.604	5.826.114	5.826.114	
4.2	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn.	100m	7,2				2.028.536	14.605.459	14.605.459	
5	Khảo sát đảm bảo giao thông		0							
5.1	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn.	100m	7,05				1.664.604	11.735.458	11.735.458	

STT	Thành phần công việc	Đơn vị	Khối lượng	Khối lượng			Đơn giá	Thành tiền	Thành tiền	
				Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh	Công ty CP GMC Hạ Long			Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh
5.2	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	18,8	18,8		2.028.536	38.136.477			
6	Khảo sát thủy văn			0						
6.1	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	10,5	10,5		1.664.604	17.478.342			
6.2	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	12	12		2.028.536	24.342.432			
6.3	Điều tra thủy văn 22(cụm) Cộng	công	22	22		672.198	14.788.356			
II	Chi phí khảo sát địa chất						1.027.411.000			
1	Hạng mục Nền đường và công									
	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	m khoan	33		33	1.213.331	40.039.923		40.039.923	
	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV - VI	m khoan	18		18	1.773.482	31.922.676		31.922.676	
	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	m khoan	33		33	441.363	14.564.979		14.564.979	
	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV - VI	m khoan	18		18	626.088	11.269.584		11.269.584	
	Thí nghiệm mẫu nguyên dạng				0					
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	10		10	506.313	5.063.130		5.063.130	
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	10		10	109.322	1.093.220		1.093.220	
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	10		10	192.150	1.921.500		1.921.500	

STT	Thành phần công việc	Đơn vị	Khối lượng	Khối lượng			Đơn giá	Thành tiền	Thành tiền		
				Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh	Công ty CP GMC Hạ Long			Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh	Công ty CP GMC Hạ Long
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	10			10	278.092	2.780.920			2.780.920
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	10			10	60.442	604.420			604.420
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	10			10	151.487	1.514.870			1.514.870
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	10			10	59.300	593.000			593.000
	Thí nghiệm mẫu không nguyên dạng					0		-			-
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	2			2	506.313	1.012.626			1.012.626
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	2			2	278.092	556.184			556.184
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	2			2	913.417	1.826.834			1.826.834
	Thí nghiệm cát, góc nghỉ khô, nghỉ ướt của cát	1 chỉ tiêu	2			2	497.311	994.622			994.622
	Thí nghiệm mẫu đá					0		-			-
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng riêng của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	9			9	276.615	2.489.535			2.489.535
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng thể tích của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	9			9	203.025	1.827.225			1.827.225
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	9			9	978.902	8.810.118			8.810.118
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	9			9	978.902	8.810.118			8.810.118
2	Hạng mục nền đường đào sâu					0		-			-
	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I-III	m khoan	36,5			36,5	1.213.331	44.286.582			44.286.582

STT	Thành phần công việc	Đơn vị	Khối lượng	Khối lượng			Đơn giá	Thành tiền	Thành tiền	
				Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh	Công ty CP GMC Hạ Long			Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh
	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV-VI	m khoan	177,5			177,5	1.773.482	314.793.055		314.793.055
	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	m khoan	36,5			36,5	441.363	16.109.750		16.109.750
	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV-VI	m khoan	177,5			177,5	626.088	111.130.620		111.130.620
	Thí nghiệm SPT					0		-		-
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	1 lần TN	18			18	492.530	8.865.540		8.865.540
	Thí nghiệm mẫu nguyên dạng					0		-		-
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	10			10	506.313	5.063.130		5.063.130
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	10			10	109.322	1.093.220		1.093.220
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	10			10	192.150	1.921.500		1.921.500
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	10			10	278.092	2.780.920		2.780.920
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	10			10	60.442	604.420		604.420
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở bồng	1 chỉ tiêu	10			10	151.487	1.514.870		1.514.870
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (đang trong)	1 chỉ tiêu	10			10	59.300	593.000		593.000
	Thí nghiệm mẫu không nguyên dạng					0		-		-



STT	Thành phần công việc	Đơn vị	Khối lượng	Khối lượng			Đơn giá	Thành tiền	Thành tiền		
				Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh	Công ty CP GMC Hạ Long			Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh	Công ty CP GMC Hạ Long
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	3			3	506.313	1.518.939			1.518.939
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	3			3	278.092	834.276			834.276
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	3			3	913.417	2.740.251			2.740.251
	Thí nghiệm cát, góc nghi khô, nghi ướt của cát	1 chỉ tiêu	3			3	497.311	1.491.933			1.491.933
	Thí nghiệm mẫu đá					0		-			-
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng riêng của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	61			61	276.615	16.873.515			16.873.515
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng thể tích của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	61			61	203.025	12.384.525			12.384.525
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	61			61	978.902	59.713.022			59.713.022
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	61			61	978.902	59.713.022			59.713.022
	Thí nghiệm đất đắp					0		-			-
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	10			10	506.313	5.063.130			5.063.130
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	10			10	109.322	1.093.220			1.093.220
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	10			10	192.150	1.921.500			1.921.500
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	10			10	278.092	2.780.920			2.780.920
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	10			10	60.442	604.420			604.420
	Thí nghiệm phân tích nước, chỉ tiêu hàm lượng hữu cơ	1 chỉ tiêu	10			10	316.733	3.167.330			3.167.330

STT	Thành phần công việc	Đơn vị	Khối lượng	Khối lượng			Đơn giá	Thành tiền	Thành tiền	
				Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh	Công ty CP GMC Hạ Long			Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh
	Thí nghiệm đầm nén cái tiến PP II-D	1 chỉ tiêu	10			10	895.224	8.952.240		8.952.240
	Thí nghiệm xác định chỉ số CBR của đất, đá dăm (California Bearing Ratio)	1 chỉ tiêu	10			10	2.664.013	26.640.130		26.640.130
	Công chế bị, K95, K98	công	80			80	567.445	45.395.600		45.395.600
3	Hạng mục Kè, tường chắn									-
	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	m khoan	72			72	1.213.331	87.359.832		87.359.832
	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV - VI	m khoan	24			24	1.773.482	42.563.568		42.563.568
	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	m khoan	72			72	441.363	31.778.136		31.778.136
	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV - VI	m khoan	24			24	626.088	15.026.112		15.026.112
	Thí nghiệm SPT									-
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	1 lần TN	36			36	492.530	17.731.080		17.731.080
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp IV-VI	1 lần TN	12			12	692.309	8.307.708		8.307.708
	Thí nghiệm mẫu nguyên dạng					0				-
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	20			20	506.313	10.126.260		10.126.260
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	20			20	109.322	2.186.440		2.186.440
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	20			20	192.150	3.843.000		3.843.000

STT	Thành phần công việc	Đơn vị	Khối lượng	Khối lượng			Đơn giá	Thành tiền	Thành tiền		
				Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh	Công ty CP GMC Hạ Long			Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh	Công ty CP GMC Hạ Long
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	20			20	278.092	5.561.840			5.561.840
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	20			20	60.442	1.208.840			1.208.840
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	20			20	151.487	3.029.740			3.029.740
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (đùng trong)	1 chỉ tiêu	20			20	59.300	1.186.000			1.186.000
	Thí nghiệm mẫu không nguyên dạng					0		-			-
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	5			5	506.313	2.531.565			2.531.565
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	5			5	278.092	1.390.460			1.390.460
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	5			5	913.417	4.567.085			4.567.085
	Thí nghiệm cát, góc nghi khô, nghi ướt của cát	1 chỉ tiêu	5			5	497.311	2.486.555			2.486.555
	Thí nghiệm mẫu đá					0		-			-
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng riêng của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	12			12	276.615	3.319.380			3.319.380
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng thể tích của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	12			12	203.025	2.436.300			2.436.300
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	12			12	978.902	11.746.824			11.746.824
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	12			12	978.902	11.746.824			11.746.824
4	Hạng mục Cầu					0					-
	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I -III	m khoan	80			80	1.213.331	97.066.480			97.066.480

STT	Thành phần công việc	Đơn vị	Khối lượng	Khối lượng			Đơn giá	Thành tiền	Thành tiền		
				Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh	Công ty CP GMC Hạ Long			Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh	Công ty CP GMC Hạ Long
	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV-VI	m khoan	96			96	1.773.482	170.254.272			170.254.272
	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I - III	m khoan	80			80	441.363	35.309.040			35.309.040
	Bơm cấp nước phục vụ khoan xoay bơm rửa ở trên cạn (khi phải tiếp nước cho các lỗ khoan ở xa nguồn nước > 50m hoặc cao hơn nơi lấy nước >= 9m). Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá IV-VI	m khoan	96			96	626.088	60.104.448			60.104.448
	Thí nghiệm SPT					0	-	-			-
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	1 lần TN	40			40	492.530	19.701.200			19.701.200
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp IV-VI	1 lần TN	16			16	692.309	11.076.944			11.076.944
	Thí nghiệm mẫu nguyên dạng					0	-	-			-
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	23			23	506.313	11.645.199			11.645.199
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	23			23	109.322	2.514.406			2.514.406
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	23			23	192.150	4.419.450			4.419.450
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	23			23	278.092	6.396.116			6.396.116
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	23			23	60.442	1.390.166			1.390.166
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	23			23	151.487	3.484.201			3.484.201

STT	Thành phần công việc	Đơn vị	Khối lượng	Khối lượng			Đơn giá	Thành tiền	Thành tiền		
				Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh	Công ty CP GMC Hà Long			Công ty CP tư vấn Miền Bắc	Công ty CP Xây dựng và tư vấn giao thông Quảng Ninh	Công ty CP GMC Hà Long
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	23			23	59.300	1.363.900			1.363.900
	Thí nghiệm mẫu không nguyên dạng										
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	5			5	506.313	2.531.565			2.531.565
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	5			5	278.092	1.390.460			1.390.460
	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ chặt tiêu chuẩn	1 chỉ tiêu	5			5	913.417	4.567.085			4.567.085
	Thí nghiệm cát, góc nghi khô, nghi ướt của cát	1 chỉ tiêu	5			5	497.311	2.486.555			2.486.555
	Thí nghiệm mẫu đá										
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng riêng của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	24			24	276.615	6.638.760			6.638.760
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), khối lượng thể tích của đá nguyên khai, đá dăm (sỏi)	1 chỉ tiêu	24			24	203.025	4.872.600			4.872.600
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	24			24	978.902	23.493.648			23.493.648
	Thí nghiệm đá dăm (sỏi), cường độ nén của đá nguyên khai	1 chỉ tiêu	24			24	978.902	23.493.648			23.493.648
	Cộng							1.661.673.000			1.661.673.000
III	Chi phí lập Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán							4.100.000.000			4.100.000.000
	Chi phí lập Thiết kế bản vẽ thi công - dự toán	Khoản	1,00	75,40	24,60	0,0	4.100.000.000	4.100.000.000			4.100.000.000
	Cộng (I+II+III)							6.789.084.000			6.789.084.000
	Tỷ lệ	%						100,00			100,00
									60,66814		60,66814
									14,85620		14,85620
									1.008,600000		1.008,600000
									3.091,400000		3.091,400000
									1.008,600000		1.008,600000
									4.118,811000		4.118,811000
									14,85620		14,85620
									1.661,673000		1.661,673000
									24,47566		24,47566

Số: 383/QĐ-QLDA

Hạ Long, ngày 03 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, tư vấn lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục: Cầu, đường giao thông thuộc dự án Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn từ nút giao cầu vượt đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn thôn Trại Me, xã Sơn Dương đến thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm.

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HẠ LONG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Hạ Long về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư và phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án dự kiến đầu tư trong kế hoạch Đầu tư công năm 2022 của Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 11711/QĐ-UBND ngày 9/12/2021 của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn từ nút giao cầu vượt đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn thôn Trại Me, xã Sơn Dương đến thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm;

Căn cứ Quyết định số 13118/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND thành phố Hạ Long về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án: Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn từ nút giao cầu vượt đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn thôn Trại Me, xã Sơn Dương đến thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-QLDA ngày 21/1/2022 của Ban quản lý dự án ĐTXD Thành phố Về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu (đấu thầu qua mạng) gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, tư vấn lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục: Cầu, đường giao thông thuộc dự án Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn từ nút giao cầu vượt đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn thôn Trại Me, xã Sơn Dương đến thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-QLDA ngày 25/02/2022 của Ban quản lý dự án ĐTXD Thành phố Về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, tư vấn lập hồ

sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục: Cầu, đường giao thông thuộc dự án Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn từ nút giao cầu vượt đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn thôn Trại Me, xã Sơn Dương đến thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm;

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch kỹ thuật tại tờ trình số 225/TTr-KHKT ngày 01/3/2022 và Báo cáo thẩm định số 107/BC-KHKT ngày 03/3/2022 của Bộ phận thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát địa hình, khảo sát địa chất, tư vấn lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công - dự toán hạng mục: Cầu, đường giao thông thuộc dự án Nâng cấp, cải tạo, mở rộng đoạn từ nút giao cầu vượt đường cao tốc Hạ Long - Vân Đồn thôn Trại Me, xã Sơn Dương đến thôn Đồng Trà, xã Đồng Lâm, với các nội dung sau:

- Nhà thầu trúng thầu: Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn Miền Bắc - Công ty cổ phần Xây dựng và Tư vấn giao thông Quảng Ninh - Công ty cổ phần GMC Hạ Long.

- Giá trúng thầu: 6.789.084.000,0 đồng (Bằng chữ: Sáu tỷ bảy trăm tám mươi chín triệu không trăm tám mươi tư nghìn đồng chẵn./).

- Thời gian thực hiện: 60 ngày.

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 2. Giao phòng Kế hoạch - Kỹ thuật; Kế toán - Hành chính thông báo kết quả trúng thầu cho nhà thầu và tiến hành mời nhà thầu đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng thi công trên cơ sở phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này.

Điều 3. Các ông (bà): Phó giám đốc; Trưởng các phòng: Kế hoạch - kỹ thuật, Tư vấn - Giám sát, Kế toán - Hành chính; Tổ chuyên gia đấu thầu; Bộ phận thẩm định và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Nơi nhận:

- UBND TP (b/c); 10-2023

- Kho bạc Tỉnh (để biết)

- Như điều 3 (để thực hiện);

Số tài vụ: 1.228.9/2023.SCT/BS



GIÁM ĐỐC

Phạm Đức Tuấn



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Loan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Hạ Long, ngày 14 tháng 08 năm 2020

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG

Số: 181/2020/HĐ-TV

Tư vấn khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch tổng mặt bằng dự án:

Đường đầu nối Quốc lộ 279 đến tỉnh lộ 342, thành phố Hạ Long

giữa

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long

Và

Công ty cổ phần GMC Hạ Long

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 8198/QĐ-UBND ngày 14/08/2020 của UBND thành phố Hạ Long về việc chỉ định thầu gói thầu tư vấn khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch tổng mặt bằng dự án: Đường đầu nối Quốc lộ 279 đến tỉnh lộ 342, thành phố Hạ Long.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 14 tháng 08 năm 2020 tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Chủ đầu tư:

Tên giao dịch: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long.

Đại diện Ông Nguyễn Công Huy Chức vụ: Giám Đốc

Trụ sở chính: Số 33 phố Văn Lang, phường Hồng Gai, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản số: 9552.3. 7894997 Mở tại kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Ninh

Mã số thuế: 5700688119

Điện thoại: 0203.3825340 Fax: 0203.3825340

Nhà thầu :

Tên giao dịch: Công ty cổ phần GMC Hạ Long

Đại diện: Ông: Vũ Ngọc Vinh Chức vụ: Giám Đốc

Trụ sở chính: Tổ 2, khu I, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản số: 206704070036688 Tại Ngân hàng TMCP phát triển thành phố Hồ Chí Minh – chi nhánh Quảng Ninh

Mã số thuế: 5701802064

Điện thoại: 0203.3849928

Các bên thống nhất thỏa thuận như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long.
2. Nhà thầu là: Công ty cổ phần GMC Hạ Long
3. Dự án là: Đường đèo nối Quốc lộ 279 đến tỉnh lộ 342, thành phố Hạ Long
4. Công trình là: Đường đèo nối Quốc lộ 279 đến tỉnh lộ 342, thành phố Hạ Long
5. Gói thầu là tư vấn khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch tổng mặt bằng.
6. Đại diện chủ đầu tư là người được chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho chủ đầu tư Điều hành công việc
7. Đại diện nhà thầu là người được nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được nhà thầu chỉ định và thay mặt nhà thầu Điều hành công việc.
8. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].
9. Bên là chủ đầu tư hoặc nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
10. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
11. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.
12. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 17 [Rủi ro và bất khả kháng]
13. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại Khoản 2 dưới đây.
2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:
 - a) Quyết định chỉ định thầu;
 - b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều Khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;
 - c) Điều kiện chung của hợp đồng;
 - d) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;
 - d) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
 - h) Các phụ lục của hợp đồng;
 - i) Các tài liệu khác có liên quan.
3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.
2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự Điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án

Đề xuất các ý kiến mà Nhà thầu cho là cần thiết và phù hợp với công việc lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà chưa được Chủ đầu tư đề cập;

Lập dự án đầu tư xây dựng công trình gồm thuyết minh dự án đầu tư, bản vẽ thiết kế cơ sở và thuyết minh tính toán thiết kế cơ sở; khái toán tổng mức đầu tư, đảm bảo phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định của pháp luật về xây dựng;

Thu thập tài liệu, nghiên cứu nhiệm vụ, khảo sát hiện trường, lựa chọn phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ cho công trình phù hợp với quy định của pháp luật về quy hoạch, thiết kế xây dựng.

Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm tư vấn xây dựng khi chủ đầu tư yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.

Giám sát tác giả và làm rõ thiết kế, sửa đổi thiết kế (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng công trình.

Sản phẩm của Hợp đồng tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bao gồm: Thuyết minh của dự án, thuyết minh thiết kế cơ sở, bản vẽ thiết kế cơ sở, tổng mức đầu tư.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.
2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng là 07 bộ hồ sơ khảo sát địa hình.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng:

a) Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.

b) Hồ sơ báo cáo khảo sát địa hình;

c) Nhiệm vụ khảo sát đã được phê duyệt.

d) Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Nghiệm thu sản phẩm hợp đồng

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện Hợp đồng là **15 ngày** kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (*thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng*).

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng: **459.925.000 đồng**

Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi chín triệu, chín trăm hai mươi năm nghìn đồng./

(Giá trị thanh toán là giá trị được tính theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khối lượng thực tế thực hiện)

b) Điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 11 [Điều chỉnh hợp đồng].

2. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

3. Tạm ứng: Hợp đồng này không áp dụng hình thức tạm ứng Hợp đồng

4. Tiến độ thanh toán

Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu, chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

Việc thanh toán tuân thủ các quy định hiện hành, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Thanh toán tối đa 90% giá trị quyết toán 2 bên A – B ký kết

+ Lần 2: Thanh toán 100% giá trị quyết toán còn lại khi có quyết định phê duyệt dự án hoàn thành

5. Hồ sơ thanh toán gồm:

a) Đối với hợp đồng trọn gói:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

(Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng).

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng.

- Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các Khoản này.

6. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng

1. Điều chỉnh khối lượng công việc

a) Đối với hợp đồng trọn gói: Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên thỏa thuận Điều chỉnh tương ứng.

2. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng

a) Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của Hợp đồng do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải kiến nghị chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì nhà thầu phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho chủ đầu tư thì nhà thầu phải bồi thường.

b) Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng tư vấn chậm so với tiến độ của Hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư thì chủ đầu tư phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp gây thiệt hại cho nhà thầu thì phải bồi thường.

3. Điều chỉnh giá hợp đồng: Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn về Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng của Bộ Xây dựng.

4. Điều chỉnh các nội dung khác của Hợp đồng này thì các bên thống nhất Điều chỉnh trên cơ sở các thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn

1. Quyền của nhà thầu tư vấn:

- a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).
- b) Được đề xuất thay đổi Điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.
- c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư.
- d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).
- đ) Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các Khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.
- e) Đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình: Kiến nghị chủ đầu tư tạm dừng thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng thi công xây dựng không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không bảo đảm an toàn.

2. Nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn:

- a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.
- b) Đối với hợp đồng tư vấn thiết kế: Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của chủ đầu tư.
- c) Bảo quản và giao lại cho chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).
- d) Thông báo ngay bằng văn bản cho chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.
- đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.
- e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:
Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của bên nhận thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho bên nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các Điều Khoản được quy định trong hợp đồng thì bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan Điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ Điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời Điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

q) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng Mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình và tư vấn thiết kế xây dựng công trình.

s) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư

1. Quyền của chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng

d) Yêu cầu bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu); tạo Điều kiện để bên nhận thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu tư vấn.

g) Tạo Điều kiện cho bên nhận thầu thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho nhà thầu tư vấn nếu bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Nhân lực của nhà thầu

1. Nhân lực của nhà thầu và nhà thầu phụ phải đủ Điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về Điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định.

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục số 01 [Nhân lực của Nhà thầu]. Trường hợp thay đổi nhân sự, nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà thầu thì nhân sự đó coi như được chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do

thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu có thể Điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những Điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục số 02 [Nhân lực của Nhà thầu].

6. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không, chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 15. Bảo hiểm

Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng

1. Bất khả kháng khác trong hoạt động tư vấn xây dựng bao gồm các sự kiện sau: Khi thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng gặp hang caster, cổ vật, khảo cổ, túi bùn mà khi ký hợp đồng các bên chưa lường hết được.

2. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho bên giao thầu đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên giao thầu phải bồi thường những tổn hại cho bên nhận thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra,

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng

a) Nếu bên nhận thầu bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các Điều Khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, bên nhận thầu sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của Hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các Điều Khoản quy định trong hợp đồng.

b) Bên giao thầu phải xem xét quyết định các đề nghị của bên nhận thầu.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

5. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong Khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho bên nhận thầu:

- Các Khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho bên nhận thầu, hoặc những thứ bên nhận thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của bên giao thầu khi đã được bên giao thầu thanh toán, và bên nhận thầu sẽ để cho bên giao thầu sử.

Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu, chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong Khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu

a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các Điều Khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 18. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt Hợp đồng bởi chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 7 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không tuân thủ về Bảo đảm thực hiện hợp đồng tại Điều 14 (nếu các bên có thỏa thuận bảo đảm thực hiện hợp đồng).

b) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng... ngày mà chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 9 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng], hoặc 45 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

d) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.

đ) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền Hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã

có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 21 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

g) Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 17 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu.

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho chủ đầu tư tối thiểu là 7 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 45 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của chủ đầu tư.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 21 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 45 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 21 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 15 ngày.

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải Điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự Điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

Điều 19. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

1. Thưởng hợp đồng: Hợp đồng này không áp dụng hình thức thưởng Hợp đồng

2. Phạt vi phạm hợp đồng.

Đối với nhà thầu: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 2 ngày thì phạt 5% giá hợp đồng cho 2 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 10% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Đối với chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho nhà thầu theo quy định tại Điều 10 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà nhà thầu mở tài Khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

Điều 20. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng... ngày. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (*hoặc Tòa án Nhân dân*) theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (*hoặc Tòa án Nhân dân*) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 21. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của chủ đầu tư rằng nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy

định của Hợp đồng, nhà thầu sẽ trình cho chủ đầu tư 09 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

Nếu chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 19 [Chấm dứt Hợp đồng].

Điều 22. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các Điều Khoản, quy định và Điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo Mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.

Hợp đồng này bao gồm 15 trang và 01 phụ lục, được lập thành 07 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 05 bản, nhà thầu sẽ giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



Vũ Ngọc Vinh



Nguyễn Công Huy



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đào Xuân Thị

Hạ Long, ngày 07 tháng 12 năm 2020

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN XÂY DỰNG

Số: 170/2020/HĐ-TV

Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi
dự án: Đường đầu nối Quốc lộ 279 đến Tỉnh lộ 342, thành phố Hạ Long

(Theo Quyết định số 14674/QĐ-UBND ngày 07/12/2020)

giữa

Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long

và

Công ty cổ phần GMC Hạ Long

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng.

Căn cứ Quyết định 14674/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND thành phố Hạ Long về việc chỉ định thầu gói thầu tư vấn khảo sát địa hình, địa chất phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án: Đường đèo nối Quốc lộ 279 đến Tỉnh lộ 342, thành phố Hạ Long.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 07 tháng 12 năm 2020 tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Một bên là:

Chủ đầu tư

Tên giao dịch: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Hạ Long.
Đại diện Ông Nguyễn Công Huy Chức vụ: Giám Đốc
Trụ sở chính: Số 33 phố Văn Lang, phường Hồng Gai, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Tài khoản số: 9552.3. 7894997 Mở tại kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Ninh.
Mã số thuế: 5700688119
Điện thoại: 0203.3825340 Fax: 0203.3825340

và bên kia là:

Nhà thầu

Tên giao dịch: Công ty cổ phần GMC Hạ Long
Đại diện: Ông Vũ Ngọc Vinh Chức vụ: Giám Đốc
Trụ sở chính: Tổ 2 khu 1, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
Tài khoản số: 206704070036688 tại HD bank – Chi nhánh Quảng Ninh.

Mã số thuế: 5701802064
Điện thoại: 0203.3849.928

Các bên thống nhất thỏa thuận như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long.
2. Nhà thầu là: Công ty cổ phần GMC Hạ Long
3. Dự án là dự án: Đường đèo nối Quốc lộ 279 đến Tỉnh lộ 342, thành phố Hạ Long
4. Công trình là: Đường đèo nối Quốc lộ 279 đến Tỉnh lộ 342, thành phố Hạ Long
5. Gói thầu là tư vấn khảo sát địa hình, khảo sát địa chất phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi
6. Đại diện chủ đầu tư là người được chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho chủ đầu tư Điều hành công việc
7. Đại diện nhà thầu là người được nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được nhà thầu chỉ định và thay mặt nhà thầu Điều hành công việc.
8. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].
9. Bên là chủ đầu tư hoặc nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
10. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
11. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.
12. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 17 [Rủi ro và bất khả kháng]
13. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại Khoản 2 dưới đây.
2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:
 - a) Quyết định chỉ định thầu;

- b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều Khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;
- c) Điều kiện chung của hợp đồng;
- d) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;
- d) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
- h) Các phụ lục của hợp đồng;
- i) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.
2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự Điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng

1. Nội dung và khối lượng công việc nhà thầu thực hiện được thể hiện cụ thể bao gồm các công việc chủ yếu sau:
 - a) Lập phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 13 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.
 - b) Thu thập và phân tích số liệu, tài liệu đã có.
 - c) Khảo sát hiện trường.
 - d) Xây dựng lưới khống chế, đo vẽ chi Tiết bản đồ địa hình.
 - đ) Đo vẽ hệ thống công trình kỹ thuật ngầm.
 - e) Lập lưới khống chế trắc địa các công trình dạng tuyến.
 - g) Đo vẽ thủy văn, địa chất công trình, địa chất thủy văn

h) Nghiên cứu địa vật lý.

i) Khoan, lấy mẫu, thí nghiệm, xác định tính chất cơ lý, hóa học của đất, đá, nước.

k) Quan trắc khí tượng, thủy văn, địa chất, địa chất thủy văn

l) Thực hiện đo vẽ hiện trạng công trình.

m) Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.

n) Các công việc khảo sát xây dựng khác.

2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm:

a) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo quy định tại Điều 15 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

b) Các bản đồ địa hình, bản đồ địa chất công trình, bản đồ địa chất thủy văn, bản vẽ hiện trạng công trình xây dựng, các mặt cắt địa hình, mặt cắt địa chất.

c) Các phụ lục.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng là 9 bộ

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng:

a) Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.

b) Hồ sơ báo cáo kết quả khảo sát xây dựng đối với tư vấn khảo sát xây dựng; Hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng;

c) Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được duyệt đối với tư vấn khảo sát xây dựng; Nhiệm vụ thiết kế được duyệt, thiết kế các bước trước đó đã được phê duyệt đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

d) Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Nghiệm thu sản phẩm hợp đồng

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện Hợp đồng là 20 ngày kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (*thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng*).

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng theo giá trị chỉ định thầu là: 499.881.000 đồng

Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi chín triệu, tám trăm tám mươi một nghìn đồng./.

b) Điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 11 [Điều chỉnh hợp đồng].

2. Hình thức hợp đồng: Trọn gói

3. Nội dung của giá Hợp đồng

a) Nội dung của giá hợp đồng tư vấn khảo sát xây dựng bao gồm: chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí chung, chi phí lán trại, chi phí lập phương án và báo cáo kết quả khảo sát, chi phí di chuyển lực lượng khảo sát, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

b) Nội dung của giá hợp đồng tư vấn khảo sát, tư vấn lập báo cáo KTKT xây dựng công trình bao gồm:

- Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của bên giao thầu.

- Chi phí giám sát tác giả đối với tư vấn thiết kế xây dựng công trình.

- Chi phí khác có liên quan.

c) Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của bên giao thầu.

- Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.

- Chi phí khác mà các bên thỏa thuận không bao gồm trong giá hợp đồng.

4. Tạm ứng: Hợp đồng này không áp dụng hình thức tạm ứng Hợp đồng

5. Tiến độ thanh toán

Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của nhà thầu, chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

Việc thanh toán tuân thủ các quy định hiện hành, cụ thể như sau:

+ Lần 1: Thanh toán tối đa 90% giá trị quyết toán 2 bên A – B ký kết

+ Lần 2: Thanh toán 100% giá trị quyết toán còn lại khi có quyết định phê duyệt dự án hoàn thành

6. Hồ sơ thanh toán gồm:

a) Đối với hợp đồng trọn gói:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

(Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng).

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi Hợp đồng.

- Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các Khoản này.

7. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng

1. Điều chỉnh khối lượng công việc

a) Đối với hợp đồng trọn gói: Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên thỏa thuận Điều chỉnh tương ứng.

2. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng

a) Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của Hợp đồng do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải kiến nghị chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì nhà thầu phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho chủ đầu tư thì nhà thầu phải bồi thường.

b) Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng tư vấn chậm so với tiến độ của Hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư thì chủ đầu tư phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp gây thiệt hại cho nhà thầu thì phải bồi thường.

3. Điều chỉnh giá hợp đồng: Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn về Điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng của Bộ Xây dựng.

4. Điều chỉnh các nội dung khác của Hợp đồng này thì các bên thống nhất Điều chỉnh trên cơ sở các thỏa thuận trong Hợp đồng và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn

1. Quyền của nhà thầu tư vấn:

a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi Điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các Khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

e) Đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình: Kiến nghị chủ đầu tư tạm dừng thi công đối với nhà thầu thi công xây dựng khi xét thấy chất lượng

thi công xây dựng không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, biện pháp thi công không bảo đảm an toàn.

2. Nghĩa vụ của nhà thầu tư vấn:

- a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.
- b) Đối với hợp đồng tư vấn thiết kế: Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của chủ đầu tư.
- c) Bảo quản và giao lại cho chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).
- d) Thông báo ngay bằng văn bản cho chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.
- đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.
- e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:
Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của bên nhận thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho bên nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.
Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các Điều Khoản được quy định trong hợp đồng thì bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm.
- g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.
- h) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.
- i) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan Điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ Điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời Điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

q) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng Mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư đối với tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình và tư vấn thiết kế xây dựng công trình.

s) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư

1. Quyền của chủ đầu tư:

- a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.
- b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.
- c) Kiểm tra chất lượng công việc của nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của nhà thầu tư vấn.
- d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng
- đ) Yêu cầu bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư:

- a) Cung cấp cho nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

- b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.
- c) Giải quyết kiến nghị của nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
- d) Thanh toán đầy đủ cho nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- đ) Hướng dẫn nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án và hồ sơ mời thầu (hoặc hồ sơ yêu cầu); tạo Điều kiện để bên nhận thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.
- e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu tư vấn.
- g) Tạo Điều kiện cho bên nhận thầu thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).
- h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho nhà thầu tư vấn nếu bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Nhân lực của nhà thầu

1. Nhân lực của nhà thầu và nhà thầu phụ phải đủ Điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về Điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định.
2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục số 01 [Nhân lực của Nhà thầu]. Trường hợp thay đổi nhân sự, nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà thầu thì nhân sự đó coi như được chủ đầu tư chấp thuận.
3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong vòng 7 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.
4. Nhà thầu có thể Điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những Điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục số 02 [Nhân lực của Nhà thầu].

6. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không, chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 15. Bảo hiểm

Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng

1. Bất khả kháng khác trong hoạt động tư vấn xây dựng bao gồm các sự kiện sau: Khi thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng gặp hang caster, cổ vật, khảo cổ, túi bùn mà khi ký hợp đồng các bên chưa lường hết được.

2. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho bên giao thầu đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên giao thầu phải bồi thường những tổn hại cho bên nhận thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra,



3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng

a) Nếu bên nhận thầu bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các Điều Khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, bên nhận thầu sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của Hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các Điều Khoản quy định trong hợp đồng.

b) Bên giao thầu phải xem xét quyết định các đề nghị của bên nhận thầu.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

5. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong Khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho bên nhận thầu:

- Các Khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho bên nhận thầu, hoặc những thứ bên nhận thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của bên giao thầu khi đã được bên giao thầu thanh toán, và bên nhận thầu sẽ để cho bên giao thầu sửa.

Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu, chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong Khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu

a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các Điều Khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo Khoản này, nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 18. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt Hợp đồng bởi chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 7 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không tuân thủ về Bảo đảm thực hiện hợp đồng tại Điều 14 (nếu các bên có thỏa thuận bảo đảm thực hiện hợp đồng).

b) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng... ngày mà chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 9 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng], hoặc 45 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

d) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của chủ đầu tư.

đ) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền Hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 21 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

g) Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 17 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu.

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho chủ đầu tư tối thiểu là 7 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 45 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của chủ đầu tư.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 21 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 45 ngày kể từ ngày chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 21 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 15 ngày.

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải Điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự Điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

Điều 19. Thương, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

1. Thương hợp đồng: Hợp đồng này không áp dụng hình thức thương Hợp đồng

2. Phạt vi phạm hợp đồng.

Đối với nhà thầu: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 2 ngày thì phạt 5% giá hợp đồng cho 2 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 10% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

Đối với chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho nhà thầu theo quy định tại Điều 10 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà nhà thầu mở tài Khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

Điều 20. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng... ngày. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 21. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của chủ đầu tư rằng nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng, nhà thầu sẽ trình cho chủ đầu tư 09 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- c) Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

Nếu chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 19 [Chấm dứt Hợp đồng].

Điều 22. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các Điều Khoản, quy định và Điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo Mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.

Hợp đồng này bao gồm 18 trang, được lập thành 07 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 5 bản, nhà thầu sẽ giữ 2 bản./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC**



Vũ Ngọc

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Công Huy



CÔNG CHỨNG VIÊN
Đào Xuân Hải

Quảng Yên, ngày 10 tháng 9 năm 2018

HỢP ĐỒNG

Số: 55/2018/HĐ-TV

Gói thầu: Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất bước lập dự án

CÔNG TRÌNH:

ĐƯỜNG NỐI TỈNH LỘ 331B VỚI TỈNH LỘ 338, THỊ XÃ QUẢNG YÊN

GIỮA

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THỊ XÃ QUẢNG YÊN

VÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN GMC HẠ LONG

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Xây dựng số: 50/2014/QH13, ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ “Về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng”;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ký ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thị xã Quảng Yên với Công ty cổ phần GMC Hạ Long;

Căn cứ Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2018 của UBND thị xã Quảng Yên “V/v chỉ định thầu gói thầu Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất bước lập dự án công trình: Đường nối tỉnh lộ 331B với tỉnh lộ 338, thị xã Quảng Yên.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 10 tháng 9 năm 2018 tại Ban quản lý Dự án Đầu tư xây dựng thị xã Quảng Yên, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Một bên là:

Đại diện của Chủ đầu tư (Bên giao thầu)

Tên giao dịch: **Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Quảng Yên**

Đại diện là Ông: **Nguyễn Đức Thường** - Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ: Số 29, phố Ngô Quyền, phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh

Tài khoản số: 9552 ĐVQHNS: 1004187 Tại Kho bạc Nhà nước thị xã Quảng Yên

MST: 5700975917

Điện thoại: 0203.3555 668

- Fax : 0203.3555 668

và bên kia là:

Đại diện Nhà thầu (Bên nhận thầu):

Tên giao dịch: **Công ty cổ phần GMC Hạ Long.**

Đại diện là Ông: **Vũ Ngọc Vinh** - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Tổ 2, khu 1, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Tài khoản: 206704070036688 tại Ngân hàng HDBank - Chi nhánh QN

Mã số thuế : 5701802064

Điện thoại: 0203.3849 928

Chủ đầu tư và Nhà thầu được gọi riêng là **Bên** và gọi chung là **Các Bên**.

Các bên thống nhất thoả thuận như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

1.1. Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1.2. Đại diện Chủ đầu tư là: Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng thị xã Quảng Yên;

1.3. Nhà thầu là: Công ty cổ phần GMC Hạ Long.

1.4. Công trình là: Đường nối tỉnh lộ 331B với tỉnh lộ 338, thị xã Quảng Yên;

1.5. Gói thầu là: Tư vấn khảo sát địa hình, địa chất bước lập dự án đầu tư xây dựng công trình;

1.6. Đại diện chủ đầu tư là người được chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho chủ đầu tư điều hành công việc;

1.7. Đại diện nhà thầu là người được nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được nhà thầu chỉ định và thay mặt nhà thầu điều hành công việc;

1.8. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để trực tiếp thực hiện công việc;

1.9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

1.10. Bên là chủ đầu tư hoặc nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể;

1.11. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch;

1.12. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật;

1.13. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 19 [Rủi ro và bất khả kháng];

1.14. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng; các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này và các tài liệu tại khoản 2.2 dưới đây.

2.2 Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Quyết định chỉ định thầu;

b) Điều kiện riêng, các điều khoản tham chiếu;

đ) Biên bản đàm phán hợp đồng, các sửa đổi, bổ sung bằng văn bản;

e) Các phụ lục của hợp đồng;

f) Các tài liệu khác có liên quan

Điều 3. Trao đổi thông tin

3.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

3.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông

báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

4.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

4.2 Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc khảo sát xây dựng công trình

Nội dung và khối lượng công việc nhà thầu thực hiện khảo sát địa hình, địa chất bước lập dự án đầu tư công trình: Đường nối tỉnh lộ 331B với tỉnh lộ 338, thị xã Quảng Yên; bao gồm các công việc chủ yếu sau:

5.1. Lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng: Nhiệm vụ khảo sát địa hình, địa chất xây dựng phải phù hợp với yêu cầu từng loại công việc khảo sát, bao gồm các nội dung sau:

- Mục đích khảo sát;
- Phạm vi khảo sát;
- Phương pháp khảo sát;
- Khối lượng công tác khảo sát dự kiến;
- Tiêu chuẩn khảo sát được áp dụng;
- Thời gian thực hiện khảo sát.

5.2. Lập phương án kỹ thuật khảo sát bước lập dự án đầu tư xây dựng:

Phương án kỹ thuật khảo sát địa hình, địa chất bước lập dự án đầu tư xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Phù hợp với nhiệm vụ khảo sát địa hình, địa chất bước lập dự án đầu tư xây dựng công trình được chủ đầu tư phê duyệt;
- Tuân thủ các tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng được áp dụng.

5.3. Thực hiện các công việc khảo sát theo đúng nhiệm vụ, phương án khảo sát đã được chủ đầu tư phê duyệt, tiêu chuẩn, quy chuẩn, các yêu cầu kỹ thuật. Lập báo cáo kết quả khảo sát.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn khảo sát xây dựng

6.1. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm khảo sát xây dựng:

Chất lượng sản phẩm khảo sát xây dựng phải phù hợp với nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt, tuân thủ các tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng được áp dụng.

6.2. Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng bao gồm:

- a) Nội dung chủ yếu của nhiệm vụ khảo sát xây dựng;
- b) Đặc điểm, quy mô, tính chất của công trình;
- c) Vị trí và điều kiện tự nhiên của khu vực khảo sát xây dựng;
- d) Tiêu chuẩn về khảo sát xây dựng được áp dụng;
- đ) Khối lượng khảo sát;
- e) Quy trình, phương pháp và thiết bị khảo sát;
- g) Phân tích số liệu, đánh giá kết quả khảo sát;
- h) Đề xuất giải pháp kỹ thuật phục vụ cho việc thiết kế cơ sở công trình;
- i) Kết luận và kiến nghị;

k) Tài liệu tham khảo;

l) Các phụ lục kèm theo.

8.3. Số lượng hồ sơ sản phẩm của Hợp đồng là 07 bộ.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm

7.1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn khảo sát xây dựng:

a) Hợp đồng khảo sát xây dựng;

b) Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát địa hình, địa chất bước lập dự án đầu tư xây dựng đã được chủ đầu tư phê duyệt;

c) Tiêu chuẩn khảo sát xây dựng được áp dụng;

d) Báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.

7.3. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 02 lần:

- Lần 1: Sau khi nhà thầu hoàn thành phần khảo sát công trình.

Lần cuối: Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thoả thuận trong Hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

Tiến độ thực hiện Hợp đồng tư vấn với tổng thời gian thực hiện là 20 ngày kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ (thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng).

8.1 Tiến độ chi tiết:

Đến ngày 28 tháng 9 năm 2018 Nhà thầu sẽ phải hoàn thành và bàn giao hồ sơ khảo sát.

8.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

8.3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.1. Giá hợp đồng (Theo Quyết định chỉ định thầu): 481.714.000 đồng

Bằng chữ: (Bốn trăm tám một triệu, bảy trăm mười bốn nghìn đồng./.).

Trong đó:

- Chi phí khảo sát địa hình: 319.086.000đ

- Chi phí khảo sát địa chất: 162.628.000đ

Giá chính thức của Hợp đồng theo chính sách chế độ xây dựng cơ bản Nhà nước hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

9.2. Nội dung của giá Hợp đồng

* Giá Hợp đồng bao gồm:

- Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí khác có liên quan.

* Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của chủ đầu tư để xem xét các đề nghị của nhà thầu.

- Chi phí lấy ý kiến, thẩm tra, phê duyệt...

9.3. Tạm ứng: Gói thầu không áp dụng tạm ứng hợp đồng

9.4. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là 02 lần

Sau khi sản phẩm hoàn thành hai bên tiến hành nghiệm thu, bàn giao và thanh toán khối lượng công việc bên B đã thực hiện. Bên A thanh toán cho Bên B tối đa đến 90% giá trị thanh toán công việc đã thực hiện. Sau khi công trình xây dựng hoàn thành và quyết toán công trình được phê duyệt, hai bên làm biên bản thanh lý hợp đồng. Bên A thanh toán cho bên B giá trị còn lại của quyết toán công việc đã thực hiện. Hồ sơ thanh toán trọn gói bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán.

- Bảng tính giá trị những công việc phát sinh ngoài phạm vi Hợp đồng (nếu có).

- Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này.

9.5. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 10. Điều chỉnh giá hợp đồng

10.1. Giá hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

a) Phát sinh khối lượng công việc ngoài phạm vi Hợp đồng.

b) Do nguyên nhân bất khả kháng

c) Chi phí cho những công việc phát sinh: Được xác định trên cơ sở khối lượng công việc phát sinh và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá được xác định trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Xây dựng và các thỏa thuận của Hợp đồng này.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu

11.1. Quyền của nhà thầu:

a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến tư vấn xây dựng.

b) Đề xuất các công việc chưa được chủ đầu tư đưa vào thương thảo hợp đồng hoặc thay đổi khi phát hiện yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính Phủ.

11.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:

a) Đảm bảo rằng tất cả các công việc nhà thầu thực hiện theo Hợp đồng này phải phù hợp với luật pháp của Việt Nam và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân sự của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

b) Thực hiện tư vấn xây dựng theo đúng nội dung và khối lượng công việc đã thoả thuận và tuân thủ các quy định về việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam.

c) Thực hiện và chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình. Sản phẩm tư vấn phải được các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực theo qui định của pháp luật thực hiện, mang lại hiệu quả và phù hợp với các yêu cầu của chủ đầu tư để hoàn thành Dự án. Nhà thầu sẽ luôn luôn ủng hộ, bảo vệ lợi ích và quyền lợi hợp pháp của chủ đầu tư.

d) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

đ) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn xây dựng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức.

e) Nhà thầu sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn.

f) Phải cam kết khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày hoàn thành và bàn giao công trình.

g) Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

h) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo

cáo, thẩm định với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư.

i) Tất cả sản phẩm cuối cùng khi bàn giao cho chủ đầu tư phải phù hợp với Hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý và được chủ đầu tư nghiệm thu. Sản phẩm giao nộp cuối cùng theo Hợp đồng sẽ là tài sản của chủ đầu tư.

j) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của chủ đầu tư.

k) Nhà thầu không được tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật hay độc quyền nào liên quan đến công việc tư vấn, Hợp đồng hay các hoạt động công việc của chủ đầu tư khi chưa được chủ đầu tư đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản.

l) Nhà thầu phải tự thu xếp phương tiện đi lại, chỗ ăn ở khi phải làm việc xa trụ sở của mình.

m) Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước chủ đầu tư về quan hệ giao dịch, thực hiện công việc và thanh toán, quyết toán theo Hợp đồng với chủ đầu tư.

n) Nhà thầu có trách nhiệm ký hợp đồng với nhà thầu phụ (nếu có) với đầy đủ Phụ lục công việc giao cho nhà thầu phụ theo đúng qui định của pháp luật hiện hành; Chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về tiến độ, chất lượng các công việc do nhà thầu phụ thực hiện.

o) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

p) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của Hợp đồng:

Trong phạm vi kiến thức và kinh nghiệm tốt nhất của mình, nhà thầu phải thu thập các thông tin liên quan đến toàn bộ các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của nhà thầu theo Hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho nhà thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn được quy định trong Hợp đồng này.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu để hoàn thành công việc tư vấn theo các điều khoản được quy định trong Hợp đồng này, nhà thầu đều phải chịu trách nhiệm.

r) Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của chủ đầu tư trong khoảng thời gian 05 ngày. Nếu trong khoảng thời gian này nhà thầu không có ý kiến thì coi như nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của chủ đầu tư.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của chủ đầu tư

12.1. Quyền của chủ đầu tư:

- Sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo Hợp đồng.
- Không nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

- Kiểm tra công việc tư vấn của nhà thầu nếu thấy cần thiết.

- Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn.

- Đình chỉ thực hiện hoặc yêu cầu chấm dứt hợp đồng theo quy định.

12.2. Nghĩa vụ của chủ đầu tư:

- Tạo điều kiện tốt nhất có thể về giấy phép làm việc, thủ tục hải quan, thuế... để nhà thầu thực hiện công việc tư vấn.

- Hướng dẫn nhà thầu về những nội dung liên quan đến Dự án; Tạo điều kiện để nhà thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

- Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của nhà thầu để nhà thầu thực hiện công việc tư vấn. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

- Xem xét yêu cầu, đề xuất của nhà thầu liên quan đến thực hiện công việc tư vấn và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện tư vấn xây dựng.

- Thanh toán cho nhà thầu toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các qui định được thoả thuận trong Hợp đồng này.

- Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu trong khoảng thời gian 15 ngày. Nếu trong khoảng thời gian này chủ đầu tư không có ý kiến thì coi như chủ đầu tư đã chấp thuận đề nghị hay yêu cầu của nhà thầu.

- Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với nhà thầu.

Điều 13. Nhân lực của nhà thầu

13.1. Nhân lực của nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng.

13.2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện. Trường hợp thay đổi nhân sự, nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của nhà thầu thì nhân sự đó coi như được chủ đầu tư chấp thuận.

13.3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thoả thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

13.4. Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận.

13.5. Nhà thầu tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thoả thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 14. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

14.1. Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong Hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

14.2. Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

14.3. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo Hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 15. Bảo hiểm

Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo qui định.

Điều 16. Rủi ro và bất khả kháng

16.1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng. Các bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro, các phương án quản lý rủi ro của mình.

16.2. Bất khả kháng là sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh.

a) Bất khả kháng không bao gồm sự sơ xuất hoặc cố ý của một bên nào đó, hoặc bất kỳ sự cố nào mà một bên đã dự kiến được vào thời điểm ký kết Hợp đồng và tránh (hoặc khắc phục) trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

b) Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm Hợp đồng trong trường hợp phát sinh từ sự kiện bất khả kháng với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đã thực hiện các biện pháp để phòng theo nội dung của Hợp đồng này.

16.3. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng

a) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng vào thời gian sớm nhất và trong bất kỳ tình huống nào cũng không chậm hơn 7 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra; cung cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân, đồng thời thông báo việc khắc phục trở lại điều kiện bình thường vào thời gian sớm nhất.

b) Các bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.

c) Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của mình

d) Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một bên hoặc các bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ, một bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt hợp đồng bằng văn bản cho bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực 7 ngày sau khi bên kia nhận được thông báo.

16.4. Thanh toán khi xảy ra bất khả kháng

Các khoản chi phí phát sinh hợp lý do nhà thầu phải chịu hậu quả bất khả kháng để phục hồi hoạt động được chủ đầu tư xem xét để thanh toán.

Điều 17. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

17.1. Tạm ngừng công việc bởi chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu, chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

17.2. Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu

a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng trên cơ sở kế hoạch ghi vốn công trình đã có, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

17.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 18. Chấm dứt hợp đồng

*** Chấm dứt Hợp đồng bởi chủ đầu tư**

Chủ đầu tư có thể chấm dứt Hợp đồng, sau 10 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc Hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng nếu:

- Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 10 ngày mà chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư về sai sót đó.

- Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 11 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng], hoặc 45 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

- Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thoả thuận của chủ đầu tư.

- Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được uỷ quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

- Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 19 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

- Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư.

- Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 16 [Rủi ro và bất khả kháng].

- Sau khi chấm dứt Hợp đồng, chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

*** Chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu**

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho chủ đầu tư tối thiểu là 10 ngày trong các trường hợp sau đây:

- Sau 45 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của chủ đầu tư.

- Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 19 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

- Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 10 ngày.

- Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

- Khi một trong hai bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

- Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

Điều 19. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

19.1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng Hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 10 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thoả thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

19.2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp Hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo qui định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

19.3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 20. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng

20.1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của chủ đầu tư rằng nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo qui định của Hợp đồng, nhà thầu sẽ trình cho chủ đầu tư 09 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.
- Nếu chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.
- Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho nhà thầu.

20.2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Điều 21. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể ngày ký.

Hợp đồng này bao gồm 13 trang, được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 06 bản, nhà thầu sẽ giữ 04 bản.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU ^{Ngày 21-10-2020}
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ ✓
GIÁM ĐỐC



Vũ Ngọc Vinh

CÔNG CHỨNG VINH Nguyễn Đức Thường

Dào Xuân Hải